

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**  
**KHOA KINH TẾ VÀ KẾ TOÁN**

-----o0o-----



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN THỊNH PHÁT**

**Sinh viên thực hiện : Trương Thị Thu Huyền**

**Lớp : Kế Toán K40A**

**Giáo viên hướng dẫn : ThS. Lê Vũ Tường Vy**

**Bình Định, tháng 6 năm 2021**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan Khóa luận tốt nghiệp này là do tự bản thân thực hiện có sự hỗ trợ từ giảng viên hướng dẫn và không sao chép các công trình nghiên cứu của người khác. Các dữ liệu thông tin thứ cấp sử dụng trong Khóa luận là có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này!

Sinh viên

Trương Thị Thu Huyền

## NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ tên sinh viên thực hiện: Trương Thị Thu Huyền

Lớp: Kế toán 40A

Khóa : 40

Tên đề tài: “*Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát*”

### I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện: .....

2. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết: .....

- Cơ sở số liệu: .....

- Phương pháp giải quyết các vấn đề: .....

3. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày: .....

- Kết cấu của đề bài: .....

4. Những nhận xét khác: .....

### II. Đánh giá cho điểm:

- Tiến trình làm đề tài: .....

- Nội dung đề tài: .....

- Hình thức đề tài: .....

**Tổng cộng:** .....

*Bình định, Ngày tháng 06 năm 2021*

*Giảng viên hướng dẫn*

ThS. Lê Vũ Tường Vy

## NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN

Họ và tên sinh viên thực hiện: Trương Thị Thu Huyền

Lớp: Kế toán 40A

Tên đề tài: “*Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tạo công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát*”

### I. Nội dung nhận xét:

1. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết: .....
- Cơ sở số liệu: .....
- Phương pháp giải quyết các vấn đề: .....

2. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày: .....
- Kết cấu của đề bài: .....

3. Những nhận xét khác: .....

### II. Đánh giá cho điểm:

- Tiến trình làm đề tài: .....
- Nội dung đề tài: .....
- Hình thức đề tài: .....
- Tổng cộng:** .....

Bình Định, Ngày... tháng 06 năm 2021

**GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN**

	<b>Trang</b>
<b>MỤC LỤC</b>	
<b>DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT .....</b>	<b>ix</b>
<b>DANH MỤC CÁC BẢNG, SƠ ĐỒ.....</b>	<b>x</b>
<b>LỜI MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu .....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	1
4. Phương pháp nghiên cứu .....	2
5. Dự kiến đóng góp của đề tài .....	2
6. Kết cấu đề tài .....	2
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>4</b>
<b>1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....</b>	<b>4</b>
<i>1.1.1. Một số khái niệm.....</i>	<i>4</i>
1.1.1.1. Doanh thu và thu nhập khác .....	4
1.1.1.2. Chi phí.....	4
1.1.1.3. Kết quả kinh doanh.....	5
<i>1.1.2. Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....</i>	<i>8</i>
<i>1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....</i>	<i>8</i>
<i>1.1.4. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>9</i>
<i>1.1.5. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....</i>	<i>22</i>
<b>1.2. Kế toán doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....</b>	<b>23</b>
<i>1.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....</i>	<i>23</i>
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	28
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	28

1.2.1.3. Kế toán giá vốn hàng bán .....	29
1.2.1.4. Kế toán chi phí bán hàng .....	<b>31</b>
1.2.1.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	33
1.2.1.6. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	35
<b>1.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động đầu tư tài chính .....</b>	<b>37</b>
1.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	37
1.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	40
1.2.2.3. Kế toán kết quả hoạt động đầu tư tài chính.....	41
<b>1.2.3. Kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh khác .....</b>	<b>42</b>
1.2.3.1. Kế toán thu nhập khác .....	42
1.2.3.2. Kế toán chi phí khác .....	45
1.2.3.3. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp .....	46
1.2.3.4. Kế toán hoạt động khác.....	48
<b>1.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</b>	<b>49</b>
1.2.4.1. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh.....	49
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng .....	49
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán .....	50
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN THỊNH PHÁT .....</b>	<b>51</b>
<b>2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát .....</b>	<b>51</b>
<b>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....</b>	<b>51</b>
2.1.1.1. Tên, địa chỉ công ty .....	51
2.1.1.2. Thời gian thành lập,các mốc quan trọng .....	51
2.1.1.3. Quy mô hiện tại của công ty.....	52
2.1.1.4. Kết quả kinh doanh, đóng góp vào ngân sách của công ty qua các năm .....	52
<b>2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của công ty.....</b>	<b>53</b>

2.1.2.1. Chức năng của Công ty .....	53
2.1.2.2. Nhiệm vụ của Công ty .....	53
<b>2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty .....</b>	<b>54</b>
2.1.3.1. Loại kinh doanh và các loại hàng hóa chủ yếu mà công ty đang kinh doanh.....	54
2.1.3.2. Thị trường đầu vào và đầu ra của Công ty .....	54
2.1.3.3. Đặc điểm vốn kinh doanh của Công ty .....	55
2.1.3.4. Đặc điểm các nguồn lực chủ yếu của Công ty .....	55
<b>2.1.4. Đặc điểm tổ chức kinh doanh và tổ chức quản lý tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát .....</b>	<b>56</b>
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức kinh doanh.....	56
2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty .....	57
<b>2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty .....</b>	<b>60</b>
2.1.5.1. Mô hình tổ chức kế toán tại Công ty .....	60
2.1.5.2. Bộ máy kế toán của Công ty .....	60
2.1.5.3. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty.....	61
2.1.5.4. Các chính sách kế toán đang áp dụng tại công ty.....	63
<b>2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát.....</b>	<b>64</b>
<b>2.2.1. Tổng quan về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....</b>	<b>64</b>
2.2.1.1. Nội dung doanh thu và thu nhập .....	64
2.2.1.2. Nội dung chi phí .....	65
2.2.1.3. Nội dung và cách xác định các chỉ tiêu liên quan đến kết quả kinh doanh trong công ty .....	65
2.2.1.4. Tài khoản sử dụng .....	66
2.2.1.5. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....	67

<b>2.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát.</b> .....	68
2.2.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	68
2.2.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính. ....	90
2.2.2.3. Kế toán chi phí, thu nhập và kết quả hoạt động khác.....	98
2.2.2.4. Kế toán thuế chi phí thu nhập doanh nghiệp hiện hành. ....	99
2.2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	100
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN THỊNH PHÁT</b> .....	130
<b>3.1. Đánh giá chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát</b> .....	130
3.1.1. <i>Kết quả đạt được</i> .....	130
3.1.2. <i>Những nhược điểm tồn tại</i> .....	131
3.1.3. <i>Những nguyên nhân của các nhược điểm</i> .....	131
<b>3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.</b> .....	132
3.2.1. <i>Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty</i> .....	132
3.2.2. <i>Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty</i> .....	132
<b>KẾT LUẬN</b> .....	150

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**



## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Diễn giải
1	BĐSDT	Bất động sản đầu tư
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	BHXH	Bảo hiểm xã hội
4	BH& CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
5	CMKT	Chuẩn mực kế toán
6	CP	Chi phí
7	CCDV	Cung cấp dịch vụ
8	DN	Doanh nghiệp
9	GTGT	Giá trị gia tăng
10	GVHB	Giá vốn hàng bán
11	KC	Kết chuyển
12	KTTC	Kế toán tài chính
13	KQKD	Kết quả kinh doanh
14	KTVN	Kế toán việt nam
15	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
16	PB	Phân bổ
17	SXKD	Sản xuất kinh doanh
18	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
19	TT-BTC	Thông tư- Bộ tài chính
20	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
21	TS	Tài sản
22	TSCĐ	Tài sản cố định
23	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
24	TK	Tài khoản
25	XK	Xuất khẩu
26	XĐKQKD	Xác định kết quả kinh doanh

## **DANH MỤC CÁC BẢNG, SƠ ĐỒ**

<b>DANH MỤC BẢNG</b>	<b>Trang</b>
Bảng 2.1. Kết quả kinh doanh của công ty.....	52
Bảng 2.2. Nguồn vốn kinh doanh của công ty.....	55
Bảng 2.3. Tình hình sử dụng TSCĐ của công ty năm 2020.....	56
Bảng 2.4. Bảng tình hình lao động tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát năm 2020..	56
<b>DANH MỤC SƠ ĐỒ</b>	<b>Trang</b>
Sơ đồ 1.1. Sơ đồ Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch .....	28
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	29
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên ..	31
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ Kế toán chi phí bán hàng .....	33
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....	35
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ Kế toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	37
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	39
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ Kế toán chi phí tài chính .....	41
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ Kế toán hoạt động tài chính .....	42
Sơ đồ 1.10. Sơ đồ Kế toán thu nhập khác .....	44
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ Kế toán chi phí khác .....	46
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành .....	47
Sơ đồ 1.13. Sơ đồ Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại .....	48
Sơ đồ 1.14. Sơ đồ Kế toán hoạt động khác .....	49
Sơ đồ 1.15. Sơ đồ Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	50
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ quy trình tổ chức tổng hợp hoạt động dịch vụ gia công .....	57
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	58
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty .....	60
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán theo chứng từ ghi sổ tại công ty .....	62
Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính.....	63

# LỜI MỞ ĐẦU

Kế toán là một công cụ quan trọng nhất đáng tin cậy để Nhà nước điều hành quản lý vĩ mô nền kinh tế. Kiểm tra, kiểm soát hoạt động các ngành, mọi lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân. Nhận thức được vấn đề đó, công tác tổ chức nói chung và tổ chức tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng luôn được các doanh nghiệp quan tâm.

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, mục đích quan trọng của các doanh nghiệp vẫn là tối đa hóa lợi nhuận. Lợi nhuận là động lực cũng như là điều kiện để cho các doanh nghiệp tồn tại, mở rộng quy mô hoạt động và không ngừng phát triển. Để đạt được mục tiêu này vấn đề quan trọng là doanh nghiệp phải quản lý có hiệu quả hai chỉ tiêu cơ bản là doanh thu và chi phí. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là yếu tố then chốt giúp nhà quản lý có một cái nhìn chính xác về tình hình kinh doanh của mình từ đó đưa ra các quyết định ngắn hạn và dài hạn và phù hợp cho công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau một thời gian ngắn thực tập ở công ty, được sự quan tâm giúp đỡ của cán bộ phòng kế toán tại công ty và những kiến thức đã học được ở trường em nhận thấy được tầm quan trọng của kế toán trong việc xác định kết quả kinh doanh đối với sự hoạt động và phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy, em quyết định chọn đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

## 2. Mục tiêu nghiên cứu

- Nắm bắt và vận dụng được các quy định, chuẩn mực về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Tìm hiểu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát.
- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

## 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Phạm vi nghiên cứu:
  - + Về mặt không gian: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

+ Về mặt thời gian: Quý IV/2020

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu bằng các phương pháp sau:

- Phương pháp tiếp cận thông tin: Khóa luận tốt nghiệp vận dụng cơ sở lý thuyết về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để phân tích thực trạng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát.

- Phương pháp thu thập dữ liệu:

Dữ liệu phục vụ cho đề tài được thu thập thông qua các nguồn sau:

+ Nguồn dữ liệu thứ cấp: các dữ liệu thu thập từ nguồn này bao gồm các văn bản Luật, Thông tư, ... của Quốc hội, ngành về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả. Tài liệu giới thiệu về doanh nghiệp, đặc điểm, mục tiêu, phương hướng, chính sách phát triển của công ty, các sổ sách, chứng từ, báo cáo kế toán liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

+ Nguồn dữ liệu thứ cấp: Trực tiếp khảo sát kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát để thu thập thông tin đảm bảo tính xác thực cho công tác nghiên cứu.

- Phương pháp xử lý phân tích dữ liệu:

Các dữ liệu thu thập được sẽ được kiểm tra, sàng lọc, sau đó sẽ tiến hành thống kê, phân tích. Bên cạnh đó, tiến hành xử lý số liệu bằng cách sử dụng sơ đồ, bảng biểu, ... để phân tích, tổng hợp và đánh giá.

#### **5. Dự kiến đóng góp của đề tài**

- Đề tài góp phần làm rõ vấn đề kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát.

- Đề tài đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát.

#### **6. Kết cấu đề tài**

Ngoài phần mục lục, mở đầu, kết luận, kết cấu đề tài gồm 3 chương:

*Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.*

*Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát.*

*Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát.*

Em xin chân thành cảm ơn toàn thể Ban lãnh đạo Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát đã nhận em vào thực tập để em có cơ hội học hỏi và bắt đầu tập làm quen với môi trường làm việc thực tế tại Công ty.

Bên cạnh đó em cũng xin cảm ơn Khoa Kinh tế- Kế toán của trường Đại học Quy Nhơn cùng các thầy cô hướng dẫn nhất là cô Lê Vũ Tường Vy đã hết lòng giúp đỡ, hướng dẫn và chỉnh sửa những sai sót trong khi em thực hiện bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Tuy nhiên, thời gian thực tập có hạn và mặc dù đã cố gắng trong việc tìm tòi, tham khảo tài liệu và tìm hiểu thực tế, song bước đầu vận dụng cơ sở lý thuyết vào thực tiễn chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của cô và cán bộ công nhân viên của công ty để bài báo cáo của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Quy Nhơn, tháng 6 năm 2021

**Sinh viên thực hiện**

Trương Thị Thu Huyền

# **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP**

## **1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

### ***1.1.1. Một số khái niệm***

#### ***1.1.1.1. Doanh thu và thu nhập khác***

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu là “tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu”. Chuẩn mực số 14 cũng chỉ rõ: Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu hoặc các khoản vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

Đối với các doanh nghiệp, doanh thu bao gồm nhiều loại khác nhau, phát sinh từ các hoạt động khác nhau (doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác). Trong đó, doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ là bộ phận doanh thu chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp. Khoản doanh thu này phát sinh từ các giao dịch thuộc hoạt động bán hàng (là hoạt động bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa do doanh nghiệp mua vào) và hoạt động cung cấp dịch vụ (là việc thực hiện công việc mà doanh thu đã thỏa thuận với người mua theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán) theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Đó chính là doanh thu thuần về tiêu thụ và được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được (là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá) sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại.

Thu nhập khác: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

#### ***1.1.1.2. Chi phí***

Theo Điều 82 Thông tư 200/2014/TT-BTC, ban hành ngày 22/12/2014 “Thông tư hoạt động chế độ kế toán doanh nghiệp”

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

#### *1.1.1.3. Kết quả kinh doanh*

Theo Điều 96 Thông tư 200/2014/TT-BTC:

a, Phân loại hoạt động trong doanh nghiệp- Cơ sở để xác định kết quả kinh doanh.

Hoạt động của mỗi doanh nghiệp có thể được phân loại theo nhiều cách khác nhau tùy thuộc vào yêu cầu thông tin cho quản lý. Về lý luận cũng như trong thực tế, hoạt động của doanh nghiệp thường được phân theo các tiêu thức sau:

#### **❖ Phân theo chức năng hoạt động:**

Theo chức năng hoạt động, toàn bộ hoạt động mà doanh nghiệp tiến hành được chia thành hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Trong đó, hoạt động kinh doanh là hoạt động tạo ra nguồn doanh thu chủ yếu cho doanh nghiệp; hoạt động đầu tư là hoạt động liên quan đến mua sắm, xây dựng, nhượng bán, thanh lý tài sản dài hạn và các hoạt động đầu tư vào các doanh nghiệp khác với mục đích kiếm lời; còn hoạt động tài chính là hoạt động có liên quan đến việc thay đổi quy mô và kết cấu của vốn chủ sở hữu và vốn vay, tức là làm thay đổi cấu trúc tài chính doanh nghiệp.

Phân theo chức năng hoạt động có tác dụng giúp các nhà quản lý nắm được cơ cấu nguồn thu, xác định được chi phí và kết quả theo từng hoạt động. Đồng thời, phân loại hoạt động theo các này là căn cứ để xác định dòng lưu chuyển tiền tệ và lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ được chính xác, nhanh chóng.

#### **❖ Phân theo cách thức phản ánh của kế toán tài chính:**

Theo cách thức phản ánh của kế toán tài chính, toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp được chia thành các hoạt động cụ thể sau:

- Hoạt động sản xuất- kinh doanh: là những hoạt động thuộc lĩnh vực sản xuất dịch vụ hay thương mại có liên quan đến tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư. Đây là những hoạt động mà doanh nghiệp phải dành hầu hết cơ sở vật chất- kỹ thuật, con người để tiến hành; đồng thời, những hoạt động này cũng tạo nên doanh thu chủ yếu cho doanh nghiệp. Thuộc hoạt động sản xuất- kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm các hoạt động sản xuất- kinh doanh chính, sản xuất- kinh doanh phụ và hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

- Hoạt động đầu tư tài chính: Hoạt động đầu tư tài chính là hoạt động đầu tư về vốn vào các doanh nghiệp khác với mục đích kiếm lời. Thuộc hoạt động đầu tư tài chính bao gồm các hoạt động như: đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty liên doanh đồng kiểm soát, đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư tài chính dài hạn khác.

- Hoạt động khác: là các hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp, ngoài những hoạt động thuộc hoạt động sản xuất- kinh doanh và hoạt động đầu tư tài chính ở trên. Được xếp vào hoạt động khác bao gồm: hoạt động nhượng bán, thanh lý TSCĐ; hoạt động thu hồi nợ khó đòi đã xóa sổ; hoạt động thu tiền được phạt hay chi trả tiền bị phạt,...

Phân loại hoạt động theo cách này tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán trong việc ghi nhận doanh thu, chi phí, thu nhập theo từng hoạt động. Từ đó, xác định được kết quả theo từng hoạt động một cách chính xác, làm căn cứ để đánh giá hiệu quả theo từng hoạt động mà doanh nghiệp tiến hành.

#### ❖ Phân loại theo quan hệ với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Trong quan hệ với Báo cáo kết quả kinh doanh, toàn bộ hoạt động mà doanh nghiệp tiến hành lại được chia ra hoạt động kinh doanh và hoạt động khác. Thuộc hoạt động kinh doanh bao gồm hoạt động sản xuất- kinh doanh và hoạt động đầu tư tài chính.

Phân theo cách này giúp cho kế toán có căn cứ để thu thập thông tin Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhanh chóng, kịp thời. Từ đó, xác định kết quả (lãi, lỗ thuần) theo từng hoạt động (hoạt động kinh doanh, hoạt động khác) cũng như xác định được tổng số lợi nhuận kế toán trước thuế, xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế một cách chính xác, nhanh chóng.

#### b, Nội dung và cách xác định các chỉ tiêu liên quan đến kết quả kinh doanh

Theo cách thức phản ánh của kế toán tài chính, nội dung và cách xác định kết quả của từng hoạt động như sau:

#### ❖ Kết quả hoạt động sản xuất- kinh doanh:

Thuộc kết quả hoạt động sản xuất- kinh doanh bao gồm kết quả tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa và kết quả kinh doanh bất động sản đầu tư. Kết quả hoạt động sản xuất- kinh doanh còn được gọi kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ. Kết quả này chính là số lợi nhuận (lãi) hay lỗ về tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư và được tính bằng số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu thuần về bất động sản đầu tư với trị giá vốn của hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư.



Lãi (hay lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần về bán hàng & CCDV và kinh doanh BĐS đầu tư	-	Giá vốn sản phẩm dịch vụ, hàng hóa, BĐS đầu tư tiêu thụ	-	Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
---	---	---	---	---	---	-------------------------------	---	------------------	---	------------------------------

**❖ Kết quả hoạt động đầu tư tài chính:**

Kết quả hoạt động đầu tư tài chính là số lợi nhuận (lãi) hay lỗ từ hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả này được xác định bằng số chênh lệch giữa doanh thu thuần hoạt động đầu tư tài chính với chi phí thuộc hoạt động đầu tư tài chính.

Lãi (hay lỗ) từ hoạt động đầu tư tài chính	=	Doanh thu thuần từ hoạt động đầu tư tài chính	-	Chi phí thuộc hoạt động đầu tư tài chính
--	---	---	---	--

**❖ Kết quả hoạt động kinh doanh:**

Trong quan hệ với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất- kinh doanh và kết quả hoạt động đầu tư tài chính tạo thành chỉ tiêu “Kết quả hoạt động kinh doanh”. Nói cách khác, số lãi (hay lỗ) từ hoạt động kinh doanh được tạo thành bởi số lãi (hay lỗ) từ hoạt động SXKD và hoạt động đầu tư tài chính.

Lãi (hay lỗ) từ hoạt động kinh doanh	=	Lãi (hay lỗ) từ hoạt động sản xuất- kinh doanh	+	Lãi (hay lỗ) từ hoạt động đầu tư tài chính
--------------------------------------	---	--	---	--

**❖ Kết quả hoạt động khác:**

Về bản chất, kết quả hoạt động khác được tính bằng số chênh lệch giữa thu nhập thuần và chi phí khác phát sinh trong kỳ.

Lãi (hay lỗ) từ hoạt động khác	=	Thu nhập thuần khác	-	Chi phí khác
--------------------------------	---	---------------------	---	--------------

Tuy nhiên, theo Chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam, kết quả kinh doanh được xác định bằng số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần khác với các khoản chi phí khác và khoản chi phí thuế nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

Lãi (hay lỗ) từ hoạt động khác (đã loại trừ chi phí thuế TNDN)	=	Thu nhập thuần khác	-	Chi phí khác	-	Chi phí thuế TNDN
--	---	---------------------	---	--------------	---	-------------------

Bên cạnh các chỉ tiêu trên, khi lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp còn phải xác định chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế”. Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận kế toán thực hiện trong kỳ Báo cáo của doanh nghiệp trước khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lãi (hay lỗ) từ hoạt động kinh doanh	+	Lãi (hay lỗ) từ hoạt động khác
-----------------------------------	---	--------------------------------------	---	--------------------------------

Chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại sẽ tạo nên chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp”.

### ***1.1.2. Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp những thông tin quan trọng không chỉ cần thiết đối với nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

- Đối với doanh nghiệp: Thông qua quá trình tiêu thụ giúp doanh nghiệp và tiếp tục quá trình luân chuyển vốn, đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh từ đó xác định hiệu quả từng loại hoạt động trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược giải pháp mang lại hiệu quả cao nhất trong tương lai. Xác định kết quả kinh doanh còn là căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Đối với nhà nước: Việc hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh giúp nhà nước thu đúng, thu đủ thuế và các nguồn lợi khác. Bên cạnh đó còn giúp nhà nước nắm bắt, tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết để điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô.

### ***1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

- Nhiệm vụ của kế toán chi phí:

+ Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh:

+ Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,...đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

+ Tổ chức theo dõi chính xác, trung thực đầy đủ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh.

+ Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

+ Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước.

+ Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

+ Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

#### **1.1.4. Tài khoản sử dụng**

##### *1.1.4.1. Nhóm tài khoản thuộc doanh thu và thu nhập*

###### a. Doanh thu

###### • **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Tài Khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ, công ty con trong cùng tập đoàn.

###### *Bên Nợ:*

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT);

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Bên Có:* Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 cuối kỳ không có số dư và gồm có 5 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 5111 “Doanh thu bán hàng hoá”*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hoá, vật tư, lương thực,...

- *Tài khoản 5112 “Doanh thu bán thành phẩm”*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

- *Tài khoản 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

- *Tài khoản 5114 “Doanh thu trợ cấp, trợ giá”*: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

- *Tài khoản 5117 “Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư”*: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

- *Tài khoản 5118 “Doanh thu khác”*: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài doanh thu bán hàng hoá, doanh thu bán thành phẩm, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu được trợ cấp trợ giá và doanh thu kinh doanh bất động sản như: Doanh thu bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ, dụng cụ và các khoản doanh thu khác.

• **Doanh thu hoạt động tài chính:**

Kế toán sử dụng tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

*Bên Nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Bên Có:* Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.  
*Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.*

• **Các khoản giảm trừ doanh thu.**

Kế toán sử dụng tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

*Bên Nợ:*

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;
- Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng;
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán

*Bên Có:* Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2

- *Tài khoản 5211 “Chiết khấu thương mại”:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

- *Tài khoản 5212 “Hàng bán bị trả lại”:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bị người mua trả lại trong kỳ.

- *Tài khoản 5213 “Giảm giá hàng bán”:* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán cho người mua do sản phẩm hàng hóa dịch vụ cung cấp kém quy cách nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong kỳ

**b. Thu nhập khác:** Tài khoản được dùng để xác định thu nhập khác của doanh nghiệp trong một kỳ hạch toán là tài khoản 711 “Thu nhập khác”:

Nội dung kết cấu phản ánh trên TK 711 như sau:

Kế toán sử dụng tài khoản 711 “Thu nhập khác”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

*Bên Nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Bên Có:*

- Các khoản thu nhập thực tế phát sinh

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

*1.1.4.2. Nhóm tài khoản thuộc chi phí*

a. Giá vốn hàng bán:

Kế toán sử dụng tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

*Bên Nợ:*

- ***Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:***

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.

+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- ***Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:***

+ Số khấu hao BĐS đầu tư dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ;

- + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;
- + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;
- + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;
- + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ;
- + Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.

*Bên Có:*

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho;
- Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).
- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.
- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*

**b. Chi phí tài chính:**

Kế toán sử dụng tài khoản 635 “Chi phí tài chính”: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

*Bên Nợ:*

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

*Bên Có:*

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

*Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.*

c. Chi phí bán hàng:

Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

*Bên Nợ:* Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

*Bên Có:*

- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ;
- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.



Tài khoản 641 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết theo các tài khoản cấp 2 sau:

- *Tài khoản 6411 “Chi phí nhân viên”*: Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá,... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp,...

- *Tài khoản 6412 “Chi phí nguyên vật liệu bao bì”*: Phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hoá, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản TSCĐ,... dùng cho bộ phận bán hàng.

- *Tài khoản 6413 “Chi phí dụng cụ, đồ dùng”*: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,...

- *Tài khoản 6414 “Chi phí khấu hao TSCĐ”*: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng, như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,...

- *Tài khoản 6415 “Chi phí bảo hành”*: Dùng để phản ánh khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá. Riêng chi phí sửa chữa và bảo hành công trình xây lắp phản ánh ở TK 627 “Chi phí sản xuất chung” mà không phản ánh ở TK này.

- *Tài khoản 6417 “Chi phí dịch vụ mua ngoài”*: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu,...

- *Tài khoản 6418 “Chi phí bằng tiền khác”*: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng..

#### d. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua

ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

*Bên Nợ:*

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

*Bên Có:*

- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành:

Tùy theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 642 có thể được mở thêm một số tiểu khoản khác để theo dõi các nội dung, yếu tố chi phí thuộc quản lý doanh nghiệp. Tài khoản 642 được chi tiết theo các tài khoản cấp 2 sau:

- *Tài khoản 6421 “Chi phí nhân viên quản lý”*: Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

- *Tài khoản 6422 “Chi phí vật liệu quản lý”*: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm... vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,... (giá có thuế, hoặc chưa có thuế GTGT).

- *Tài khoản 6423 “Chi phí đồ dùng văn phòng”*: Phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý (giá có thuế, hoặc chưa có thuế GTGT).

- *Tài khoản 6424 “Chi phí khấu hao TSCĐ”*: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: Nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng,...

- *Tài khoản 6425 “Thuế, phí và lệ phí”*: Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.

- *Tài khoản 6426 “Chi phí dự phòng”*: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Tài khoản 6427 “Chi phí dịch vụ mua ngoài”*: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,... (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp; tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- *Tài khoản 6428 “Chi phí bằng tiền khác”*: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã kể trên, như: Chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...

e. Chi phí khác:

Kế toán sử dụng tài khoản 811 “Chi phí khác”: dùng để phản ánh các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động khác của doanh nghiệp.

*Bên Nợ*: Các khoản chi phí khác phát sinh.

*Bên Có*: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 cuối kỳ không có số dư và cũng có thể mở chi tiết theo từng khoản chi phí yêu cầu của công tác quản lý (nếu cần)

f. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Tài khoản 821 Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 821 như sau:

*Bên Nợ*:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);

- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Bên Có:*

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết làm 2 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 8211 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành”*: dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của doanh nghiệp. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 8211 như sau:

*Bên Nợ:*

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;

- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

*Bên Có:*

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Tài khoản 8211 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” không có số dư cuối kỳ.*

+ *Tài khoản 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại”*: dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm của doanh nghiệp.

*Bên Nợ:*

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);

- Số hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đã ghi nhận từ các năm trước (là số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập

doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Bên Có:*

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” nhỏ hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Tài khoản 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” không có số dư cuối kỳ.*

#### *1.1.4.3. Kết quả kinh doanh*

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này như sau:

*Bên Nợ:*

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

*Bên Có:*

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Kết chuyển lỗ.

*Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.*

• **Tài khoản 421 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối”**: Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này như sau:

*Bên Nợ:*

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu;
- Bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu;

*Bên Có:*

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

*Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.*

*Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.*

*Số dư bên Có: Số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.*

Tài khoản này được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 4211 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước”*: Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước. Tài khoản 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện.

Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay” sang TK 4211 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước”.

- Tài khoản 4212 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay”: Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay.

Trong quá trình hạch toán sử dụng một số tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 131, TK 333, TK 334,...

### **1.1.5. Chứng từ và sổ sách sử dụng** (Theo thông tư 200/2014/TT-BTC)

#### **1.1.5.1. Doanh thu và thu nhập**

##### **a. Doanh thu**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001), phiếu thu (Mẫu số 01-TT), giấy báo có của ngân hàng, bảng thanh lý hàng đại lý, ký gửi (Mẫu số 01-BH), đơn đặt hàng, hợp đồng bán hàng, biên bản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán.

- Sổ chi tiết bán hàng (Mẫu số S35-DN), Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38-DN), Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S02c1- DN)

##### **b. Thu nhập**

- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT), biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ (Mẫu số 02-TSCĐ), hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001)

- Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38- DN)

- Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S02c1- DN)

#### **1.1.5.2. Chi phí**

##### **a. Giá vốn hàng bán**

- Phiếu xuất kho hàng gửi đại lý (Mẫu số 04HGDL), Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu số 03XKNB), Bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn.

- Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38- DN)

- Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S02c1- DN)

##### **b. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001), phiếu chi (Mẫu số 02- TT), ủy nhiệm chi, giấy báo Nợ của ngân hàng, bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11-LĐTL), bảng thanh toán tiền lương (Mẫu số 10-LĐTL), Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06- TSCĐ), giấy thanh toán tạm ứng (Mẫu số 04-TT)

- Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38- DN)

- Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S02c1- DN)

##### **c. Chi phí hoạt động tài chính**

- Ủy nhiệm chi, Giấy báo Nợ của ngân hàng

- Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38- DN)



- Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S021- DN)

d. Chi phí khác

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT03/001), Phiếu chi (Mẫu số 02-TT), biên lai nộp thuế (Mẫu số CTT50), biên bản thanh lý TSCĐ (Mẫu số 02-TSCĐ)

- Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38- DN)
- Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S02c1- DN)

e. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu số 03/ TNDN), Biên lai nộp thuế (Mẫu số CTT50)

- Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38- DN)
- Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S02c1- DN)

*1.1.5.3. Kết quả kinh doanh*

- Phiếu kết chuyển.
- Sổ chi tiết các tài khoản (Mẫu số S38-DN)
- Sổ cái các tài khoản (Mẫu số S02c1- DN)

## **1.2. Kế toán doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### ***1.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh***

Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ chính là kế toán kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ (kể cả kết quả kinh doanh bất động sản đầu tư).

❖ Nguyên tắc kế toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Một là: Phân định chi phí, doanh thu, thu nhập và kết quả thuộc từng hoạt động sản xuất- kinh doanh

Hoạt động sản xuất- kinh doanh trong một doanh nghiệp bao gồm hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ (là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của các ngành sản xuất- kinh doanh chính và sản xuất – kinh doanh phụ), hoạt động đầu tư tài chính (là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời) và hoạt động khác (bao gồm các hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp và những hoạt động chưa kể ở trên). Trong quan hệ với báo cáo tài chính, hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính được gọi chung là hoạt động kinh doanh.

Vì vậy, kế toán phải căn cứ vào từng hoạt động cụ thể mà doanh nghiệp tiến hành để phân định và sắp xếp các hoạt động vào từng loại cho phù hợp. Có phân định được các

hoạt động sản xuất- kinh doanh và kết quả theo từng hoạt động; đánh giá được hiệu quả kinh doanh của từng hoạt động...

Hai là: Phải xác định chính xác thời điểm ghi nhận doanh thu

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ từ người bán sang người mua. Nói cách khác, thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua trả tiền hay chấp nhận nợ về lượng hàng hóa, vật tư, dịch vụ đã được người bán chuyển giao. Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

+ *Người bán đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;*

+ *Người bán không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;*

+ *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);*

+ *Người bán đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;*

+ *Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.*

Đối với các giao dịch về cung cấp dịch vụ, Chuẩn mực cũng quy định, doanh thu được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều sau:

+ *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;*

+ *Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ*

+ *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;*

+ *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Ba là, Phải nắm vững cách thức xác định doanh thu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

Đối với những tài sản, hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy tài sản, hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu mà doanh thu chỉ được tạo ra khi tài sản, hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự. Trường hợp này doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của tài sản, hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm. Khi không xác định được giá trị hợp lý của tài sản, hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về thì doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của tài sản, hàng hóa hoặc dịch vụ đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ, doanh thu chỉ được ghi nhận khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Khi không thể thu hồi được khoản doanh thu đã ghi nhận thì phải hạch toán vào chi phí mà không được ghi giảm doanh thu. Khi không chắc chắn thu hồi được một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu (nợ phải thu khó đòi) thì phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mà không ghi giảm doanh thu. Khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được bù đắp bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi. Doanh nghiệp có thể ước tính doanh thu cung cấp dịch vụ khi thỏa thuận được với bên đối tác giao dịch về trách nhiệm và quyền của mỗi bên trong việc cung cấp hoặc nhận dịch vụ; về giá thanh toán; về thời hạn và phương thức thanh toán. Khi cần thiết, doanh nghiệp có thể ước tính doanh thu cung cấp dịch vụ và có quyền xem xét, sửa đổi cách ước tính doanh thu trong quá trình cung cấp dịch vụ. Việc ước tính phần công việc đã hoàn thành được xác định theo một trong ba phương pháp sau, tùy thuộc vào bản chất của dịch vụ:

- *Đánh giá phần công việc đã hoàn thành;*

- So sánh tỷ lệ (%) giữa khối lượng công việc đã hoàn thành với tổng khối lượng công việc phải hoàn thành;

- Tỷ lệ (%) chi phí đã phát sinh so với tổng chi phí ước tính để hoàn thành toàn bộ giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng. Trường hợp dịch vụ được thực hiện bằng nhiều hoạt động khác nhau mà không tách biệt được, và được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán nhất định thì doanh thu từng kỳ được ghi nhận theo phương pháp bình quân. Khi có một hoạt động cơ bản so với các hoạt động khác thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo hoạt động cơ bản đó. Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Bốn là: Phải nắm vững nội dung và cách xác định các chỉ tiêu liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả tiêu thụ

Tùy thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT, nội dung của các chỉ tiêu liên quan đến chi phí, doanh thu và kết quả có sự khác nhau. Đối với các doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trong chi phí không bao gồm số thuế GTGT đầu vào. Tương tự, chỉ tiêu doanh thu bán hàng cũng như các khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán bị trả là giá bán hoặc thu nhập chưa có thuế GTGT đầu ra phải nộp (kể cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán- nếu có). Ngược lại, đối với các cơ sở tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc đối với các đối tượng không chịu thuế GTGT, trong chi phí bao gồm cả thuế GTGT đầu vào và trong doanh thu (hay thu nhập) gồm cả thuế GTGT đầu ra (kể cả các khoản phụ thu và phí thu thêm- nếu có). Vì thế, các chỉ tiêu về doanh thu bán hàng, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán bị trả lại... đều bao gồm cả thuế GTGT đầu ra. Nội dung các chỉ tiêu liên quan đến bán hàng và cung cấp dịch vụ (ngoài chỉ tiêu doanh thu đã đề cập ở trên) được xác định như sau:

+ *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ* là chỉ tiêu được xác định bằng cách lấy tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ (-) đi các khoản giảm trừ doanh thu (giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, doanh thu của hàng đã tiêu thụ bị trả lại và thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hay thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp của lượng hàng tiêu thụ trong kỳ);

+ *Giảm giá hàng bán* là số tiền giảm trừ cho khách hàng do các nguyên nhân thuộc về người bán như bán hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời hạn, địa điểm trong hợp đồng, hàng lạc hậu,...;

+ *Chiết khấu thương mại* là khoản mà người bán giảm giá niêm yết cho người mua hàng với khối lượng lớn. Chiết khấu thương mại bao gồm khoản bớt giá (là khoản mà người bán giảm trừ cho người mua trên giá bán niêm yết vì mua khối lượng lớn hàng hóa trong một đợt số tiền) và khoản hồi khấu (là số tiền người bán thưởng cho người mua do trong một khoảng thời gian nhất định đã mua một khối lượng lớn hàng hóa). Chiết khấu thương mại được ghi trong các hợp đồng mua bán hoặc các cam kết về mua, bán hàng;

+ *Giá vốn hàng bán* là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất thực tế hay chi phí sản xuất thực tế. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thực tế (giá gốc) ghi sổ;

+ *Hàng bán bị trả lại* là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay chưa được người mua chấp nhận) nhưng bị người mua trả lại và từ chối thanh toán. Tương ứng với hàng bán bị trả lại là giá vốn của hàng bị trả lại (tính theo giá vốn khi bán) và doanh thu của hàng bán bị trả lại cùng với thuế GTGT đầu ra phải nộp của hàng đã bán bị trả lại;

+ *Lợi nhuận gộp* (còn gọi là lãi thương mại hay lợi tức gộp hoặc lãi gộp) là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với giá vốn hàng bán;

+ *Chiết khấu thanh toán* là số tiền mà người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng. Về thực chất, chiết khấu thanh toán là số tiền hàng trước thời hạn theo hợp đồng tính trên tổng số tiền hàng mà họ đã thanh toán;

+ *Kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ* là chỉ tiêu phản ánh số lợi nhuận thuần trước thuế từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ mà doanh thu thu được trong kỳ.

Năm là: Trình bày báo cáo tài chính

Mục đích của kế toán tài chính là cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu về tình hình tài sản, nguồn vốn, tình hình và kết quả kinh doanh,... của doanh nghiệp bằng các báo cáo tài chính. Bởi vậy, kế toán cần phải nắm được nguyên tắc trình bày các thông tin liên quan đến doanh thu và thu nhập trên báo cáo tài chính để có thể kiểm tra tính chính xác của báo cáo tài chính. Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, trong báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải trình bày được các chính sách kế toán được

áp dụng trong việc ghi nhận doanh thu bao gồm phương pháp xác định phần công việc đã hoàn thành của các giao dịch về cung cấp dịch vụ; trình bày được doanh thu của từng loại giao dịch và sự kiện cũng như doanh thu từ việc trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ theo từng loại.

*1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

a. Tài khoản sử dụng

Tài Khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Các Tài khoản cấp 2: Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm

Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

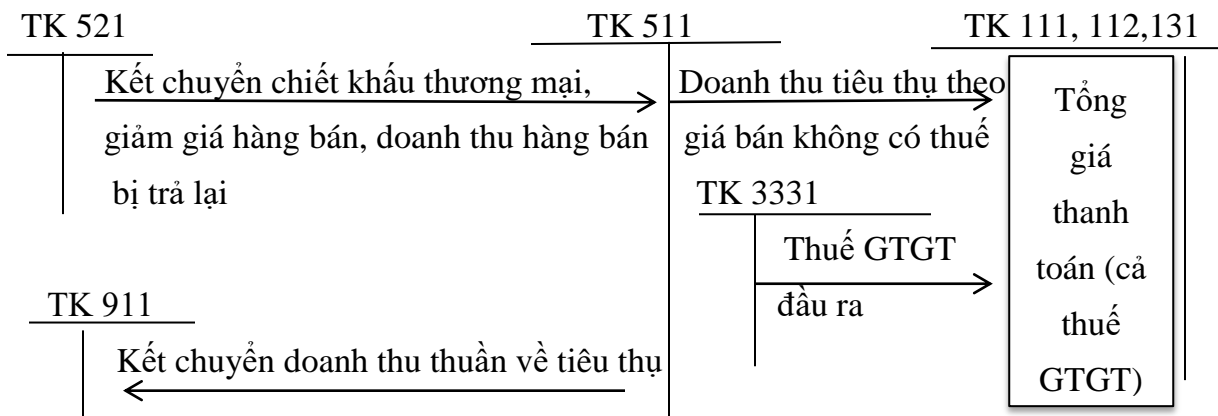
Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá

Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

Ngoài ra, một số tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 131,...

b. Phương pháp hạch toán



**Sơ đồ 1.1. Sơ đồ Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

*1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu*

a. Một số vấn đề liên quan

Giảm trừ doanh thu gồm các khoản: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. (Đã nêu ở phần nguyên tắc kế toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh).

*Chú ý:* Đối với các khoản chiết khấu thương mại (có bớt giá, hồi khấu) thì cần phân biệt rõ:

+ Khi sản phẩm, dịch vụ có phát sinh bớt giá ghi trên hóa đơn thì hóa đơn phải ghi rõ tỷ lệ % hoặc mức giảm giá, giá bán chưa có thuế GTGT (giá bán đã giảm giá), thuế GTGT, tổng thanh toán đã có thuế GTGT.

+ Khi sản phẩm, dịch vụ có phát sinh hồi khấu được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng lần bán cuối cùng hoặc kỳ tiếp theo. Trên hóa đơn phải ghi rõ số, ký hiệu của hóa đơn, số tiền được hồi khấu. Trường hợp số tiền được hồi khấu của sản phẩm, dịch vụ không giảm trừ được hết trên 01 hóa đơn thì được giảm trừ dần vào các hóa đơn bán sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng của các lần tiếp theo. Số chiết khấu thương mại sẽ được trừ vào khoản nợ còn phải thu của khách hàng .

- Theo chế độ hiện hành, trong trường hợp khách hàng không có giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ nữa thì doanh nghiệp phải thực hiện chi tiền hồi khấu cho khách hàng và được tính vào khoản chi khuyến mại (bán hàng).

b. Tài khoản sử dụng: Tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”

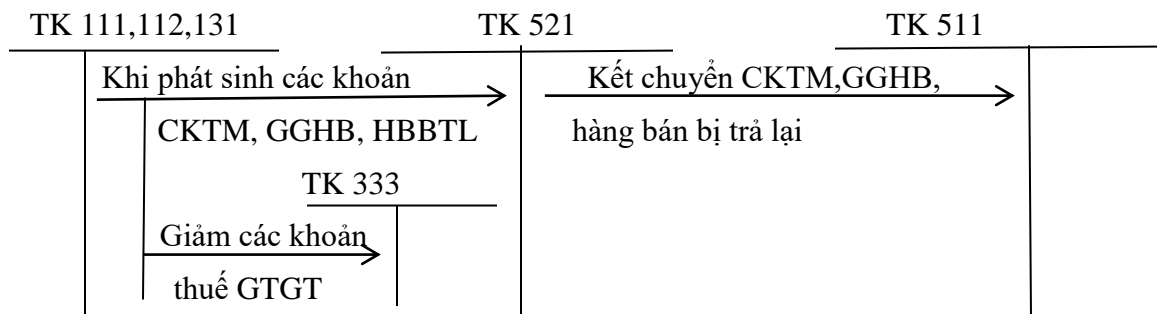
Các tài khoản cấp 2: Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản 5213 –Giảm giá hàng bán

Ngoài ra, có một số tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 333, ...

c. Phương pháp hạch toán



**Sơ đồ 1.2. Sơ đồ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

### 1.2.1.3. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Khái niệm

Theo Điều 89 Thông tư 200/2014/TT-BTC:

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT...

b. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ

- Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền: theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp

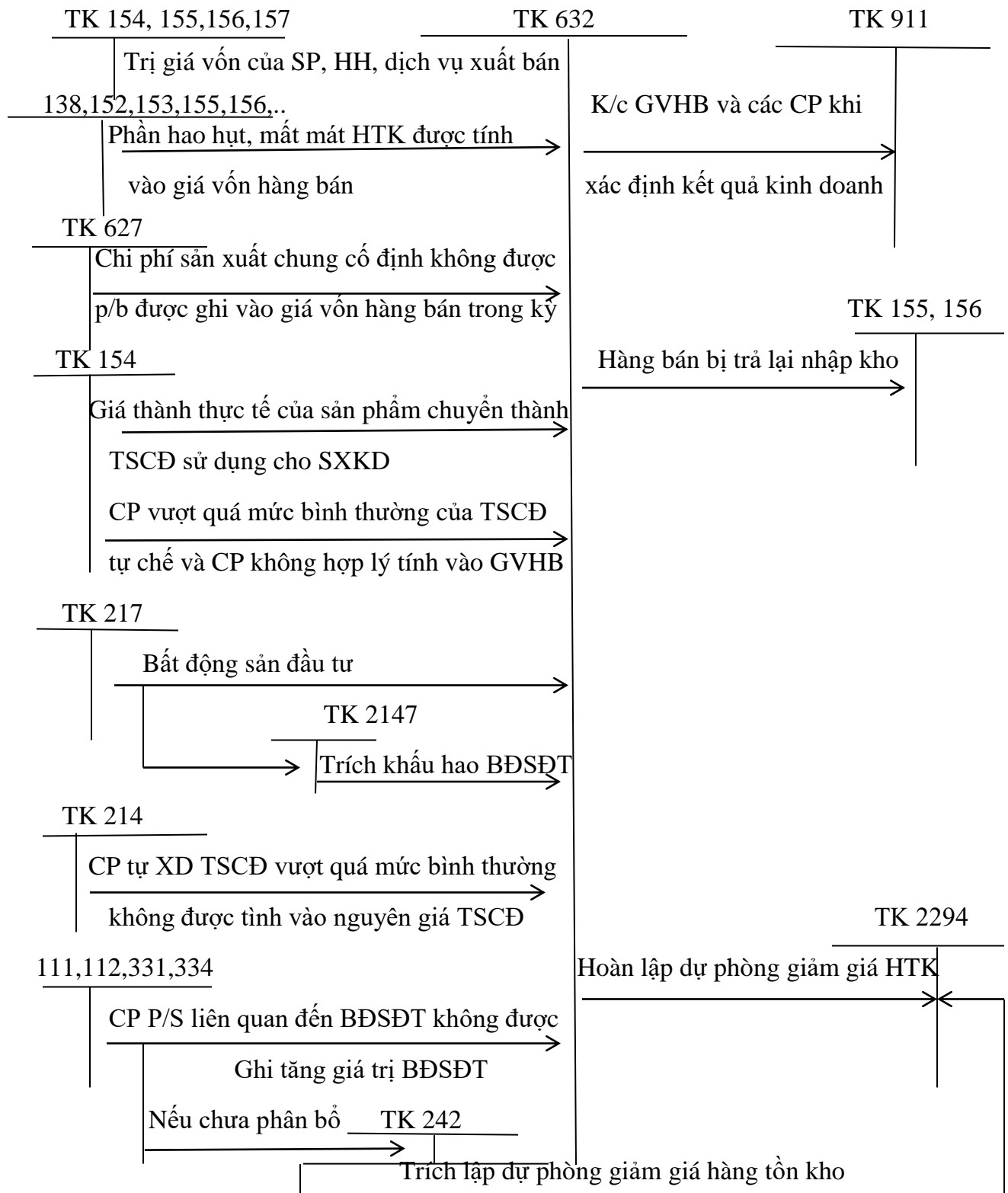
- Phương pháp thực tế đích danh: áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hoá mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

c. Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

Ngoài ra có một số tài khoản liên quan khác như: TK 154, TK 156, TK 242, ..

d. Phương pháp hạch toán





**Sơ đồ 1.3. Sơ đồ Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**

*1.2.1.4. Kế toán chi phí bán hàng*

a. Khái niệm

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

b. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”

Các Tài khoản cấp 2:

Tài khoản 6411- Chi phí nhân viên

Tài khoản 6412- Chi phí nguyên vật liệu bao bì

Tài khoản 6413- Chi phí dụng cụ, đồ dùng

Tài khoản 6414- Chi phí khấu hao TSCĐ

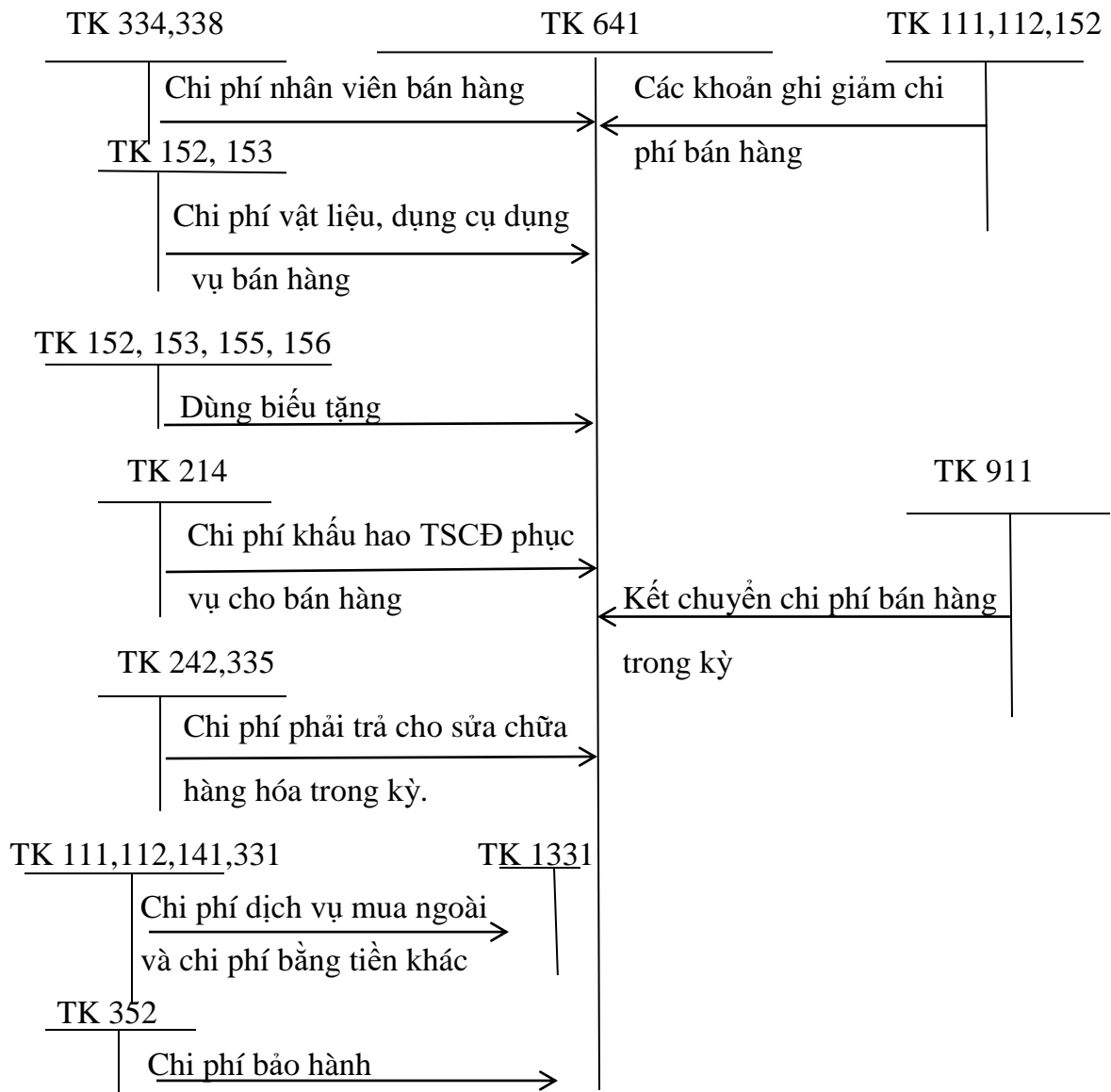
Tài khoản 6415- Chi phí bảo hành

Tài khoản 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Tài khoản 6418- Chi phí bằng tiền khác

Ngoài ra, có một số tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 131, TK 214, TK 334, TK 335,...

c. Phương pháp hạch toán



**Sơ đồ 1.4. Sơ đồ Kế toán chi phí bán hàng**

#### 1.2.1.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

##### a. Khái niệm

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

##### b. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Các Tài khoản cấp 2:

Tài khoản 6421- Chi phí nhân viên quản lý

Tài khoản 6422- Chi phí vật liệu quản lý

Tài khoản 6423- Chi phí đồ dùng văn phòng

Tài khoản 6424- Chi phí khấu hao TSCĐ

Tài khoản 6425- Thuế, phí, lệ phí

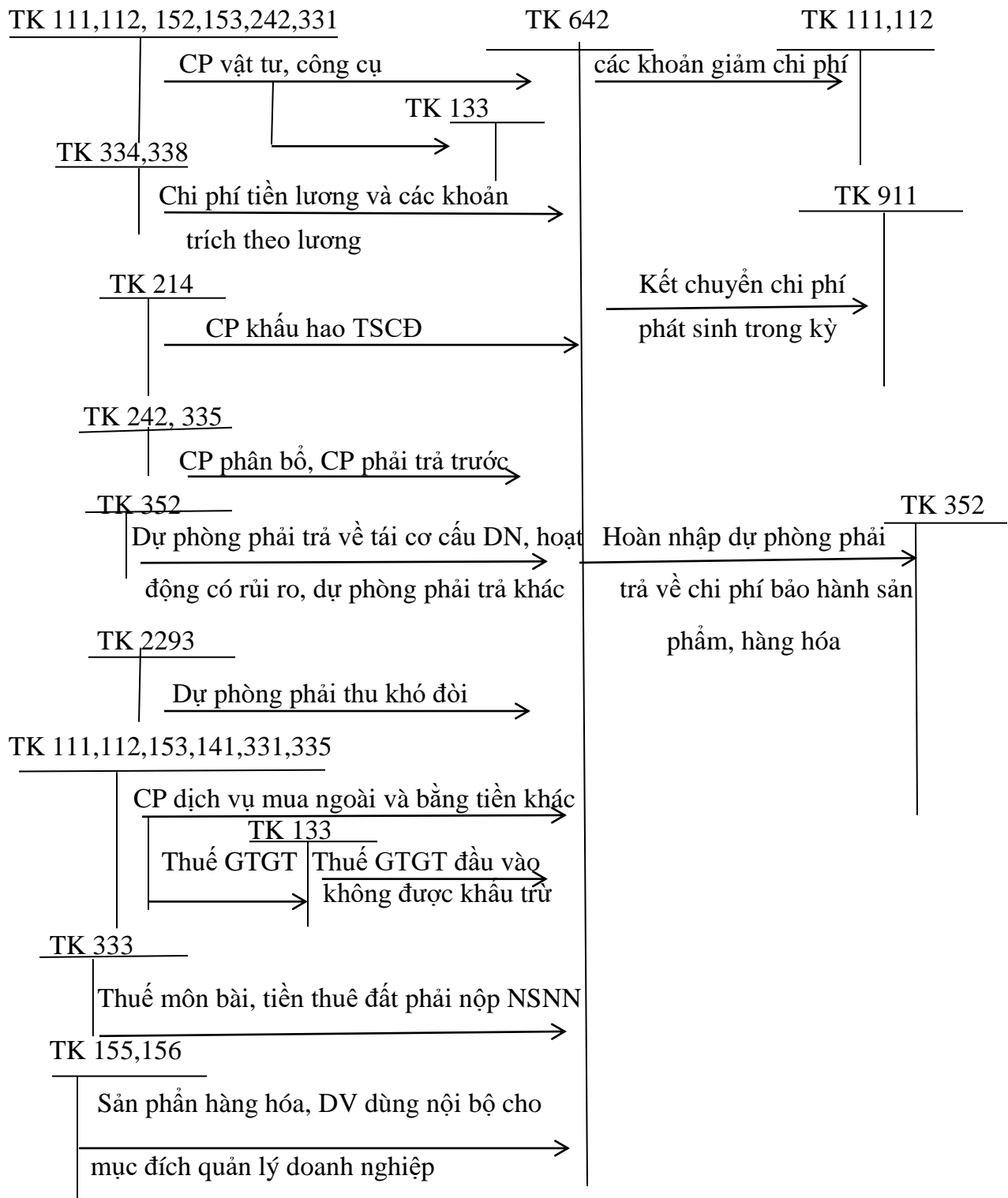
Tài khoản 6426- Chi phí dự phòng

Tài khoản 6427- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Tài khoản 6428- Chi phí bằng tiền khác

Ngoài ra, có một số TK liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 131, TK 152, TK 335, TK 214, TK 334,...

c. Phương pháp hạch toán



### Sơ đồ 1.5. Sơ đồ Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

#### 1.2.1.6. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### a. Khái niệm

Kế toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là sự chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (doanh thu thuần) với giá vốn hàng đã bán (của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư,...) chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

b. Cách xác định Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần về bán hàng	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
---------------------------------------	---	-----------------------------	---	------------------	---	------------------	---	------------------------------

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định như sau:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu (bao gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán)
---	---	--	---	---

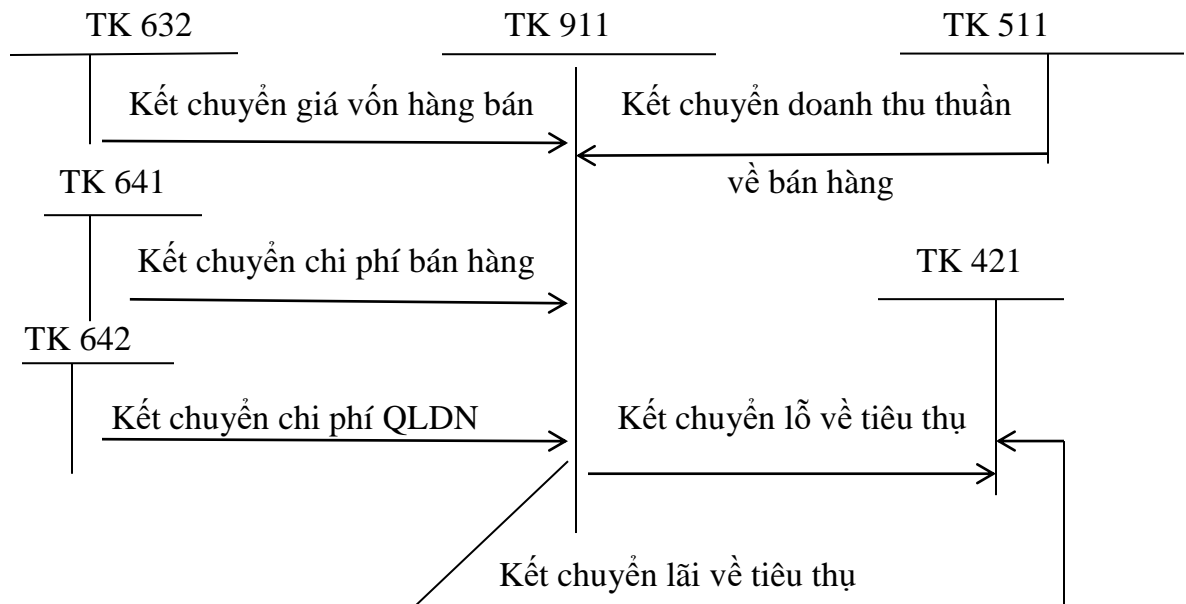
Giá vốn hàng bán được xác định như sau:

- Đối với Cơ sở sản xuất, xây lắp thì >>> Trị giá vốn thực tế của sản phẩm xuất kho để bán hoặc sản phẩm hoàn thành không nhập kho đưa đi bán chính là giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm hoàn thành.

- Đối với Cơ sở kinh doanh thương mại: Trị giá vốn của hàng hóa xuất bán chính là giá mua cộng (+) chi phí thu mua cộng (+) Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) trừ đi (-) Giảm giá hàng mua, chiết khấu thương mại tính cho lượng hàng xuất bán.

Lưu ý: Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản thì giá vốn hàng bán còn bao gồm: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

c. Phương pháp hạch toán



**Sơ đồ 1.6. Sơ đồ Kế toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

### 1.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động đầu tư tài chính

#### 1.2.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

##### a. Khái niệm

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, các khoản doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Khoản doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng; còn cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu tiền lãi bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị của nó khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư đã được dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư, doanh nghiệp phải phân bổ vào các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của doanh nghiệp. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Doanh thu được ghi nhận khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;
- Các doanh thu hoạt động tài chính khác.

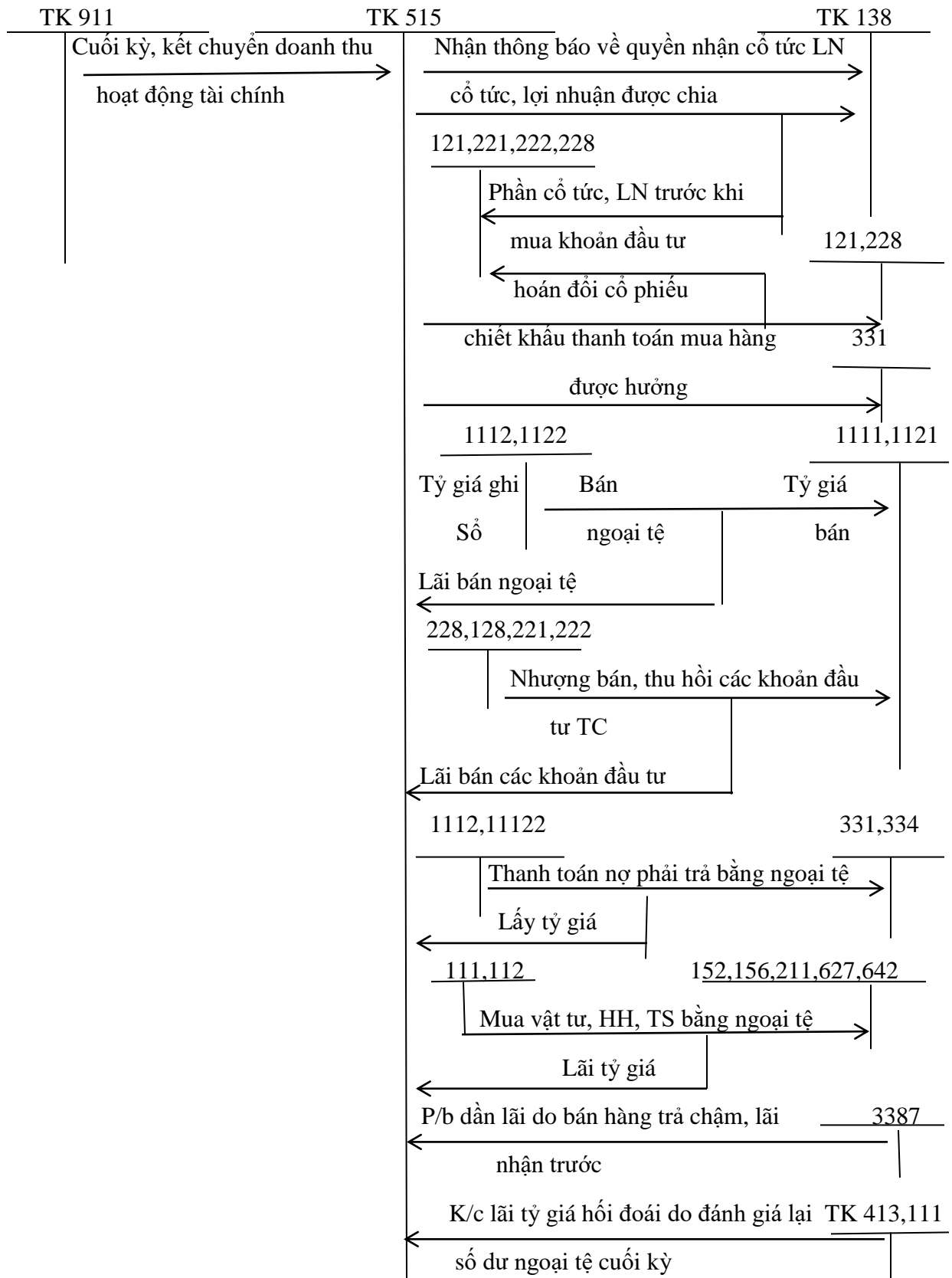
#### b. Tài khoản sử dụng

Kê toán sử dụng tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Ngoài ra, có một số tài khoản khác liên quan như: TK 112, TK 121, TK 138, TK 331, TK 334, TK 3387, TK 413,...

#### c. Phương pháp hạch toán





Sơ đồ 1.7. Sơ đồ Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

### 1.2.2.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

#### a. Khái niệm

Theo Điều 90 Thông tư 200/2014/TT-BTC: Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

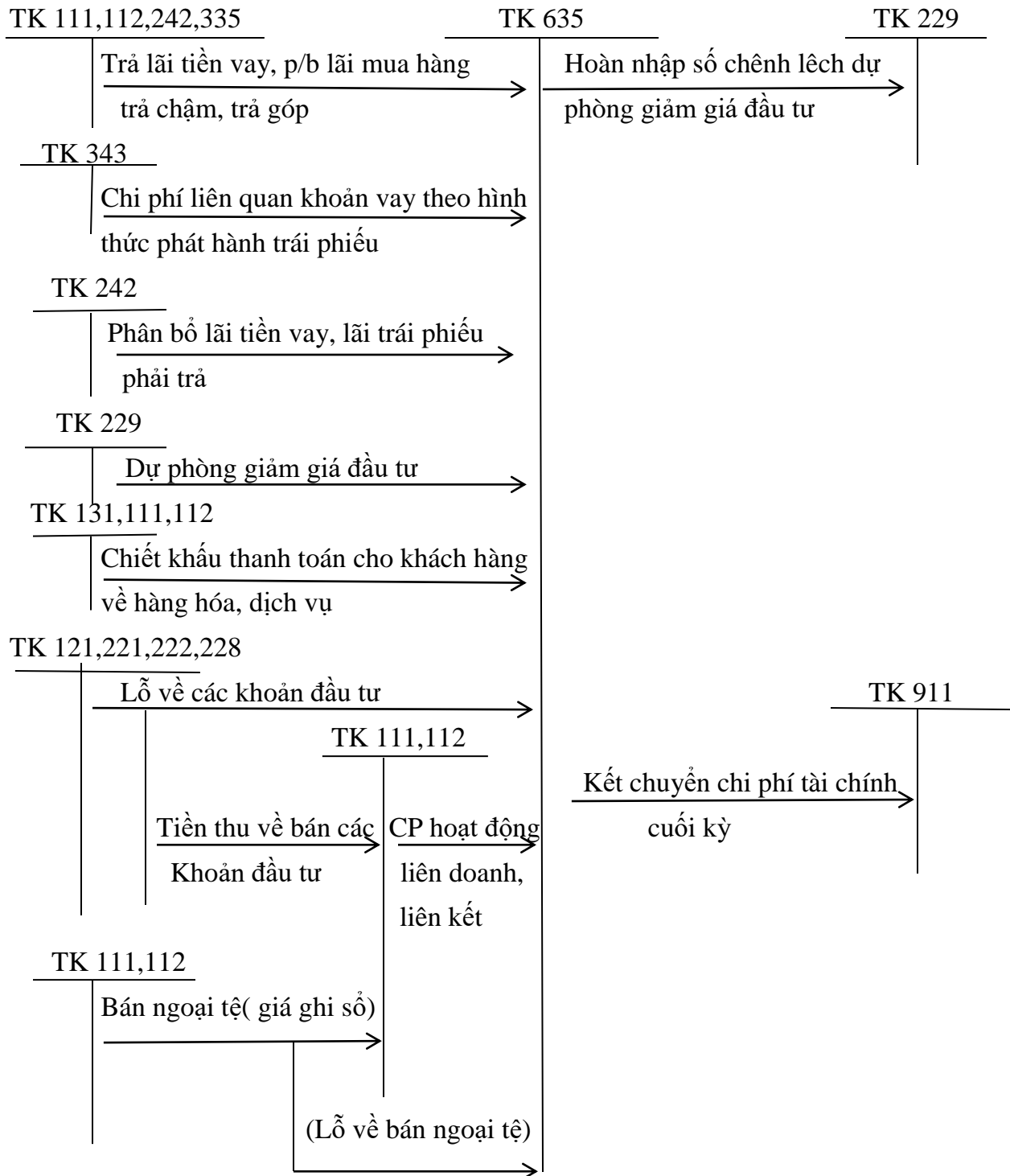
- Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh toán, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; lỗ tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí hoạt động đầu tư tài chính khác;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

#### b. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

Ngoài ra có một số tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 112, TK 242, TK 229, TK 343,....

#### c. Phương pháp hạch toán



### Sơ đồ 1.8. Sơ đồ Kế toán chi phí hoạt động tài chính

#### 1.2.2.3. Kế toán kết quả hoạt động đầu tư tài chính

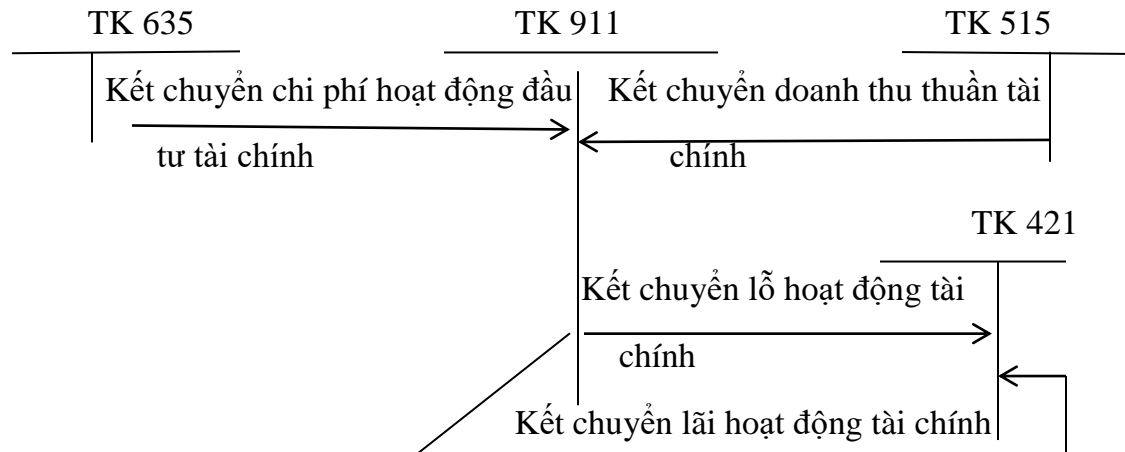
##### a. Khái niệm

Kế toán kết quả hoạt động đầu tư tài chính là sự chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính trong doanh nghiệp.

## b. Cách xác định Kết quả hoạt động đầu tư tài chính

Kết quả hoạt động đầu tư tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
------------------------------------	---	-------------------------------	---	-------------------

## c. Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.9. Sơ đồ Kế toán kết quả hoạt động đầu tư tài chính****1.2.3. Kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh khác****1.2.3.1. Kế toán thu nhập khác**

## a. Khái niệm

Theo Điều 93 Thông tư 200/2014/TT-BTC “Doanh thu và thu nhập khác”: Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;

- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự); thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;

- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);

- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;

- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;

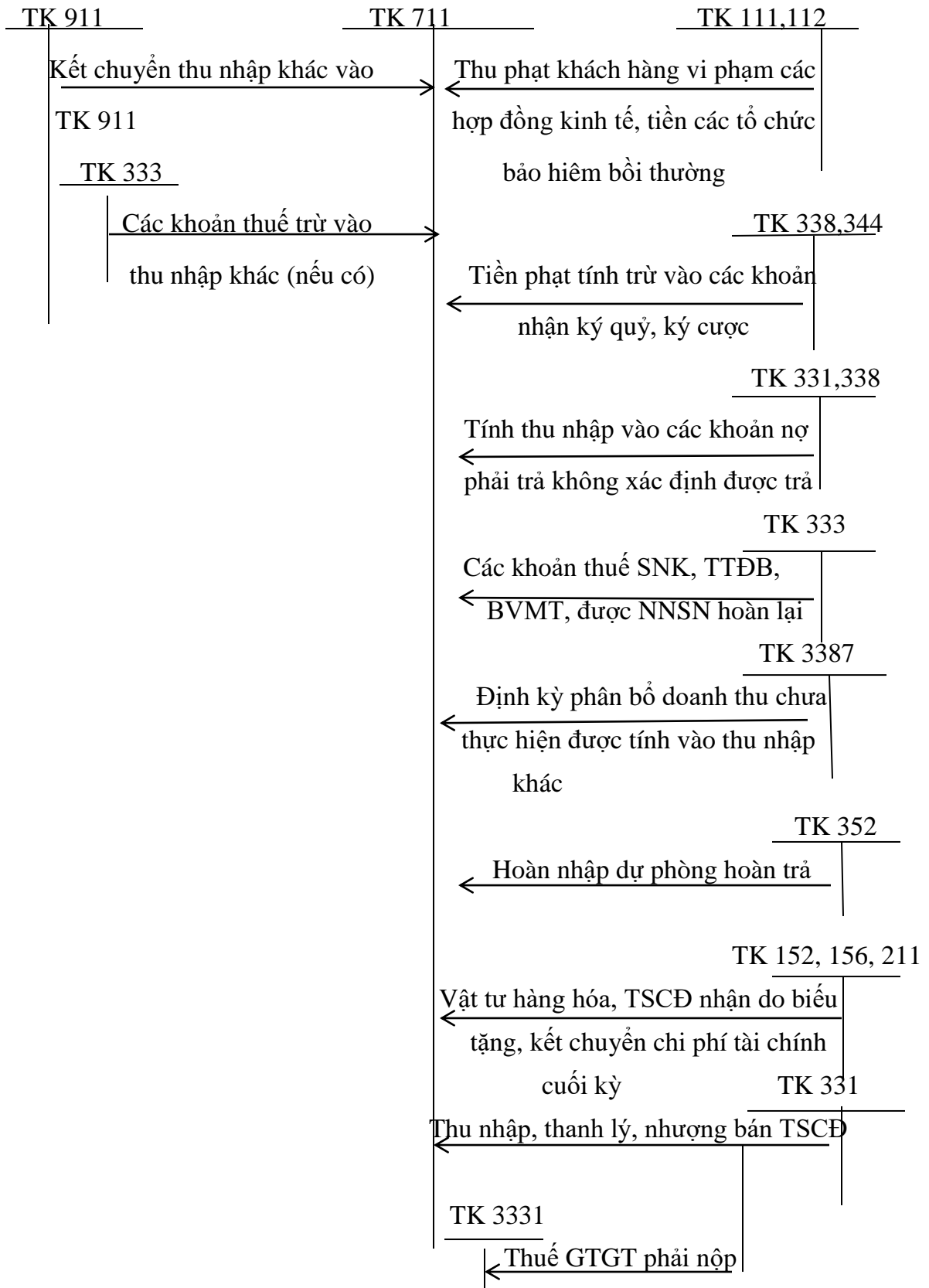
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

#### b. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 711 “Thu nhập khác”

Ngoài ra còn có một số tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 352, TK 338,...

#### c. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ Kế toán thu nhập khác

### 1.2.3.2. Kế toán chi phí khác

#### a. Khái niệm

Theo Điều 94 Thông tư 200/2014/TT-BTC:

Kế toán chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp, bao gồm:

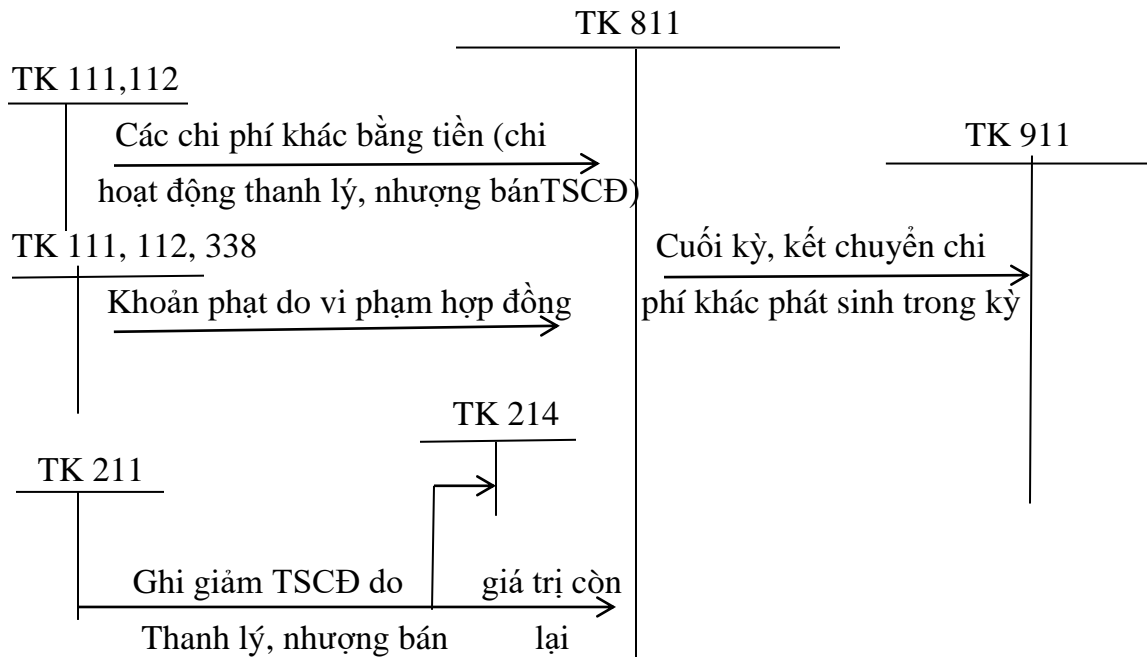
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính;
- Các khoản chi phí khác

#### b. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 811 “Chi phí khác”

Ngoài ra còn có một số tài khoản liên quan khác như: TK 111, TK 211, TK 338,...

#### c. Phương pháp hạch toán



**Sơ đồ 1.11. Sơ đồ Kế toán chi phí khác**

#### 1.2.3.3. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được thực hiện trên cơ sở tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp. Cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp của năm đó, kế toán phải ghi nhận số phải nộp bổ sung vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Ngược lại nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số thuế phải nộp của năm đó, số chênh lệch nộp thừa phải được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Trường hợp phát hiện các sai sót không trọng yếu liên quan đến các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi tăng hoặc giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm phát hiện sai sót.

##### a. . Khái niệm

Căn cứ vào điều 95 Thông tư 200/2014/TT – BTC:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.



## b. Phương pháp xác định thuế TNDN

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất thuế TNDN

Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	Thu nhập được miễn thuế	-	Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định
--------------------	---	--------------------	---	-------------------------	---	--

Thu nhập chịu thuế	=	[Doanh thu	-	Chi phí được trừ]	+	Thu nhập chịu thuế khác
--------------------	---	------------	---	-------------------	---	-------------------------

❖ Nếu doanh nghiệp có trích lập quỹ khoa học công nghệ thì :

Thuế TNDN phải nộp	=	(Thu nhập tính thuế	-	Phần trích lập quỹ KH&CN)	X	Thuế suất thuế TNDN
--------------------	---	---------------------	---	---------------------------	---	---------------------

Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, cụ thể như sau:

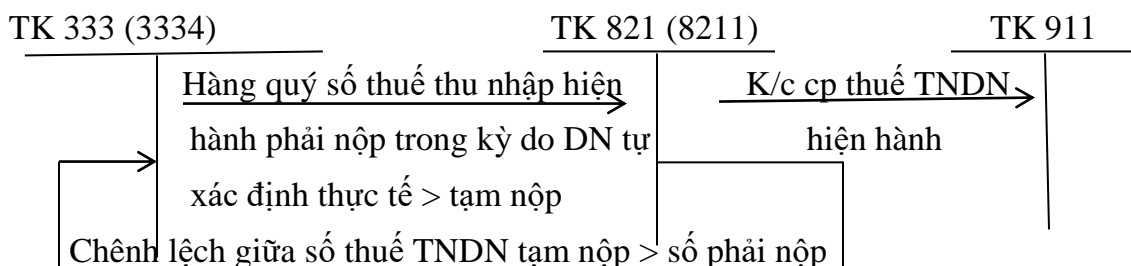
- Đối với DN nhà nước: Từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ để lập quỹ. Tỷ lệ trích cụ thể căn cứ vào khả năng và nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước.

- Đối với doanh nghiệp khác (không phải doanh nghiệp nhà nước): Từ quyết định mức trích cụ thể nhưng tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ. Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

## c. Tài khoản sử dụng

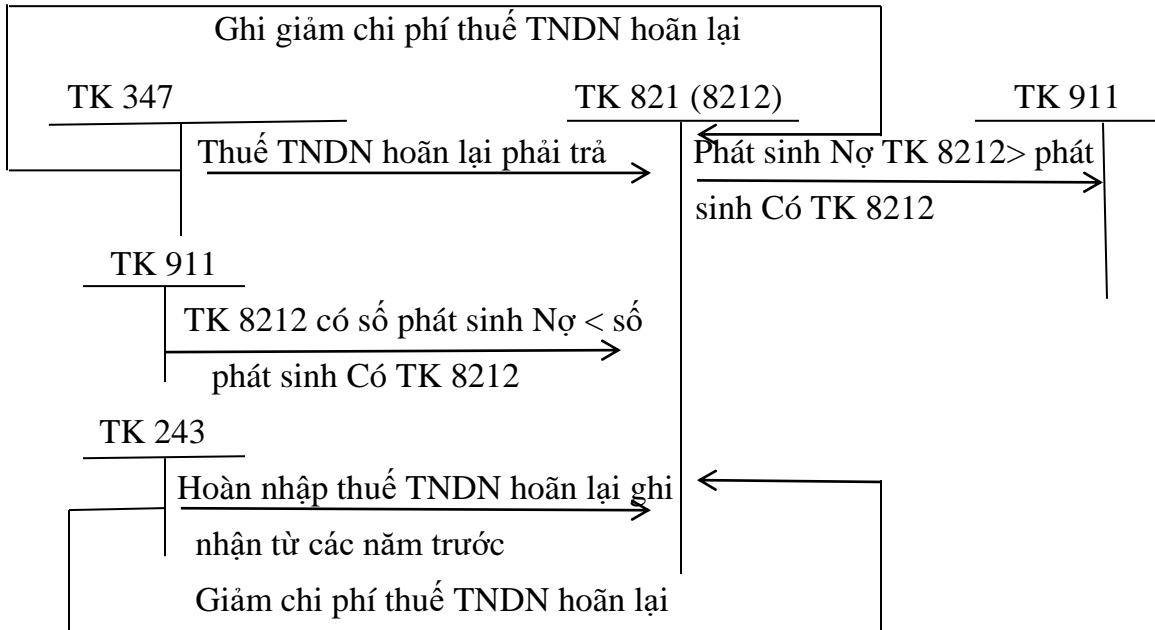
Kế toán sử dụng tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

## d. Phương pháp hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.12. Sơ đồ Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành

## e. Phương pháp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

**Sơ đồ 1.13. Sơ đồ Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại**

## 1.2.3.4. Kế toán kết quả hoạt động khác.

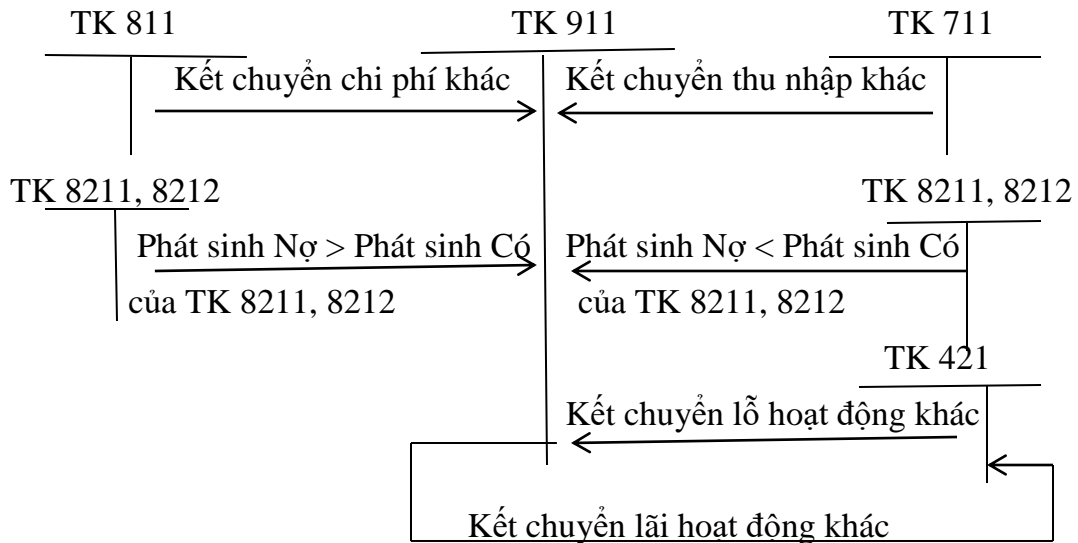
## a. Khái niệm

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

## d. Cách xác định Kết quả hoạt động khác

Kết quả hoạt động khác	=	Thu nhập thuần khác	–	Chi phí khác	–	Chi phí thuế TNDN
------------------------	---	---------------------	---	--------------	---	-------------------

## e. Phương pháp hạch toán



**Sơ đồ 1.14. Kế toán kết quả hoạt động khác.**

#### 1.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

##### 1.2.4.1. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Theo điều 96 Thông tư 200 thì: Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (bao gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

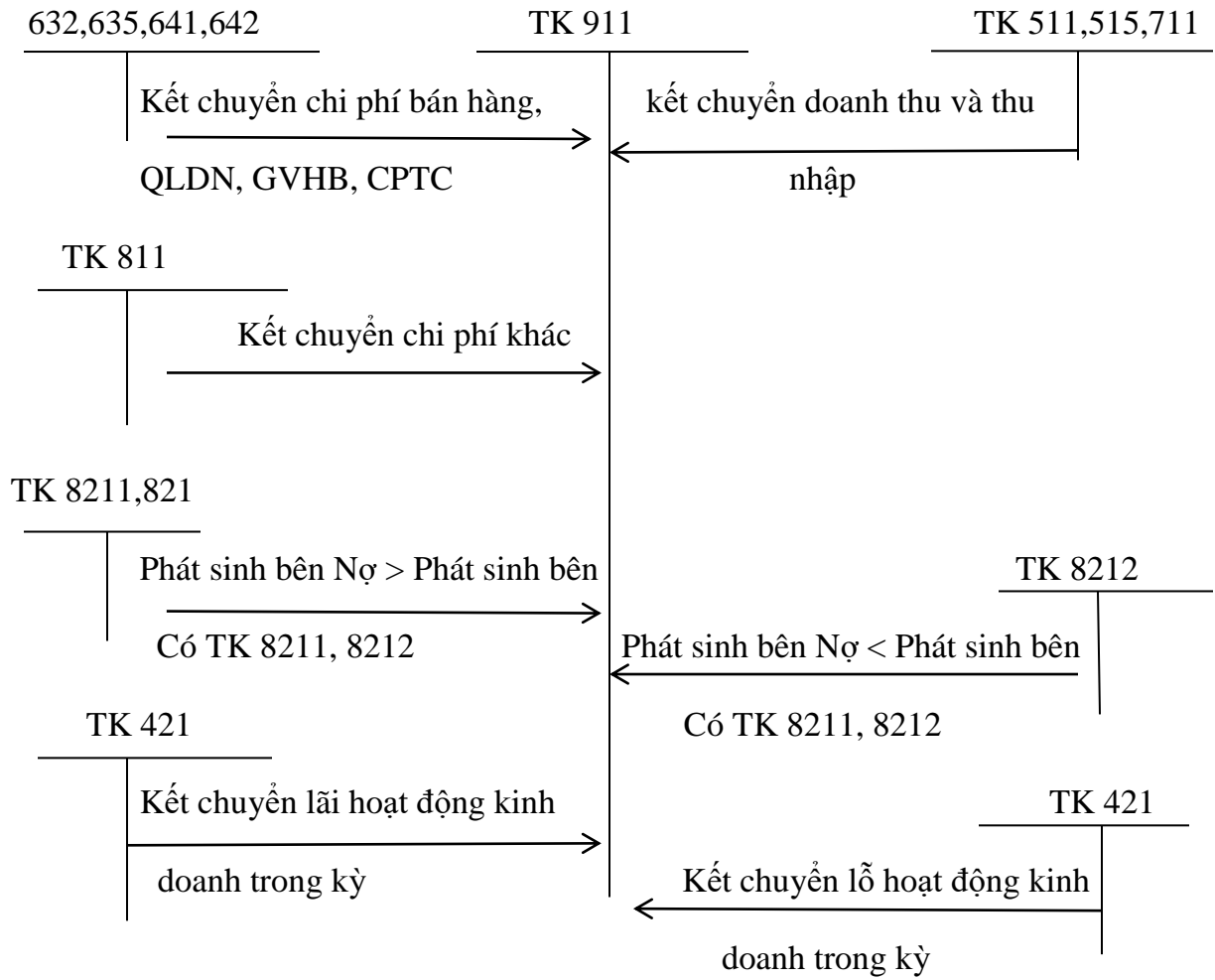
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

##### 1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

## 1.2.4.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.15. Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN THỊNH PHÁT**

### **2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

##### *2.1.1.1. Tên, địa chỉ công ty*

Tên công ty: CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN THỊNH PHÁT

- Địa chỉ: Văn phòng: Số 11A Tầng Bạt Hồ, Phường Lê Lợi, Tp Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Tel: (0256) 3815 879 Fax: 02563 815 879

- Loại hình hoạt động: Công ty TNHH
- Mã số thuế: 4101546032
- Đại diện pháp luật: Nguyễn Đức Thành
- Email: tpbinhdinh@gmail.com

##### *2.1.1.2. Thời gian thành lập, các mốc quan trọng*

Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát là là một nhà thầu chuyên về lắp đặt các hệ thống điện và hệ thống PCCC cho các công trình dân dụng và công nghiệp. Với đội ngũ cán bộ, công nhân viên năng động, nhiều kinh nghiệm trong ngành xây lắp cơ điện. Chúng tôi chắc chắn sẽ mang lại sự hài lòng cho quý khách hàng.

Thành lập vào năm 2018, cho đến nay công ty đã thực hiện hàng chục công trình trong và ngoài tỉnh, trong đó có nhiều công trình nổi tiếng và mang tầm vóc lớn. Với mục tiêu trở thành một trong những công ty hàng đầu chuyên thiết kế phân phối, thi công lắp đặt về hệ thống điện, lắp đặt hệ thống điện, lò sưởi và điều hòa không khí. Công ty đang từng bước đổi mới về quản lý con người, công ty đã quy tụ được nhiều cán bộ, kỹ sư và công nhân hành nghề có kinh nghiệm, tạo nên một đội ngũ kỹ thuật đoàn kết, luôn luôn học hỏi để nâng cao trình độ và phục vụ tốt, đáp ứng được mọi nhu cầu của thị trường. Bên cạnh đó, công ty không ngừng đầu tư trang thiết bị máy móc thi công để đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, công nghệ của thị trường đang ngày càng hiện đại hoá, công nghiệp hoá.

### 2.1.1.3. Quy mô hiện tại của công ty

Quy mô hiện tại của công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát là một công ty với quy mô nhỏ.

Cụ thể như sau:

- Vốn kinh doanh của công ty năm 2020 là: 5.000.000.000 (Năm tỷ đồng)
- Tổng số lao động hiện có của công ty: 35 người
- Căn cứ vào nghị định 39/2018/NĐ-CP công ty thuộc loại doanh nghiệp quy mô nhỏ có số lao động tham gia BHXH bình quân không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không qua 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng.

### 2.1.1.4. Kết quả kinh doanh, đóng góp vào ngân sách của công ty qua các năm

**Bảng 2.1. Kết quả kinh doanh của Công ty**

(Đvt: Đồng)

CHỈ TIÊU	NĂM 2019	NĂM 2020	2020/2019	
			+/-	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.484.544.105	10.972.010.818	1.487.466.713	15,68
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.484.544.105	10.972.010.818	1.487.466.713	15,68
4. Giá vốn hàng bán	7.793.147.020	9.148.866.438	1.355.719.418	17,40
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.691.397.085	1.823.144.380	131.747.295	7,79
6. Doanh thu hoạt động tài chính	42.078	72.255	30.177	71,72
7. Chi phí tài chính	880.229.505	863.400.603	-16.828.902	-1,91
- Trong đó : Chi phí lãi vay	880.229.505	863.400.603	-16.828.902	-1,91
8. Chi phí quản lý kinh doanh	706.494.176	841.687.210	135.193.034	19,14
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	104.715.482	118.128.822	13.413.340	12,81
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.715.482	118.128.822	13.413.340	12,81
11. Chi phí thuế TNDN	20.943.096	23.625.764	2.682.668	12,81
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN	83.772.386	94.503.058	10.730.672	12,81

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Phòng tài chính Kế Toán)

**Nhận xét:** Thông qua số liệu từ bảng kết quả hoạt động kinh doanh trên ta thấy doanh thu và lợi nhuận qua hai năm có sự thay đổi rõ rệt.

- Doanh thu BH& CCDV của công ty tăng qua các năm. Cụ thể:
  - + Năm 2020 tăng 1.487.466.713 đồng so với năm 2019
- Doanh tu hoạt động tài chính của công ty tăng qua các năm. Cụ thể:
  - + Năm 2020 tăng 30.177 đồng so với năm 2019
- Lợi nhuận sau thuế tương đối ổn định
  - + Năm 2020 lợi nhuận tăng 10.730.672 đồng so với năm 2019.

Điều này chứng tỏ hiệu quả kinh doanh của công ty trong những năm gần đây tương đối ổn định. Công ty cần có những hướng giải quyết để nâng cao hiệu quả trong tương lai, có chính sách đúng đắn phù hợp với từng điều kiện của nền kinh tế trong từng thời kì.

## **2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của công ty**

### *2.1.2.1. Chức năng của Công ty*

- Công ty có chức năng thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo ra nguồn lợi nhuận cho công ty để góp phần củng cố và vận hành lợi nhuận mà công ty đạt được một cách hiệu quả nhất.

- Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, có con dấu riêng và được mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng. Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu như: bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;... hoạt động trên các địa bàn thành phố Quy Nhơn và các tỉnh lân cận.

### *2.1.2.2. Nhiệm vụ của Công ty .*

- Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích hoạt động của công ty, theo quy chế hoạt động của công ty trả nợ đúng hạn.

- Tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh doanh, chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ hạch toán, kế toán thống kê, thực hiện đúng chế độ báo cáo và chịu sự quản lý của cơ quan ban ngành.

- Hợp tác với các đơn vị trong ngành và địa phương để thực hiện nhiệm vụ SXKD. Phát triển đơn vị theo chức năng, quyền hạn được phép. Phối hợp giúp đỡ lẫn nhau giữa các đơn vị trực thuộc.

- Thông qua đó thúc đẩy phát triển nền kinh tế, đảm bảo tăng doanh thu, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho các thành viên, tăng mức đóng góp ngân sách Nhà nước và đáp ứng được yêu cầu phát triển Công ty.

### **2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty**

#### *2.1.3.1. Loại kinh doanh và các loại hàng hóa chủ yếu mà công ty đang kinh doanh.*

Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát chuyên lắp đặt các hệ thống điện và thi công PCCC phục vụ nhu cầu của toàn xã hội.

- Lĩnh vực an toàn- an ninh: Hệ thống báo cháy & chữa cháy tự động, hệ thống chống sét trực tiếp & lan truyền, hệ thống kiểm soát Ra- Vào & chấm công, hệ thống điện thoại cửa âm thanh/ hình ảnh

- Lĩnh vực thông tin liên lạc: Hệ thống tổng đài điện thoại, hệ thống bộ đàm, hệ thống âm thanh công cộng, hệ thống mạng, server, hạ tầng mạng

- Lĩnh vực điện-điện tử: Hệ thống điện trung thế-hạ thế, hệ thống điện chiếu sáng

- Lĩnh vực PCCC: Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống báo cháy tự động sprinkler, drencher và hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống tạo áp gió và thông gió, hệ thống chống sét, Bảo trì, bảo dưỡng.

#### *2.1.3.2. Thị trường đầu vào và đầu ra của Công ty*

##### *a. Thị trường đầu vào*

- Thị trường cung cấp đầu vào của công ty là tất cả các cơ sở SXKD, tập thể hoặc quốc doanh có kinh nghiệm những mặt hàng mà công ty có nhu cầu mua để phục vụ SXKD.

- PCCC: thiết bị PCCC như Hochiki- USA, Pentax- Italia Ebara- Italia,... được công ty mua từ các tỉnh trong nước.

- Điện- điện tử: các loại thiết bị điện Taya, LS-Vina, Cadivi, Huyndai Panasonic được công ty mua từ các tỉnh trong nước.

- Những nhà cung cấp đầu vào của công ty hội tụ đủ điều kiện về giá cả, số lượng, chất lượng, chủng loại, phương thức mua bán phù hợp với đặc điểm kinh doanh Công ty.

- Thị trường đầu vào làm theo nhu cầu đơn đặt hàng của khách hàng trong nước.

##### *b. Thị trường đầu ra*

- Công ty luôn hướng đến tầm cao mới để phục vụ tốt yêu cầu của khách hàng trên các lĩnh vực: Dịch vụ-Thương mại lắp đặt hệ thống điện và thi công PCCC. Sản phẩm của



công ty có mặt ở nhiều nơi chủ yếu là các tỉnh miền Trung như: Bình Định, Phú Yên... và một số tỉnh phía Nam

### 2.1.3.3. Đặc điểm vốn kinh doanh của Công ty

**Bảng 2.2. Nguồn vốn kinh doanh của Công ty**

(Đvt: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1. Tài sản ngắn hạn	1.597.935.204	3.538.400.000
2. Tài sản dài hạn	628.777.613	1.461.600.000
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.226.712.817</b>	<b>5.000.000.000</b>
3. Vốn chủ sở hữu	851.697.056	2.152.358.101
4. Nợ phải trả	1.375.015.761	2.847.641.899
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.226.712.817</b>	<b>5.000.000.000</b>

(Nguồn: Phòng Tài chính - kế toán)

Nhìn chung, qua hai năm phân tích ta thấy nợ phải trả chiếm tỉ trọng phần lớn trong cơ cấu tổng nguồn vốn. Cho thấy công ty sử dụng tốt các chính sách bán hàng và sử dụng vốn của công ty. Nhưng nếu nợ phải trả có xu hướng tiếp tục tăng mạnh vào những năm sau thì dễ dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán của công ty.

### 2.1.3.4. Đặc điểm các nguồn lực chủ yếu của Công ty

#### a. Đặc điểm về tài sản cố định

Qua nhiều năm đi vào hoạt động, công ty không ngừng nỗ lực mở rộng quy mô, đầu tư trang thiết bị mới để góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất. Hệ thống máy móc thiết bị cũ trước kia đã được thay thế hiện đại hơn, đảm bảo chất lượng công trình, đem lại lợi nhuận cho công ty, tạo uy tín cho công ty cũng như cạnh tranh với công ty khác. TSCĐ chủ yếu là máy móc, thiết bị, văn phòng làm việc, kho bãi quản lý máy móc, phương tiện vận tải.

**Bảng 2.3. Tình hình sử dụng TSCĐ của Công ty năm 2020***(Đvt: Đồng)*

Tên TSCĐ	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.827.000.000	365.400.000	1.461.600.000
<b>Tổng</b>	<b>1.827.000.000</b>	<b>365.400.000</b>	<b>1.461.600.000</b>

*(Nguồn: Phòng tài chính- kế toán)**b. Đặc điểm về lao động***Bảng 2.4. Bảng tình hình lao động tại Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát năm 2020**

Tiêu thức phân loại	Số người	Tỷ lệ (%)
- Theo trình độ lao động		
+ Đại học	7	20
+ Cao đẳng	5	14,29
+ Lao động phổ thông	23	65,71
- Theo giới tính		
+ Lao động nam	30	81,71
+ Lao động nữ	5	14,29
<b>Tổng số lao động</b>	<b>35</b>	<b>100</b>

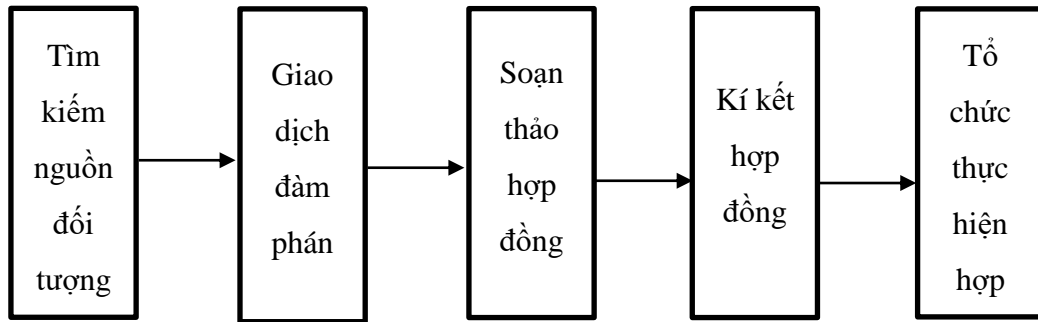
*(Nguồn: Phòng tài chính- kế toán)*

Số lượng lao động tương đối phù hợp với chức năng và quy mô của công ty. Chủ công ty là người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có nhiều kinh nghiệm, năng lực chuyên môn. Tất cả nhân viên trong doanh nghiệp đều được đào tạo theo đúng chuyên ngành.

#### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức kinh doanh và tổ chức quản lý tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**

##### *2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức kinh doanh.*

Quy trình tổ chức thực hiện hợp đồng dịch vụ gia công



### Sơ đồ 2.1: Sơ đồ quy trình tổ chức thực hiện hợp đồng dịch vụ gia công

- **Tìm kiếm nguồn khách hàng:** Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát thực hiện công việc kinh doanh thuộc lĩnh vực dịch vụ, thương mại lắp đặt hệ thống điện và thi công PCCC thông qua việc ký kết hợp đồng với các tổ chức, doanh nghiệp.

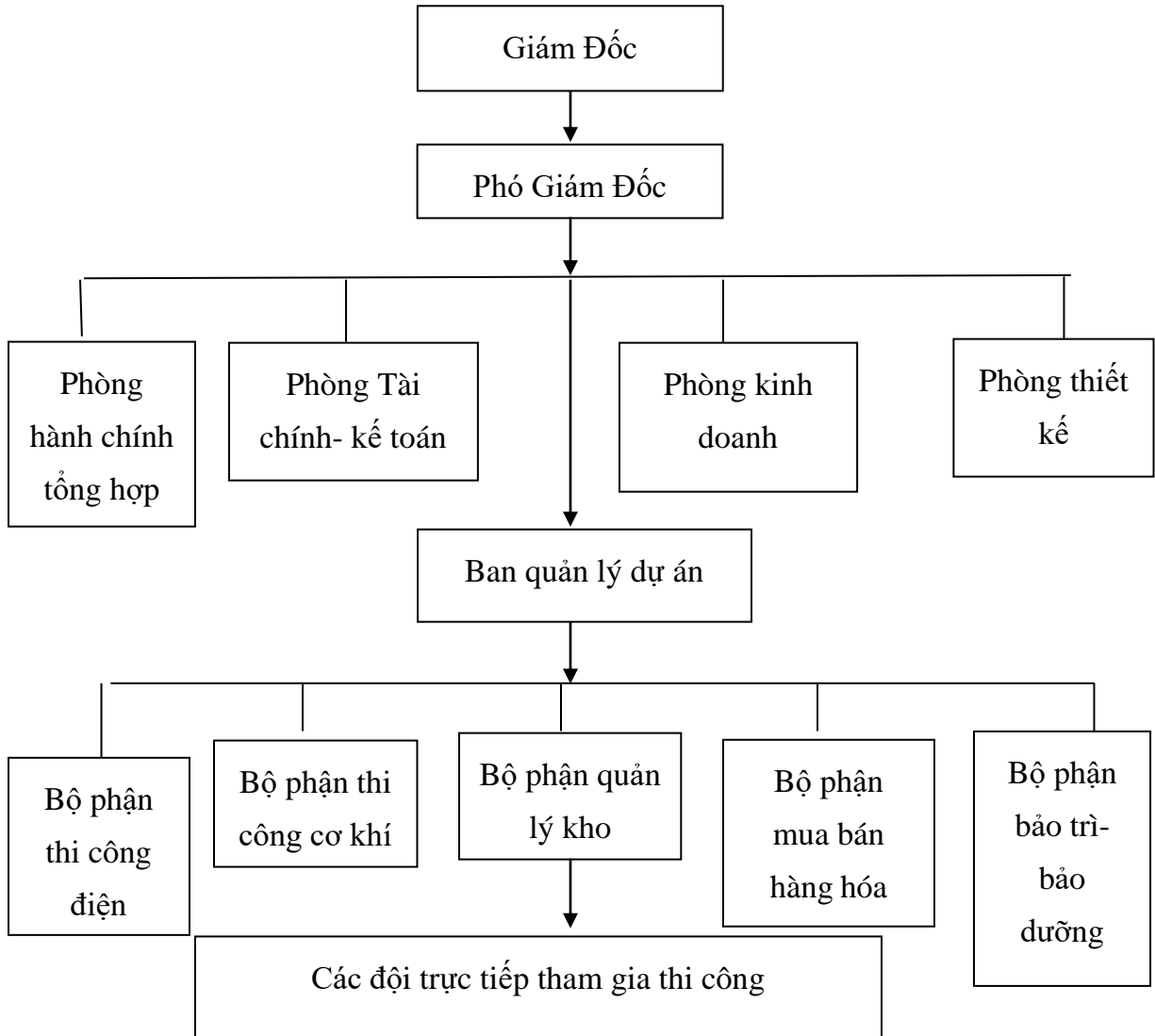
- **Đàm phán ký kết hợp đồng dịch vụ:** Quá trình này thường do Giám đốc đảm trách. Nếu giá trị hợp đồng thấp, giá trị hàng hóa, dịch vụ không lớn, việc đàm phán dịch vụ không mang tính chất phức tạp thì sẽ do bộ phận kinh doanh trực tiếp đàm phán, sau đó trình Giám đốc duyệt. Còn nếu giá trị hợp đồng lớn và quá phức tạp thì Giám đốc sẽ phụ trách đàm phán.

- **Soạn thảo hợp đồng:** Sau khi đàm phán thành công, bộ phận bán hàng của công ty sẽ soạn thảo hợp đồng theo những điều kiện đã thỏa thuận trong quá trình đàm phán. Trong hợp đồng sẽ nêu rõ mức chi phí.

- **Tổ chức thực hiện hợp đồng:** Đại diện 02 bên ký bằng bút mực và thực hiện hợp đồng.

#### 2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty

##### a. Sơ đồ tổ chức quản lý



**Sơ đồ 2.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty**

b. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý

- **Giám đốc:** Giám đốc công ty là đại diện pháp nhân của công ty, tổ chức điều hành mọi hoạt động của công ty theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của công ty đến kết quả cuối cùng.

- **Phó giám đốc:** giúp việc cho giám đốc, được Giám đốc ủy quyền khi giám đốc đi vắng, thay mặt giám đốc theo dõi trực tiếp các đơn vị tại công ty.

- **Phòng hành chính tổng hợp:** Quản lý nhân sự về con người, tổ chức tham mưu cho lãnh đạo trong công tác tổ chức sử dụng lao động một cách hợp lý và hiệu quả mang lại cao hơn trong kinh doanh.

- **Phòng tài chính- kế toán:** Là phòng nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu cho Giám đốc về quản lý hoạt động tài chính, hướng dẫn việc kiểm soát, việc thực hiện hạch toán kế toán của công ty. Phòng có nhiệm vụ chủ yếu là quản lý, theo dõi tình hình sử dụng vốn và tài sản của Công ty. Tổng hợp các số liệu, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng tài sản vật tư, tiền vốn, đảm bảo quyền chủ động trong kinh doanh. Đề nghị các biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.

- **Phòng kinh doanh:** Tham mưu cho giám đốc về công tác thương vụ và quản lý hàng hóa, điều tra nắm bắt thông tin về hàng hóa nhập về, nghiên cứu các biện pháp giữ gìn hàng hóa trong quá trình vận chuyển và bảo quản trong kho, nghiên cứu và nắm vững luật lệ kinh doanh xây dựng các văn bản thuộc chức năng và quyền hạn của bộ phận.

- **Phòng thiết kế:** Lên kế hoạch, phương án thiết kế sản phẩm, dự án của công ty theo yêu cầu cụ thể của ban lãnh đạo hoặc yêu cầu của khách hàng, tham mưu, tư vấn cho ban giám đốc, lãnh đạo công ty trong công tác quản lý và tổ chức công tác thiết kế. Phối hợp với các phòng ban trong công ty trong việc quản lý và sử dụng thông tin cũng như trong việc thực hiện các quy định chính sách của công ty.

- **Ban quản lý dự án:** Trực tiếp quản lý dự án gồm các hoạt động như lập kế hoạch dự án, tổ chức, quản lý, giám sát, thực hiện dự án cho chủ đầu tư; đảm bảo tính hiệu quả kinh tế, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành đang điều chỉnh và tính khả thi của dự án.

- **Bộ phận thi công điện:** Triển khai thi công lắp đặt các hệ thống điện mà công ty đang tham gia theo đúng bản vẽ thiết kế và sự phân công, hướng dẫn của giám sát công ty; tham gia nghiệm thu chạy thử hệ thống.

- **Bộ phận thi công cơ khí:** Triển khai thi công lắp đặt các hệ thống PCCC mà công ty đang tham gia theo đúng bản vẽ thiết kế và sự phân công, hướng dẫn của giám sát công ty, tham gia nghiệm thu chạy thử hệ thống.

- **Bộ phận quản lý kho:** Quản lý, sắp xếp hàng hóa, vật tư trong kho, đảm bảo tiêu chuẩn hàng hóa trong kho, thực hiện các thủ tục xuất nhập hàng; theo dõi lượng hàng tồn kho tối thiểu, thực hiện các thủ tục đặt hàng.

- **Bộ phận mua bán hàng hóa:** Lập kế hoạch thu mua hàng hóa; nghiên cứu và lựa chọn nhà cung cấp phù hợp; đàm phán thương lượng giá cả; mua hàng hóa nhập kho; quản lý hợp đồng; kiểm soát hàng tồn kho; thanh toán với người bán. Thiết kế, lên kế hoạch kinh doanh, chiến lược mở rộng cơ sở khách hàng của công ty; xây dựng và thúc đẩy mối quan hệ khách hàng bền vững, thực hiện nhiệm vụ mà cấp trên giao phó.

- **Bộ phận bảo trì – bảo dưỡng:** Tổ chức bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống điện và hệ thống M&E, PCC theo yêu cầu của khách hàng và theo nội dung của hợp đồng.

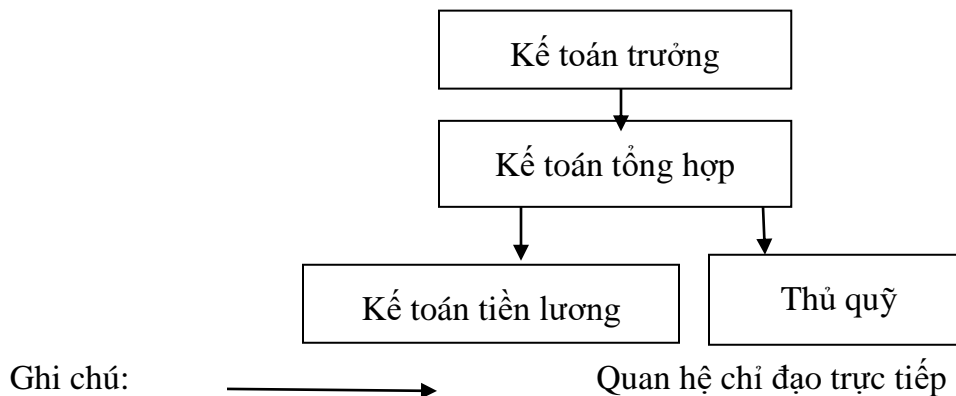
- **Đội trực tiếp tham gia thi công:** Trực tiếp tham gia các dự án của công ty. Công ty có mô hình quản lý hợp lý, đảm bảo tính thống nhất trong mỗi đội tham gia. Mỗi phòng, ban luôn có công việc rõ ràng, cụ thể và các quyết định nhanh chóng được truyền tải đến cấp dưới, giúp việc thực thi kế hoạch được thực hiện kịp thời và đảm bảo yêu cầu mục tiêu đề ra. Tuy hoạt động trong các bộ phận khác nhau nhưng các phòng, ban luôn có quan hệ với nhau một cách chặt chẽ, tạo tâm lý thoải mái giữa nhân viên trong các bộ phận khác nhau trên tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau vì mục tiêu chung của công ty.

### 2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán của Công ty

#### 2.1.5.1. Mô hình tổ chức kế toán tại Công ty

Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Toàn bộ công tác kế toán từ phiếu thu, phiếu chi hàng ngày, ghi sổ chi tiết đến sổ tổng hợp, lập các báo cáo quyết toán, kiểm tra kế toán đều được thực hiện ở phòng kế toán.

#### 2.1.5.2. Bộ máy kế toán của Công ty



**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Trong bộ máy kế toán của công ty, mỗi người phải chịu trách nhiệm cho một công đoạn trong công tác kế toán nhưng tất cả đều hướng đến mục đích là: hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nhằm nâng cao hiệu quả lợi nhuận của toàn công ty.

#### **Nhiệm vụ của từng kế toán nghiệp vụ:**

##### - Kế toán trưởng :

+ Là người điều hành mọi hoạt động của bộ máy kế toán, tiến hành phân công bố trí công việc cho các nhân viên kế toán trong phòng. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc về mặt tài chính của công ty, thực hiện điều hành, giám sát mọi hoạt động

của phòng kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về việc quản lý tài chính của công ty, về chế độ pháp lý, thực hiện và phụ trách việc lên báo cáo kế toán, kế hoạch thu chi hàng ngày

+ Chịu trách nhiệm quản lý trước cấp trên về chấp nhận chế độ tài chính trước pháp luật, là người tổ chức hướng dẫn và kiểm tra toàn bộ công tác kế toán tài chính ở doanh nghiệp. Đồng thời tham mưu cho Giám đốc trong việc ký kết đơn hàng, hợp đồng bán; phân công, chỉ đạo trực tiếp phòng kế toán tại công ty ký duyệt Báo cáo thống kê, hợp đồng tín dụng.

+ Lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán quý, năm theo quy định.

- **Kế toán tổng hợp:**

- Tập hợp các số liệu từ kế toán chi tiết tiến hành hạch toán tổng hợp, lập các báo biểu kế toán, thống kê, tổng hợp theo quy định của nhà nước và công ty. Thay mặt kế toán trưởng khi kế toán trưởng giải quyết, điều hành mọi hoạt động của Phòng tài chính – kế toán.

- **Kế toán tiền lương:**

+ Theo dõi, quản lý chấm công hàng ngày của cán bộ nhân viên công ty.

+ Tính lập, bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương theo quy định.

- **Thủ quỹ:**

+ Thực hiện thanh toán các khoản thu- chi hằng ngày tại công ty.

+ Giao dịch với ngân hàng khi có nghiệp vụ phát sinh.

*2.1.5.3. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty*

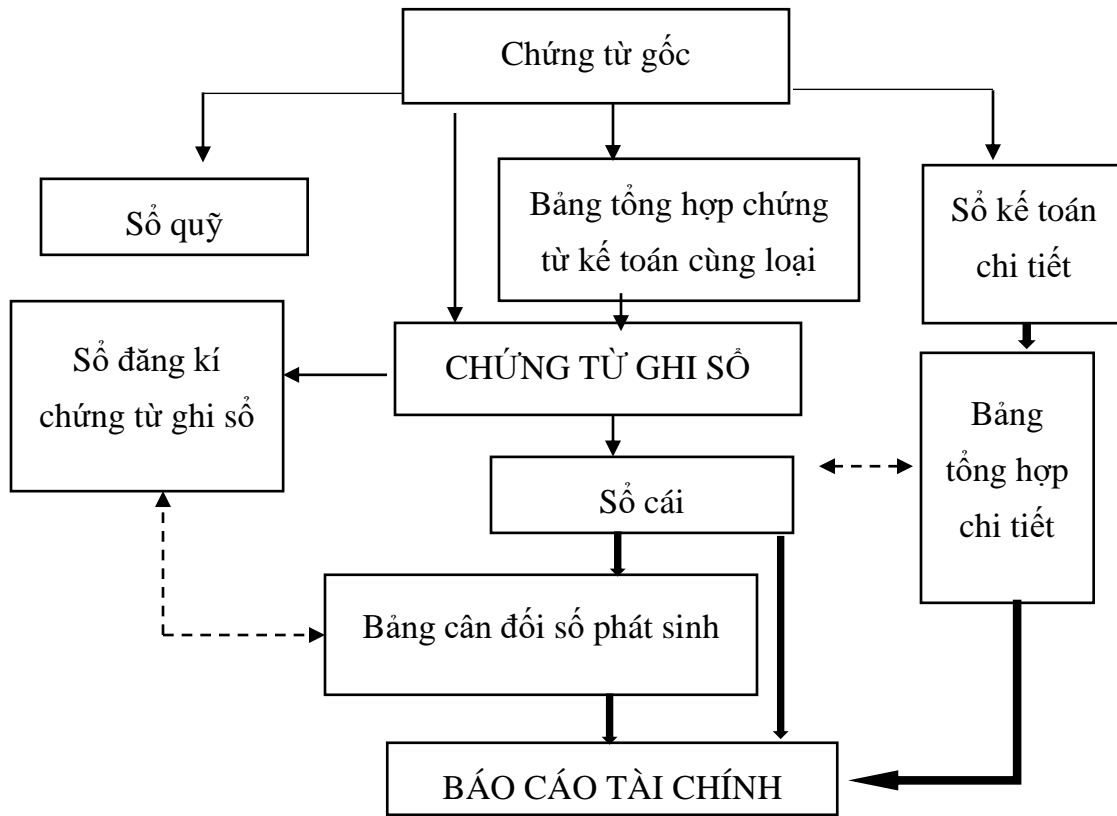
Hình thức kế toán mà Công ty đang áp dụng là hình thức “Chứng từ ghi sổ” theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ - ghi sổ là các “Chứng từ ghi sổ” được sử dụng làm căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp. Cụ thể, việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm ghi theo trình tự thời gian trên “Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ” và ghi theo nội dung kinh tế được thực hiện trên “Sổ Cái”.

Hình thức kế toán “ Chứng từ ghi sổ” gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

❖ **Quy trình ghi sổ**



#### Sơ đồ 2.4. Sơ đồ hình thức ghi sổ kế toán theo Chứng từ ghi sổ tại Công ty

Ghi chú: Ghi hằng ngày  $\longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

Ghi cuối tháng, quý  $\longrightarrow$

#### ❖ Trình tự ghi sổ kế toán

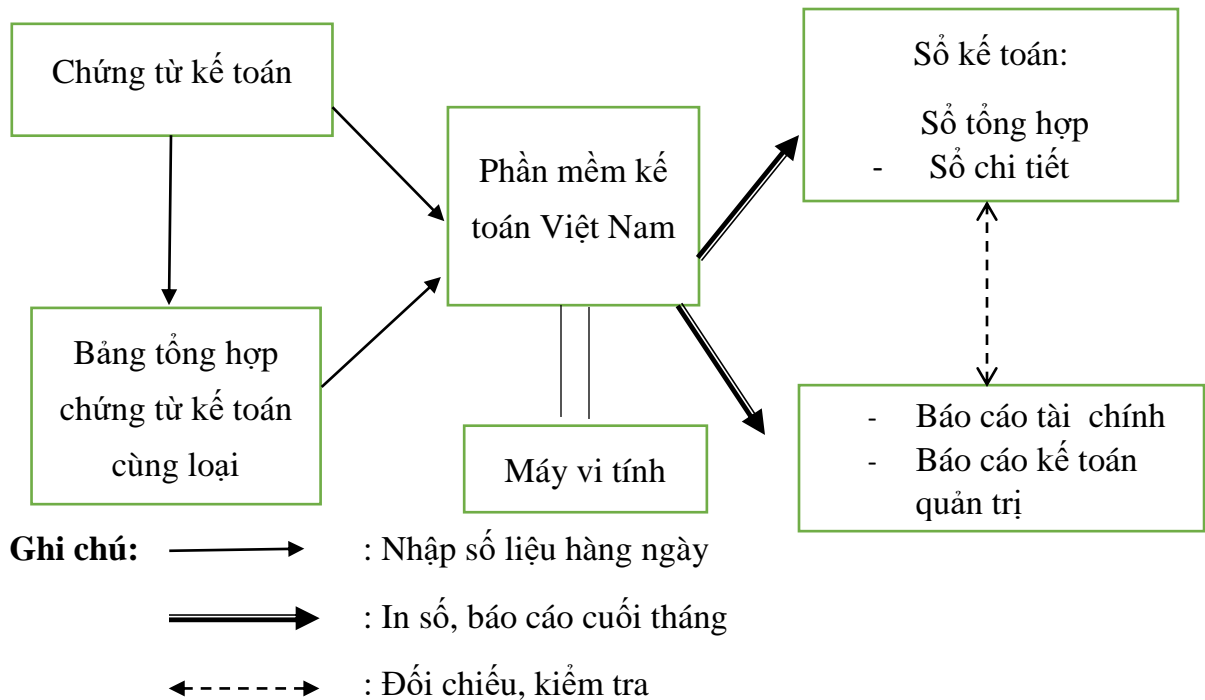
- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp, đúng với số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.



- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.



### Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán trên máy vi tính

- Hằng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng hoặc cuối quý, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với sổ chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định.

#### 2.1.5.4. Các chính sách kế toán đang áp dụng tại công ty

- Chế độ kế toán: Công tác hạch toán kế toán tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát được thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT – BTC và Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Kỳ kế toán: Năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VNĐ.
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Nhập trước, xuất trước.
- Phương pháp tính khấu hao: Phương pháp đường thẳng.
- Hình thức sổ kế toán: Hình thức “Chứng từ ghi sổ”.
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%

## **2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát.**

### ***2.2.1. Tổng quan về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty***

#### ***2.2.1.1. Nội dung doanh thu và thu nhập***

##### **a. Doanh thu**

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát bao gồm doanh thu từ hoạt động bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính.

+ Doanh thu bán hàng hóa: Doanh thu bán hàng hóa là doanh thu công ty có được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm như bình chữa cháy, hệ thống bộ đàm,...

+ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Khoản doanh thu này chiếm tỷ trọng nhỏ trong doanh thu của công ty thường là các khoản phát sinh từ tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, trả góp. Doanh thu hoạt động tài chính là một nội dung quan trọng trong hoạt động tài chính.

b. Thu nhập khác là các khoản thu nhập nằm ngoài những khoản thu nhập nói trên. Đối với công ty chủ yếu là những thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thu do chênh lệch kiểm kê vật tư,... Khoản này chỉ chiếm giá trị rất nhỏ trong tổng số thu nhập của công ty.

### 2.2.1.2. Nội dung chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức là các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

Chi phí kinh doanh thông thường của công ty TNHH Cơ Điện Thịnh phát bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp. Ngoài ra, công ty không sử dụng bất kỳ cách phân loại chi phí nào khác trong công tác kế toán tài chính.

### 2.2.1.3. Nội dung và cách xác định các chỉ tiêu liên quan đến kết quả kinh doanh trong công ty

#### a. Nội dung

Kế toán kết quả kinh doanh là quá trình để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong kỳ, bằng cách tính lãi (lỗ) qua việc so sánh tổng hợp doanh thu với tổng chi phí bỏ ra trong kỳ. Việc xác định kết quả kinh doanh thực hiện sau khi đã tổng hợp chi phí và doanh thu, thu nhập. Do đó, kết quả kinh doanh của công ty có được xác định chính xác hay không phụ thuộc rất lớn vào việc tập hợp chi phí và doanh thu, thu nhập của công ty trong kỳ.

Tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát, kết quả kinh doanh được xác định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động đầu tư tài chính và kết quả hoạt động khác.

#### b. Cách xác định kết quả kinh doanh

##### ❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Lãi (hay lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
---	---	--	---	----------------------------	------------------	---	------------------------------

##### ❖ Kết quả hoạt động đầu tư tài chính:

Lãi (hay lỗ) từ hoạt động đầu tư tài chính	=	Doanh thu thuần từ hoạt động đầu tư tài chính	-	Chi phí thuộc hoạt động đầu tư tài chính
--	---	---	---	--

##### ❖ Kết quả hoạt động kinh doanh:

Lãi (hay lỗ) từ hoạt động kinh doanh	=	Lãi (hay lỗ) từ hoạt động sản xuất- kinh doanh	+	Lãi (hay lỗ) từ hoạt động đầu tư tài chính
--------------------------------------	---	--	---	--

❖ Kết quả hoạt động khác:

Lãi (hay lỗ) từ hoạt động khác	=	Thu nhập thuần khác	-	Chi phí khác	-	Chi phí thuế TNDN
--------------------------------	---	---------------------	---	--------------	---	-------------------

#### 2.2.1.4. Tài khoản sử dụng

##### a. Doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu: Qua khảo sát hệ thống tài khoản và sổ kế toán doanh thu hiện nay đang được áp dụng tại công ty đều tuân thủ theo chế độ kế toán DN theo Thông tư 200/2014/TT-BTC. Việc vận dụng hệ thống tài khoản và sổ kế toán là cơ bản nhất.

+TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: Chủ yếu doanh thu bán hàng.

+ TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”: Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

- Thu nhập khác: Tài khoản 711: Thu nhập khác của công ty chủ yếu là thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ

##### b. Chi phí

- TK 632 “Giá vốn hàng bán”: kế toán theo dõi giá vốn hàng bán theo mỗi nghiệp vụ bán hàng của công ty, tiến hành ghi nhận giá vốn hàng bán vào Sổ chi tiết, Sổ cái.

- TK 635 “Chi phí tài chính”: chi phí tài chính của công ty chủ yếu là chi phí lãi vay

- TK 641 “Chi phí bán hàng”: chi phí bán hàng của công ty chủ yếu là chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí dụng cụ,...

- TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”: Chi phí quản lý doanh nghiệp ở công ty chủ yếu là chi phí công cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài,...

- TK811 “Chi phí khác”: chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Thông thường đó là những khoản chi có liên quan đến việc xử lý công nợ... và khoản chi này chỉ là khoản chi rất nhỏ trong công ty.

- TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”: cuối năm, hàng quý công ty tạm nộp thuế TNDND công ty xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

##### c. Kết quả kinh doanh

Tài khoản được dùng để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác của DN trong một kỳ hạch toán là Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

### 2.2.1.5. Chứng từ và sổ sách sử dụng

#### a. Doanh thu

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001), phiếu thu (Mẫu số 01-TT), giấy báo có của ngân hàng, bảng thanh lý hàng đại lý, ký gửi (Mẫu số 01-BH), đơn đặt hàng, hợp đồng bán hàng, biên bản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, Sổ chi tiết bán hàng (Mẫu số S35-DN), Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38- DN), Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S02c1- DN)

#### b. Thu nhập

- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT), biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ (Mẫu số 02-TSCĐ), hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001), Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38- DN), Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S02c1- DN)

#### c. Chi phí

##### • Giá vốn hàng bán

- Phiếu xuất kho hàng gửi đại lý (Mẫu số 04HGDL), Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu số 03XKNB), Bảng tổng hợp nhập- xuất- tồn, Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38- DN), Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S02c1- DN)

##### • Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001), phiếu chi (Mẫu số 02- TT), ủy nhiệm chi, giấy báo Nợ của ngân hàng, bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11-LĐTL), bảng thanh toán tiền lương (Mẫu số 10-LĐTL), Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06- TSCĐ), giấy thanh toán tạm ứng (Mẫu số 04-TT), Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38- DN), Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S02c1- DN).

##### • Chi phí hoạt động tài chính

- Ủy nhiệm chi, Giấy báo Nợ của ngân hàng, Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38- DN), Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S021- DN)

##### • Chi phí khác

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT03/001), Phiếu chi (Mẫu số 02-TT), biên lai nộp thuế (Mẫu số CTT50), biên bản thanh lý TSCĐ (Mẫu số 02-TSCĐ), Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38- DN), Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S02c1- DN)

##### • Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu số 03/ TNDN), Biên lai nộp thuế (Mẫu số CTT50), Sổ chi tiết của tài khoản (Mẫu số S38- DN), Sổ cái của tài khoản (Mẫu số S02c1- DN)

#### d. Kết quả kinh doanh

- Phiếu kết chuyển, Sổ chi tiết các tài khoản (Mẫu số S38-DN), Sổ cái các tài khoản (Mẫu số S02c1- DN)

### **2.2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát.**

#### **2.2.2.1. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### **a. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và kế toán giá vốn hàng bán**

##### **❖ Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đối với các nghiệp vụ bán lẻ không thực hiện lập hóa đơn GTGT ngay tại thời điểm bán hàng, kế toán lập bảng kê bán lẻ hàng hóa dịch vụ ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh đồng thời phản ánh từng mức thuế suất tương ứng với các mặt hàng. Cuối ngày kế toán tổng hợp số liệu trên các bảng kê bán lẻ hàng hóa này, lập Hóa đơn GTGT. Dựa vào hóa đơn GTGT được lập kế toán ghi nhận doanh thu và số thuế GTGT phải nộp.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan để giao dịch bán hàng. Tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm hàng hóa được xác nhận bán hàng hóa. Thời điểm ghi nhận doanh thu thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, hoàn thành dịch vụ, phát hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

##### **➤ Quy trình hạch toán:**

Hàng ngày, khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu cung cấp hàng hóa, căn cứ vào chứng từ gốc (Phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu), kế toán nhập vào phần mềm máy tính. Theo trình tự ghi sổ đã được cài đặt, số liệu sẽ tự động cập nhật vào các bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra và các sổ liên quan như TK 111, 112 (nếu khách hàng thanh toán ngay), TK 131 (nếu khách hàng chưa thanh toán); cập nhật vào sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 511.

Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

##### **➤ Tài khoản sử dụng**

Để hạch toán doanh thu bán hàng, công ty sử dụng tài khoản: TK 511” Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ”.

Các tài khoản khác có liên quan: 111,112,131,...

### ❖ **Kế toán giá vốn hàng bán**

#### ➤ Phương pháp tính giá vốn hàng bán

Công ty hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

#### ➤ Quy trình hạch toán

Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán tập hợp phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, và chứng từ liên quan làm căn cứ để ghi vào sổ Chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 632. Cuối quý, kế toán tiến hành tổng hợp số liệu ở sổ cái giá vốn hàng bán và máy tính tự động kết chuyển sang giá trị TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

#### ➤ Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán giá vốn hàng bán công ty sử dụng: TK 632 “Giá vốn hàng bán”.

### ❖ **Nghiệp vụ phát sinh:**

Nghiệp vụ 1: Ngày 15/10/2020 bán cho công ty TNHH Trí Hân 25 bình chữa cháy với đơn giá 1.821.818,2 đồng/ bình, thuế suất thuế GTGT 10%. Theo hóa đơn GTGT số 000770. Giá vốn hàng bán là 1.417.422 đồng/ bình ( PXX 000678). Khách hàng đã thanh toán bằng chuyển khoản (GBC 000601).

**Đơn vị:** Cty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**Mẫu số:** 02-VT**Địa chỉ:** 11A Tầng Bạt Hồ  
TP.Quy Nhơn , T.Bình ĐịnhBan hành kèm theo TT200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 15 tháng 10 năm 2020

Số : 000678

Nợ TK 632

Có TK 156

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Lan
- Địa chỉ( Bộ phận): Bộ phận kinh doanh
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng cho công ty TNHH Trí Hân
- Xuất tại kho: Kho hàng hóa tại 11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn.

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư sản phẩm hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền ( VNĐ)
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Bình chữa cháy		Bình	25	25	1.417.422	35.435.550
	Cộng						35.435.550

- Tổng số tiền hàng ( Viết bằng chữ): Ba mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi đồng./.


Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2020

<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Trưởng bộ phận</b>	<b>Giám đốc</b>
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)



<b>HÓA ĐƠN (GTGT)</b> (Liên 2: Dùng cho khách hàng) Ngày 15 tháng 10 năm 2020			Mẫu số: 01GTKT3/001 KH: TP/20P  Số: 000770		
<b>Đơn vị bán hàng:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát <b>Mã số thuế:</b> 4101546032 <b>Địa chỉ:</b> số 11A Tăng Bạt Hổ– TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định <b>Điện thoại:</b> 02563815879					
<b>Họ tên người mua hàng:</b> Nguyễn Thị Lan <b>Tên đơn vị:</b> Công ty TNHH Trí Hân <b>Mã số thuế:</b> 4100258842 <b>Địa chỉ:</b> 58 Trần Cao Vân– TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định <b>Hình thức thanh toán :</b> CK/TM <span style="float: right;"><b>STK:</b> 58110000123654</span>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	$3 = 1 \times 2$
01	Bán bình chữa cháy	cái	25	1.821.818,2	45.545.455
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>45.545.455</b>
<b>Thuế suất GTGT:10%</b>				<b>Tiền thuế GTGT:</b>	<b>4.554.545</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>50.100.000</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> Năm mươi triệu một trăm nghìn đồng ./					
<b>Người mua hàng</b> (ký, ghi rõ họ, tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ, tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

		<b>GIẤY BÁO CÓ</b> <b>CREDIT ADVICE</b>		Số/Seq No:000601
				Ngày/Date: 15/10/2020
· NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM · CN: BÌNH ĐỊNH ĐC:197 TẦNG BẠT HỒ, TP. QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH MST: 0100150619039				
<b>SỐ TÀI KHOẢN/ ACCOUNT NO: 58110000132275</b> <b>TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát</b>				
Kính gửi/To: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát		Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi “Có” với nội dung sau: <i>Please note that we have today <b>CREDIT</b> your account with the Following entries:</i>		
<b>NGÀY HIỆU</b> <b>EFFECTIVE</b>	<b>SỐ TIỀN</b> <b>AMOUNT</b>	<b>LOẠI TIỀN</b> <b>CURRENCY</b>	<b>DIỄN GIẢI/PARTICULARS</b>	
15/10/2020	50.100.000	VND	Tiền bán bình chữa cháy theo HĐ 000770	

**Giao dịch viên/ Prepared by**

**Kiểm soát/ Verified by**

Nghiệp vụ 2: Ngày 18/11/2020 bán cho công ty CP Dịch vụ & Thương mại HDT Việt Nam- Chi nhánh Bình Định 190 hệ thống chống sét với đơn giá 1.987.779 đồng/ cái chưa thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT 10% theo hóa đơn GTGT số 000771. Giá vốn hàng bán 1.283.139 đồng/ cái (P XK 000679). Khách hàng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng (GBC 000602).

**Đơn vị:** Cty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**Mẫu số:** 02-VT**Địa chỉ:** 11A Tầng Bạt Hồ  
TP.Quy Nhơn , T.Bình ĐịnhBan hành kèm theo TT200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 18 tháng 11 năm 2020

Số : 000679

Nợ TK 632

Có TK 156

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Tuấn Dũng
- Địa chỉ( Bộ phận): Bộ phận kinh doanh
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng cho công ty CP DV&TM HDT Việt Nam- Chi nhánh Bình Định
- Xuất tại kho: Kho hàng hóa tại 11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn.

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư sản phẩm hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền ( VNĐ)
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Hệ thống chống sét		Cái	190	190	1.283.139	243.796.410
	Cộng						243.796.410

- Tổng số tiền hàng ( Viết bằng chữ): Hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm mười đồng/.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 18 tháng 11 năm 2020

<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Trưởng bộ phận</b>	<b>Giám đốc</b>
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

<b>HÓA ĐƠN (GTGT)</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
(Liên 2: Dùng cho khách hàng)		KH: TP/20P			
Ngày 18 tháng 11 năm 2020		Số: 000771			
<b>Đơn vị bán hàng:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát					
<b>Mã số thuế:</b> 4101546032					
<b>Địa chỉ:</b> số 11A Tăng Bạt Hổ– TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Số điện thoại:</b> 02563815879					
<b>Họ tên người mua hàng:</b> Nguyễn Tuấn Dũng					
<b>Tên đơn vị:</b> Công ty CP DV& TM HDT Việt Nam- Chi nhánh Bình Định					
<b>Mã số thuế:</b> 0105878560002					
<b>Địa chỉ:</b> Số 45 Tăng Bạt Hổ– TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Hình thức thanh toán :</b> CK/ TM		<b>STK:</b> 58110000123457			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Hệ thống chống sét	cái	190	1.987.779	377.678.010
<b>Cộng tiền hàng: 377.678.010</b>					
<b>Thuế suất GTGT:10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT:</b>	<b>37.767.801</b>	
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>415.445.811</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> Bốn trăm mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm mười một đồng./.					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
(Ký, ghi rõ họ, tên)		(Ký, ghi rõ họ, tên)		( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

		<b>GIẤY BÁO CÓ</b> <b>CREDIT ADVICE</b>		Số/Seq No:000602
				Ngày/Date: 18/11/2020
· NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM · CN: BÌNH ĐỊNH ĐC: 197 TẦNG BẠT HỒ, TP.QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH MST: 0100150619039				
<b>SỐ TÀI KHOẢN/ ACCOUNT NO: 58110000132275</b> <b>TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát</b>				
Kính gửi/To: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát		Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi “Có” với nội dung sau: <i>Please note that we have today <b>CREDIT</b> your account with the          Following entries:</i>		
<b>NGÀY HIỆU</b> <b>EFFECTIVE</b>	<b>SỐ TIỀN</b> <b>AMOUNT</b>	<b>LOẠI TIỀN</b> <b>CURRENCY</b>	<b>DIỄN GIẢI/PARTICULARS</b>	
18/11/2020	415.445.811	VND	Tiền bán hệ thống chống sét theo HĐ 000771	

**Giao dịch viên/ Prepared by**

**Kiểm soát/ Verified by**

Nghiệp vụ 3: Ngày 15/12/2020 bán cho công ty TNHH Cơ Điện Khánh Hòa 135 hệ thống bộ đàm với đơn giá 1.764.581 đồng/ cái chưa thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT 10% theo hóa đơn GTGT số 000772. Giá vốn hàng bán 1.371.543 đồng/ cái (PXX 000680). Khách hàng chưa thanh toán.

**Đơn vị:** Cty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**Mẫu số:** 02-VT**Địa chỉ:** 11A Tầng Bạt Hồ  
TP.Quy Nhơn , T.Bình ĐịnhBan hành kèm theo TT200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 15 tháng 12 năm 2020

Số: 000680

Nợ TK 632

Có TK 156

- Họ và tên người nhận hàng: Hà Thị Nhịp
- Địa chỉ( Bộ phận): Bộ phận kinh doanh
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng cho công ty TNHH Cơ Điện Khánh Hòa
- Xuất tại kho: Kho hàng hóa tại 11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn.

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư sản phẩm hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền ( VNĐ)
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Hệ thống bộ đàm		cái	135	135	1.371.543	185.158.305
	Cộng						185.158.305

- Tổng số tiền hàng ( Viết bằng chữ): Một trăm tám mươi lăm triệu một trăm năm mươi tám nghìn ba trăm lẻ năm đồng./.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2020

<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Trưởng bộ phận</b>	<b>Giám đốc</b>
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

<b>HÓA ĐƠN (GTGT)</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
(Liên 2: Dùng cho khách hàng)			KH: TP/20P		
Ngày 15 tháng 12 năm 2020			Số: 000772		
<b>Đơn vị bán hàng:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát					
<b>Mã số thuế:</b> 4101546032					
<b>Địa chỉ:</b> số 11A Tăng Bạt Hổ – TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Số điện thoại:</b> 02563815879					
<b>Họ tên người mua hàng:</b> Hà Thị Nhịp					
<b>Tên đơn vị:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Khánh Hòa					
<b>Mã số thuế:</b> 4201717429					
<b>Địa chỉ:</b> NV 08- 18 Đường 28, KĐT Phước Long, Phường Phước Long, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa					
<b>Hình thức thanh toán :</b> Chưa thanh toán				<b>STK:</b> 58010001141405	
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Bán hệ thống bộ đàm	cái	135	1.764.581	238.218.435
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>238.218.435</b>
<b>Thuế suất GTGT:10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT:</b>		<b>23.821.844</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>262.040.279</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> Hai trăm sáu mươi hai triệu không trăm bốn mươi nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng./.					
<b>Người mua hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ, tên)		<b>Người bán hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ, tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

b. Kế toán chi phí bán hàng

Kế toán chi phí bán hàng của công ty chủ yếu bao gồm: chi phí vận chuyển, hoa hồng bán hàng, chi phí nhân viên, chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ mua ngoài

➤ Quy trình hạch toán

Kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc liên quan đến chi phí bán hàng, nhập số liệu vào phần mềm và tự động cập nhật vào sổ cái TK 641. Cuối năm, kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

➤ Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí bán hàng, công ty sử dụng tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”

➤ Nghiệp vụ phát sinh:

Nghiệp vụ 4: Ngày 31/10/2020 Căn cứ vào hóa đơn số 000653, chi tiền mặt mua xăng cho bộ bán hàng tháng 10 là 15.578.000 đồng, chưa bao gồm thuế suất thuế GTGT 10%. (PC 000801)



<b>HÓA ĐƠN (GTGT)</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
(Liên 2: Giao cho người mua)		KH: TP/20P			
Ngày 31 tháng 10 năm 2020		Số: 000653			
<p><b>Đơn vị bán hàng:</b> Công ty TNHH xăng dầu Thành Công  <b>Mã số thuế:</b> 41400748011  <b>Địa chỉ:</b> Mỹ Điền, TT Tuy Phước, H. Tuy Phước, Bình Định  <b>Số điện thoại:</b> 02563344027</p>					
<p><b>Họ tên người mua hàng:</b> Nguyễn Đình Tuấn  <b>Tên đơn vị:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát  <b>Mã số thuế:</b> 4101546032  <b>Địa chỉ:</b> 11A Tăng Bạt Hổ – TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định  <b>Hình thức thanh toán :</b> CK/TM <span style="float: right;"><b>STK:</b> 58110000132275</span></p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
	Xăng Ron 92	lít	719	21.666,204	15.578.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>15.578.000</b>
<b>Thuế suất GTGT:10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT: 1.557.800</b>		
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>17.135.800</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> Mười bảy triệu một trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm đồng./.					
<b>Người mua hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ, tên)		<b>Người bán hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ, tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

**Đơn vị:** Cty TNHH CƠ ĐIỆN THỊNH PHÁT**Mẫu số 02 - TT****Địa chỉ:** 11A Tăng Bạt Hồ – Tp. Quy Nhơn,  
Tỉnh Bình ĐịnhBan hành theo TT số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC**PHIẾU CHI**

Ngày 31 tháng 10 năm 2020

Quyển số: 02

Số: 000801

Nợ: 641,1331

Có: 1111

**Họ và tên người nhận tiền:** Nguyễn Đình Tuấn**Địa chỉ:** Bộ phận bán hàng**Lý do chi:** Chi thanh toán tiền xăng tháng 10/2020**Số tiền:** 17.135.800 (Viết bằng chữ): Mười bảy triệu một trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm đồng./.**Kèm theo:** 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2020

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười bảy triệu một trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm đồng./.

Nghiệp vụ 5: Ngày 30/11/2020 Căn cứ vào HĐ 000654, chi tiền xăng cho bộ phận bán hàng tháng 11 là 32.199.498 đồng chưa bao gồm thuế suất thuế GTGT 10%. (GBN 000661)

<b>HÓA ĐƠN (GTGT)</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
(Liên 2: Giao cho người mua)		KH: TP/20P			
Ngày 30 tháng 11 năm 2020		Số: 000654			
<b>Đơn vị bán hàng:</b> Công ty TNHH xăng dầu Thành Công					
<b>Mã số thuế:</b> 41400748011					
<b>Địa chỉ:</b> Mỹ Điền, TT Tuy Phước, H. Tuy Phước, Bình Định					
<b>Số điện thoại:</b> 02563344027					
<b>Họ tên người mua hàng:</b> Nguyễn Đình Tuấn					
<b>Tên đơn vị:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát					
<b>Mã số thuế:</b> 4101546032					
<b>Địa chỉ:</b> 11A Tăng bặt Hồ– TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Hình thức thanh toán :</b> CK/ TM		<b>STK:</b> 58110000132275			
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
	Xăng Ron 92	lít	1487	21.654	32.199.498
<b>Cộng tiền hàng:</b> 32.199.498					
<b>Thuế suất GTGT:10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT: 3.219.949</b>		
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b> 35.419.447					
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> Ba mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng./.					
<b>Người mua hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ, tên)		<b>Người bán hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ, tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	



# ỦY NHIỆM CHI

Số/ Seq No: 01

## PAYMENT ORDER

Ngày/Date:

30/11/2020

MST:0100150619039

**Tên Tài khoản trích Nợ/ Dr A/c Name :** Công ty  
Cổ phần TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

**Người hưởng/ Beneficiary:** Công ty TNHH  
xăng dầu Thành Công

**Số TK trích Nợ/ Dr A/C No:** 58110000132275

**Số CMND/ HC/ ID/PP:**..... **Ngày cấp/**

**Tại NH/ At Bank:** TMCP Đầu tư và Phát triển  
Việt Nam

**Date:**.../.../.....

**Nơi cấp/ Place:**

**Chi nhánh/ Branch:** TMCP Đầu tư và Phát triển  
Việt Nam- CN Bình Định

**Số TK/ A/C No:**58110000123451

**Tại NH/ At Bank:** TMCP Đầu tư và Phát  
triển Việt Nam- CN Bình Định

**Số tiền bằng số/ Amount in figures:**

35.419.447

**Số tiền bằng chữ/ Amount in words:** Ba

mươi lăm triệu bốn trăm mười chín  
nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng./.

**Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for  
changing into:**.....

**Tỷ giá/ Ex rate:**

.....

**Phí Ngân hàng/**

**Charges:**

**Nội dung/ Remarks:** Công ty TNHH Cơ Điện  
Thịnh Phát chuyển trả tiền xăng

.....

**Phí trong/**

**Charge included**

**Phí ngoài/**

PHÂN  
DÀNH  
CHO  
NGÂN  
HÀNG

### KHÁCH HÀNG/ CLIENT


### NGÂN HÀNG/ BANK SENDER

**Kế toán trưởng/ Chief Accountant**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Chủ tài khoản/ Account Holder**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giao dịch viên/Received by**

**Kiểm soát/Verified by**

		<b>GIẤY BÁO NỢ</b> <b>DEBIT ADVICE</b>		<b>Số/ Seq No:</b> 000661  <b>Ngày/Date:</b> 30/11/2020
NGÂN HÀNG TMCP ĐT&PT VIỆT NAM CN: BÌNH ĐỊNH ĐC: 197 TẦNG BÁT HỒ, TP. QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH MST: 0100150619039				
<b>SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT No:</b> 58110000132275				
<b>TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT Name:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát				
<b>Kính gửi/To:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát			<b>Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo:</b>  Tài khoản của Quý Khách hàng đã được ghi Nợ với nội dung sau:  <i>Please note that we have today DEBIT your account with the following entries:</i>	
<b>NGÀY HIỆU LỰC</b> Effective Date	<b>SỐ TIỀN</b> Amount	<b>LOẠI TIỀN</b> Currency	<b>Diễn giải</b> Remarks	
30/11/2020	35.419.447	VND	Trả tiền xăng	

**Giao dịch viên**
**Kiểm soát viên**

Prepared by

Verified by

Nghiệp vụ 6: Ngày 31/12/2020, căn cứ vào số khấu hao TSCĐ trong bảng tổng hợp chi phí theo khoản mục với số tiền là 45.675.000 đồng.

Mức tính khấu hao năm = Nguyên giá tài sản cố định/ thời gian sử dụng

$$= 1.827.000.000/ 10 = 182.700.000\text{đồng}$$

Mức tính khấu hao tháng = Mức tính khấu hao năm/ 12 tháng

$$= 182.700.000/12= 15.225.000 \text{ đồng}$$

Nên khi tính mức khấu hao quý IV/2020 là:  $15.225.000 \times 3 = 45.675.000$  đồng

ĐV: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

**Mẫu số: 06-TSCĐ**

ĐC: 11A Tăng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

( Ban hành theo TT 200/2014/ TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

### **BẢNG TÍNH VÀ TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ**

**Quý IV năm 2020**

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng	Nơi sử dụng		TK 641-Chi phí bán hàng
			Nguyên giá	Số khấu hao	
1	Phương tiện vận tải	10 năm	1.827.000.000	45.675.000	45.675.000
	<b>Cộng</b>				<b>45.675.000</b>

**Ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Người lập bảng**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

c. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp ở công ty gồm những khoản sau: chi phí quảng cáo, tiền điện, tiền nước, tiền lương, khấu hao TSCĐ, chi phí bảo hiểm, chi tiếp khách, thanh toán cước viên thông...

➤ Quy trình hạch toán

Căn cứ vào chứng từ gốc như hóa đơn tiền điện, nước, điện thoại, bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ... kế toán hạch toán các nghiệp vụ phát sinh vào phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán tự động cập nhật vào sổ chi tiết và sổ cái TK 642. Cuối năm, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

➤ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ Nghiệp vụ phát sinh

Nghiệp vụ 7: Ngày 31/10/2020 chi tiền mặt thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông tháng 10/2020, số tiền là 165.000 đồng. Kế toán căn cứ giấy báo cước dịch vụ viễn thông để hạch toán chi phí. (PC 000802)

Trung tâm Kinh doanh VNPT

Bình Định

GIẤY BÁO CƯỚC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

197 Phan Bội Châu, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Dịch vụ cố định tháng 10 năm 2020

Điện thoại:0256.3810.289

Fax: 0256.3810.289

Kính gửi Quý khách hàng: CÔNG TY

TNHH CƠ ĐIỆN THỊNH PHÁT

Địa chỉ: 11A Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Số điện thoại:

Mã thanh toán:BT 03695

STT	Loại dịch vụ	Tiền	STT	Loại dịch vụ	Tiền
1	Cước thuê bao	20.000	9	Chiết khấu thương mại	0
2	Cước nội hạt	12.000	10	Cước khuyến mại	0
3	Cước liên tỉnh, di động, quốc tế	118.000	11	Cước giảm trừ	0
4	Cước gói tích hợp	0	12	Cước hòa mạng	0
5	Cước dịch vụ GTGT, Quảng cáo, Thu khác	0	13	Cộng dịch vụ	150.000
6	Cước thu bổ sung	0	14	Thuế GTGT	15.000
7	Gói cước cam kết phụ trội	0	15	Cộng phát sinh trong tháng	165.000
8	Tiền in chi tiết cước	0	16	Nợ tháng trước	0
			17	Tổng tiền phải thanh toán	165.000

Khách  
hàng

Bảng chữ: Một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn

Xác nhận của nhân viên



**Đơn vị:** Cty TNHH CƠ ĐIỆN THỊNH PHÁT**Mẫu số 02 - TT****Địa chỉ:** 11A Tăng Bạt Hồ – Tp. Quy Nhơn,  
Tỉnh Bình ĐịnhBan hành theo TT số 200/2014-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC**PHIẾU CHI**

Ngày 31 tháng 10 năm 2020

Quyển số: 02

Số: 000802

Nợ: 642, 1331

Có: 1111

**Họ và tên người nhận tiền:** Trung tâm Kinh doanh VNPT Bình Định**Địa chỉ:** 197 Phan Bội Châu, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định**Lý do chi:** Chi thanh toán tiền cước dịch vụ tháng 10/2020**Số tiền:** 165.000 (Viết bằng chữ): Một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng./**Kèm theo:** 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2020

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng./

Nghiệp vụ 8: Căn cứ vào hóa đơn số 000655, ngày 17/11/2020, chi tiền tiếp khách tại nhà hàng An Trung, số tiền chưa thuế suất thuế GTGT 10% là: 1.875.000 đồng. Thanh toán bằng tiền mặt (PC000803).

**Mẫu số: 01GTKT3/001**

Ký hiệu : TP/20P

Số: 0000655

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ngày 17 tháng 11 năm 2020

**Đơn vị bán hàng:** Nhà hàng An Trung

**Mã số thuế:** 4100259740

**Địa chỉ:** 100 An Dương Vương, Quy Nhơn, Bình Định

**Họ và tên người mua hàng:** Lê Thị Hạnh

**Tên đơn vị:** Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

**Mã số thuế:** 41015406032

**Địa chỉ:** 11A Tăng Bạt Hổ, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Hình thức thanh toán:** Tiền Mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Dịch vụ ăn uống			1.875.000	1.875.000

Cộng tiền hàng: 1.875.000

Thuế suất GTGT : 10%,

Tiền thuế GTGT: 187.500

Tổng cộng tiền thanh toán: 2.062.500

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng./.

**Người mua hàng**

( Ký, ghi rõ họ, tên)

**Người bán hàng**

( Ký, ghi rõ họ, tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

**Đơn vị:** Cty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**Mẫu số:** 02-TT**Địa chỉ:** 11A Tầng Bạt Hồ

Ban hành theo TT200/2014/TT – BTC

TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Ngày 17 tháng 11 năm 2020

Quyển số: 02

Số: 000803

Nợ: 6428,1331

Có: 111

**Họ tên người nhận tiền:** Lê Thị Hạnh**Địa chỉ :** Phòng Tài chính- kế toán**Lý do chi:** Chi tiếp khách**Số tiền:** 2.062.500 (viết bằng chữ: Hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng./.)**Kèm theo :** 01 chứng từ gốc

Ngày 17 tháng 11 năm 2020

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng./.

d. Kế toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Quy trình hạch toán: Căn cứ vào số liệu các TK 511, TK 632, TK 641, TK 642 để tập hợp kết chuyển giá trị sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.

❖ Cuối kỳ kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Quý IV/2020 sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 511: 661.441.900 đồng

Có TK 911: 661.441.900 đồng

❖ Cuối kỳ kết chuyển giá vốn hàng bán của Quý IV/2020 sang tài khoản 911 xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: 464.390.265 đồng

Có TK 632: 464.390.265 đồng

❖ Cuối kỳ kết chuyển chi phí bán hàng của Quý IV/2020 sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: 93.452.498 đồng

Có TK 641: 93.452.498 đồng

❖ Cuối kỳ kết chuyển chi phí QLDN của Quý IV/2020 sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: 2.025.000 đồng

Có TK 642: 2.025.000 đồng

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý IV năm 2020 là:

Nợ TK 911: 101.574.137 đồng

Có TK 421: 101.574.137 đồng

2.2.2.2. *Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.*

a. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty trong năm 2020 không đáng kể chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

➤ Quy trình hạch toán


Để hạch toán được, kế toán căn cứ vào Giấy báo có của ngân hàng thông báo về lãi tiền gửi, phiếu thu tiền mặt, kế toán nhập liệu vào phần mềm. Sau đó, phần mềm tự động cập nhật vào sổ chi tiết 515, sổ cái tài khoản 515. Cuối quý thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

➤ Tài khoản sử dụng

Để hạch toán Doanh thu hoạt động tài chính, công ty sử dụng tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”.

➤ Nghiệp vụ phát sinh

Nghiệp vụ 9: Ngày 30/11/2020, nhận Giấy báo có số 000603 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, phòng giao dịch Quy Nhơn- CN Bình Định, thông báo lãi tiền gửi của công ty trong tháng 11/2020 là 18.000 đồng.

		Số/Seq No:000603	
		Ngày/Date: 30/11/2020	
<b>GIẤY BÁO CÓ</b> <b>CREDIT ADVICE</b>			
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CN: BÌNH ĐỊNH ĐC: 197 TẦNG BẠT HỒ, TP. QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH MST: 0100150619039			
SỐ TÀI KHOẢN/ ACCOUNT NO: 58110000132275 TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát			
Kính gửi/To:Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát		Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi “Có” với nội dung sau: <i>Please note that we have today <b>CREDIT</b> your account with the Following entries:</i>	
NGÀY HIỆU LỰC EFFECTIVDATE	SỐ TIỀN AMOUNT	LOẠI TIỀN CURRENCY	DIỄN GIẢI/PARTICULARS
30/11/2020	18.000	VND	Tiền lãi ngân hàng (tiền gửi không kỳ hạn)


Giao dịch viên

Prepared by

Kiểm soát viên

Verified by

Nghiệp vụ 10: Ngày 31/12/2020, nhận Giấy báo có số 000604 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, phòng giao dịch Quy Nhơn- CN Bình Định thông báo lãi tiền gửi của công ty trong tháng 12/2020 là 3.200 đồng.

		<b>GIẤY BÁO CÓ</b> <b>CREDIT ADVICE</b>		Số/Seq No:000604
				Ngày/Date: 31/12/2020
· NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN · VIỆT NAM CN: BÌNH ĐỊNH ĐC: 197 TẦNG BẠT HỒ, TP. QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH MST: 0100150619039				
SỐ TÀI KHOẢN/ ACCOUNT NO: 58110000132275 TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT NAME: <b>Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát</b>				
Kính gửi/To:Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát		Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách hàng đã được ghi “Có” với nội dung sau: <i>Please note that we have today <b>CREDIT</b> your account with the following entries:</i>		
NGÀY HIỆU LỰC EFFECTIVDATE	SỐ TIỀN AMOUNT	LOẠI TIỀN CURRENCY	DIỄN GIẢI/PARTICULARS	
31/12/2020	3.200	VND	Tiền lãi ngân hàng (tiền gửi không kỳ hạn)	

**Giao dịch viên**

Prepared by

**Kiểm soát viên**

Verified by

b. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Trong cơ cấu vốn hiện nay của công ty thì vốn vay cũng chiếm một tỷ trọng khá cao, do đó các khoản chi phí tài chính phát sinh chủ yếu là chi phí lãi vay.

➤ Quy trình hạch toán

Kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc liên quan đến chi phí tài chính, kế toán nhập số liệu vào phần mềm và tự động cập nhật vào Sổ cái TK 635. Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.


➤ Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí tài chính, công ty sử dụng tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

➤ Nghiệp vụ phát sinh:

Nghiệp vụ 11: Ngày 10/11/2020 Công ty chuyển trả lãi vay hợp đồng vay số 4002LDS201605570 cho ngân hàng BIDV phòng giao dịch Quy Nhơn chi nhánh Bình Định số tiền là 17.911.111 đồng.

Nghiệp vụ 12: Ngày 21/12/2020 Công ty chuyển trả lãi vay cho ngân hàng BIDV phòng giao dịch Quy Nhơn chi nhánh Bình Định số tiền là 15.100.000 đồng.

<b>BIDV</b> 	<b>ỦY NHIỆM CHI</b>	<b>Số/ Seq No: 02</b>
MST:0100150619039	<b>PAYMENT ORDER</b>	<b>Ngày/Date:</b> 10/11/2020
<b>Tên Tài khoản trích Nợ/ Dr A/c Name :</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát	<b>Người hưởng/ Beneficiary:</b> NH TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam.	
<b>Số TK trích Nợ/ Dr A/C No:</b> 58110000132275	<b>Số CMND/ HC/ ID/PP:..... Ngày cấp/</b> Date:..../...../.....	
<b>Tại NH/ At Bank:</b> TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	<b>Nơi cấp/ Place:</b> .....	
<b>Chi nhánh/ Branch:</b> Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Bình Định	<b>Số TK/ A/C No:</b> 58110000451632	
<b>Số tiền bằng số/ Amount in figures:</b> 17.911.111	<b>Số tiền bằng chữ/ Amount in words:</b> Mười bảy triệu chín trăm mười một nghìn một trăm mười một đồng./.	
<b>Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into:.....</b>	<b>Tỷ giá/ Ex rate:</b> .....	<b>Phí Ngân hàng/</b> <b>Charges:</b>
<b>Nội dung/ Remarks:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát chuyển trả lãi vay	.....	<input type="checkbox"/> <b>Phí trong/</b> <b>Charge included</b>
<input checked="" type="checkbox"/> <b>Phí ngoài/</b>		
<b>PHÂN DÀNH CHO NGÂN HÀNG</b>	<b>KHÁCH HÀNG/ CLIENT</b>	
<b>Kế toán trưởng/ Chief Accountant</b> (Ký và ghi rõ họ tên)	<b>Chủ tài khoản/ Account Holder</b> (Ký và ghi rõ họ tên)	<b>NGÂN HÀNG/ BANK SENDER</b>
<b>Giao dịch viên/Received by</b>		<b>Kiểm soát/Verified by</b>





**GIẤY BÁO NỢ**  
DEBIT ADVICE

Số/ Seq No: 000662

Ngày/Date: 10/11/2020

NGÂN HÀNG TMCP ĐT& PT  
VIỆT NAM  
CN: BÌNH ĐỊNH  
ĐC: 197 TẦNG BẠT HỒ,  
TP. QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH  
MST: 0100150619039

**SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT No: 58110000132275**

**TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT Name: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**

**Kính gửi/To:** Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

**Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo:**

Tài khoản của Quý Khách hàng đã được ghi Nợ với nội dung sau:

*Please note that we have today DEBIT your account with the following entries:*


<b>NGÀY HIỆU LỰC</b> Effective Date	<b>SỐ TIỀN</b> Amount	<b>LOẠI TIỀN</b> Curency	<b>Diễn giải</b> Remarks
10/11/2020	17.911.111	VND	Trả lãi vay


**Giao dịch viên**

**Kiểm soát viên**

Prepared by

Verified by

	<b>ỦY NHIỆM CHI</b> <b>PAYMENT ORDER</b>		Số/ Seq No: 03
MST:0100150619039			Ngày/Date: 21/12/2020
<b>Tên Tài khoản trích Nợ/ Dr A/c Name :</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát	<b>Người hưởng/ Beneficiary:</b> NH TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam.		
<b>Số TK trích Nợ/ Dr A/C No:</b> 58110000132275	<b>Số CMND/ HC/ ID/PP:..... Ngày cấp/</b> <b>Date:..../...../.....</b>		
<b>Tại NH/ At Bank:</b> TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	<b>Nơi cấp/ Place:</b> .....		
<b>Chi nhánh/ Branch:</b> Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Bình Định		<b>Số TK/ A/C No:</b> 58110000451632	
		<b>Tại NH/ At Bank:</b> TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Bình Định	
<b>Số tiền bằng số/ Amount in figures:</b> 15.100.000		<b>Số tiền bằng chữ/ Amount in words:</b> Mười lăm triệu một trăm đồng./.	
<b>Đề nghị NH quy đổi ra loại tiền/ Request for changing into:.....</b>	<b>Tỷ giá/ Ex rate:</b> .....	<b>Phí Ngân hàng/ Charges:</b>	
<b>Nội dung/ Remarks:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát chuyển trả lãi vay			<input type="checkbox"/> <b>Phí trong/ Charge included</b>
		<input checked="" type="checkbox"/> <b>Phí ngoài/ Charge excluded</b>	
PHÂN DÀNH CHO NGÂN HÀNG			
<b>KHÁCH HÀNG/ CLIENT</b>		<b>NGÂN HÀNG/ BANK SENDER</b>	
<b>Kế toán trưởng/ Chief Accountant</b> (Ký và ghi rõ họ tên)	<b>Chủ tài khoản/ Account Holder</b> (Ký và ghi rõ họ tên)	<b>Giao dịch viên/Received by</b>	<b>Kiểm soát/Verified by</b>

		<b>GIẤY BÁO NỢ</b> <b>DEBIT ADVICE</b>		<b>Số/ Seq No:</b> 000663 <b>Ngày/Date:</b> 21/12/2020	
NGÂN HÀNG TMCP ĐT& PT VIỆT NAM CN: BÌNH ĐỊNH ĐC: 197 TẦNG BẠT HỒ, TP. QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH MST: 0100150619039					
<b>SỐ TÀI KHOẢN/ACCOUNT No:</b> 58110000132275					
<b>TÊN TÀI KHOẢN/ACCOUNT Name:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát					
<b>Kính gửi/To:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát			<b>Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo:</b>  Tài khoản của Quý Khách hàng đã được ghi Nợ với nội dung sau:  <i>Please note that we have today DEBIT your account with the following entries:</i>		
<b>NGÀY HIỆU LỰC</b> Effective Date	<b>SỐ TIỀN</b> Amount	<b>LOẠI TIỀN</b> Currency	<b>Diễn giải</b> Remarks		
21/12/2020	15.100.000	VND	Trả lãi vay		

**Giao dịch viên**

Prepared by

**Kiểm soát viên**

Verified by

c. Kế toán kết quả hoạt động đầu tư tài chính

Quy trình hạch toán: Căn cứ vào số liệu các TK 515, TK 635 để tập hợp kết chuyển giá trị sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh.

❖ Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính của Quý IV/2020 sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 515: 21.200 đồng

Có TK 911: 21.200 đồng

❖ Cuối kỳ kết chuyển chi phí hoạt động tài chính của Quý IV/2020 sang tài khoản 911 xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: 33.011.111 đồng

Có TK 635: 33.011.111 đồng

❖ Kết quả hoạt động đầu tư tài chính doanh Quý IV năm 2020 là:

Nợ TK 421: 32.989.911 đồng

Có TK 911: 32.989.911 đồng

2.2.2.3. *Kế toán chi phí, thu nhập và kết quả hoạt động khác.*

a. Kế toán thu nhập khác.

Thu nhập khác của công ty chủ yếu là thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ

➤ Quy trình hạch toán

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu, kế toán nhập số liệu vào phần mềm. Sau đó, phần mềm sẽ tự cập nhật vào Sổ chi tiết và Sổ cái tài khoản 711. Cuối năm thực hiện bút toán kết chuyển sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

➤ Tài khoản sử dụng: TK 711 “Thu nhập khác”

Trong năm 2020, doanh nghiệp không phát sinh khoản thu nhập khác nào.

b. Kế toán chi phí khác.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Thông thường đó là những khoản chi có liên quan đến việc xử lý công nợ... và khoản chi này chỉ là khoản chi rất nhỏ trong công ty.

➤ Quy trình hạch toán

Căn cứ vào các chứng từ gốc như phiếu chi, biên bản thanh lý TSCĐ, uỷ nhiệm chi, giấy báo nợ... kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào phần mềm kế toán. Phần

mềm sẽ tự động cập nhập vào sổ cái và sổ chi tiết TK 811. Cuối quý thực hiện bút toán kết chuyển chi phí khác sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Tài khoản sử dụng: Công ty sử dụng TK 811 “Chi phí khác” để hạch toán
- Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Trong năm 2020, doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ kinh tế nào.

#### 2.2.2.4. Kế toán thuế chi phí thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Hàng quý, kế toán xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp trong quý. Sau khi tính được thuế TNDN của quý, kế toán tiến hành nộp thuế của quý, thời hạn nộp thuế của công ty chậm nhất vào ngày 30 của tháng đầu quý sau (Theo điều 17 Thông tư số 151/2014/ TT-BTC).

Cuối năm, kế toán phải xác định lại và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm trên cơ sở tổng thu nhập tính thuế cả năm và thuế suất thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Nếu số thuế TNDN phải nộp cả năm lớn hơn số thuế tạm nộp ở từng quý, kế toán phải ghi nhận và nộp bổ sung thuế TNDN còn phải nộp, còn nếu số thuế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế tạm nộp, thì số thuế nộp thừa sẽ coi như số thuế tạm nộp của năm kế tiếp hoặc được hoàn thuế theo quy định. Thời điểm nộp thuế của năm là vào ngày 31/3 của năm sau.

- Tài khoản sử dụng

Công ty hạch toán theo TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

- Nghiệp vụ thực tế:

Sau khi tập hợp tất cả doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ và xác định công ty có lãi, kế toán tiến hành tính chi phí thuế TNDN tạm nộp trong quý.

- Hàng quý, kế toán tiến hành tạm tính chi phí thuế TNDN tạm nộp trong quý. Cuối năm, trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh, kế toán tiến hành tổng hợp các chỉ tiêu lên “Tờ khai quyết toán thuế TNDN” và xác định số thuế phải nộp trong năm.

- Trong năm 2020, công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN: 20%

- Tổng hợp các chỉ tiêu liên quan đến hoạt động kinh doanh Quý IV/2020

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: 661.441.900 đồng

- Giá vốn hàng tiêu thụ: 464.390.265 đồng

- Chi phí bán hàng: 93.452.498 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 2.025.000 đồng
- Tổng hợp các chỉ tiêu liên quan đến hoạt động tài chính:
  - Doanh thu thuần hoạt động tài chính: 21.200 đồng
  - Chi phí hoạt động tài chính: 33.011.111 đồng
- Tạm tính thuế quý IV như sau:

Thu nhập tính thuế = (Doanh thu – Chi phí được trừ + Thu nhập khác) – Thu nhập miễn thuế - các khoản lỗ được kết chuyển = (661.441.900 + 21.200) - (464.390.265 + 93.452.498 + 2.025.000 + 33.011.11) = 68.584.226 đồng

⇒ Quý IV có thu nhập tính thuế là: 68.584.226 đồng

- Ước tính số thuế tạm nộp của công ty Quý IV năm 2020 là:

Thuế TNDN phải nộp = [Thu nhập tính thuế - Phần trích lập quỹ khoa học và công nghệ (nếu có)] \* Thuế suất thuế TNDN = 68.584.226 \* 20% = 13.716.845 (đồng)

- Hạch toán thuế tạm nộp Quý IV:

Nợ TK 821 : 13.716.845 đồng

Có TK 3334: 13.716.845 đồng

- Khi đã nộp thuế tạm tính, kế toán hạch toán:

Nợ TK 3334: 13.716.845 đồng

Có TK 112: 13.716.845 đồng

*(Căn cứ giấy nộp tiền thuế TNDN quý IV/2020 vào Ngân sách Nhà nước)*

- Kết chuyển chi phí thuế TNDN quý IV/2020:

Nợ TK 911: 13.716.845 đồng

Có TK 821: 13.716.845 đồng

- Kế toán xác định được lợi nhuận của công ty sau thuế TNDN Quý IV năm 2020:

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận sau thuế} &= \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN} \\ &= 68.584.226 - 13.716.845 = 54.867.381 \text{ (đồng)} \end{aligned}$$

#### 2.2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

- Quy trình hạch toán:

Cuối năm, sau khi tổng hợp được doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ kế toán tổng hợp kết chuyển vào TK 911 để xác định lãi, lỗ và kết chuyển sang TK 421 để xác định lợi nhuận kinh doanh.

Việc xác định kết quả kinh doanh giúp cho việc lập các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, đồng thời giúp cho nhà quản lý có cái nhìn toàn diện, sâu sắc về tình hình tài chính công ty từ đó đưa ra các quyết định kịp thời và hợp lý.

- Tài khoản sử dụng: Công ty hạch toán TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển doanh thu xác định kết quả kinh doanh của công ty trong quý IV/2020

Nợ TK 511: 661.441.900 đồng

Nợ TK 515: 21.200 đồng

Có TK 911: 661.463.100 đồng

- Kết chuyển chi phí xác định kết quả kinh doanh của công ty trong quý IV/2020.

Nợ TK 911: 606.595.719 đồng

Có TK 632: 464.390.265 đồng

Có TK 635: 33.011.111 đồng

Có TK 641: 93.452.498 đồng

Có TK 642: 2.025.000 đồng

Có TK 821: 13.716.845 đồng

Sau khi cân đối giữa phát sinh Nợ và phát sinh Có của tài khoản 911, kế toán tiến hành kết chuyển số dư trên tài khoản 911 sang tài khoản 421.

Kế toán hạch toán lợi nhuận sau thuế Quý IV/2020 như sau:

Nợ TK 911: 54.867.381 đồng

Có TK 421: 54.867.381 đồng

Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

Địa chỉ: 11A Tầng Bạt Hồ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**PHIẾU KẾT CHUYỂN**

Tên phiếu: Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Số :01/20

Địa chỉ: Ngày 31/12/2020

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	661.441.900
	Cộng			661.441.900

Tổng tiền bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi một triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn chín trăm đồng./.

**Người lập phiếu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

Địa chỉ: 11A Tầng Bạt Hồ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**PHIẾU KẾT CHUYỂN**

Tên phiếu: Kết chuyển giá vốn hàng bán Số :02/20

Địa chỉ: Ngày 31/12/2020

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	464.390.265
	Cộng			464.390.265

Tổng tiền bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm chín mươi nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng./.

**Người lập phiếu**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

Địa chỉ: 11A Tầng Bạt Hồ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**PHIẾU KẾT CHUYỂN**

Tên phiếu : Kết chuyển chi phí bán hàng

Số: 03/20

Địa chỉ:

Ngày 31/12/2020

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	93.452.498
	Cộng			93.452.498

Tổng tiền bằng chữ: Chín mươi ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng./.

**Người lập phiếu**

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

Địa chỉ: 11A Tầng Bạt Hồ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**PHIẾU KẾT CHUYỂN**

Tên phiếu : Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

Số: 04/20

Địa chỉ:

Ngày 31/12/2020

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	2.025.000
	Cộng			2.025.000

Tổng tiền bằng chữ: Hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng./.

**Người lập phiếu**

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

Địa chỉ: 11A Tầng Bạt Hồ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### PHIẾU KẾT CHUYỂN

Tên phiếu : Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

Số: 05/20

Địa chỉ:

Ngày 31/12/2020

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	21.200
	Cộng			21.200

Tổng tiền bằng chữ: Hai mươi một nghìn hai trăm đồng./.

**Người lập phiếu**

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

Địa chỉ: 11A Tầng Bạt Hồ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### PHIẾU KẾT CHUYỂN

Tên phiếu : Kết chuyển chi phí tài chính

Số: 06/20

Địa chỉ:

Ngày 31/12/2020

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	33.011.111
	Cộng			33.011.111

Tổng tiền bằng chữ: Ba mươi ba triệu không trăm mười một nghìn một trăm mười một đồng./.

**Người lập phiếu**

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

Địa chỉ: 11A Tầng Bạt Hồ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### PHIẾU KẾT CHUYỂN

Tên phiếu : Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Số: 07/20

Địa chỉ:

Ngày 31/12/2020

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	13.716.845
	Cộng			13.716.845

Tổng tiền bằng chữ: Mười ba triệu bảy trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng./.

**Người lập phiếu**

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

Địa chỉ: 11A Tầng Bạt Hồ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### PHIẾU KẾT CHUYỂN

Tên phiếu : Kết chuyển Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số: 08/20

Địa chỉ:

Ngày 31/12/2020

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	911	421	54.867.381
	Cộng			54.867.381

Tổng tiền bằng chữ: Năm mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi một đồng./.

**Người lập phiếu**

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị : CÔNG TY TNHH CD THỊNH PHÁT

Mẫu số S38-DN

Địa chỉ : 11A TẦNG BẠT HỒ- QUY NHƠN

(Ban hành theo TT  
200/2014TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ  
Trưởng BTC)**SỔ CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Tài khoản: 511

Quý 4 năm 2020

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4	5
		<b>Số dư đầu kỳ</b>					
HĐ 000770	15/10	Bán bán bình chữa cháy	112		45.545.455		
HĐ 000771	18/11	Bán hệ thống chống sét	112		377.678.010		
HĐ 000772	15/12	Bán hệ thống bộ đàm	131		238.218.435		
		<b>Số P/S trong kỳ</b>			<b>661.441.900</b>		
KC 01/20	31/12	Kết chuyển doanh thu BH& CCDV	911	661.441.900			
		<b>Cộng phát sinh quý 4</b>		<b>661.441.900</b>	<b>661.441.900</b>		

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**  
**Địa chỉ :11A Tăng Bạt Hổ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình**  
**Định**

**Mẫu số S38-DN**  
*(Ban hành theo TT*  
*200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ*  
*Trưởng BTC)*

**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Tài khoản: 632  
 Quý 4 Năm 2020

*(ĐVT: Đồng)*

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4	5
		<b>Số dư đầu kỳ</b>					
PXK 000678	15/10	Xuất bình chữa cháy	156	35.435.550			
PXK 000679	18/11	Xuất hệ thống chống sét	156	243.796.410			
PXK 000680	15/12	Xuất hệ thống bộ đàm	156	185.158.305			
		<b>Số P/S trong kỳ</b>		<b>464.390.265</b>			
KC 02/20	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		464.390.265		
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>464.390.265</b>	<b>464.390.265</b>		

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**  
**Địa chỉ : 11A Tầng Bạt Hồ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định**

**Mẫu số S38-DN**  
 (Ban hành theo TT  
 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ  
 Trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ BÁN HÀNG

Tài khoản: 641  
 Quý 4 Năm 2020

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4	5
		<b>Số dư đầu kỳ</b>					
PC 000801	31/10	Tiền xăng cho bộ phận bán hàng	111	15.578.000			
GBN 000661	30/11	Tiền xăng cho bộ phận bán hàng	112	32.199.498			
	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	214	45.675.000			
		<b>Số P/S trong kỳ</b>		<b>93.452.498</b>			
KC 03/20	31/12	Kết chuyển chiphí bán hàng	911		93.452.498		
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>93.452.498</b>	<b>93.452.498</b>		

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**

**Địa chỉ : 11A Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định**

**Mẫu số S38-DN**

*(Ban hành theo TT*

*200/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ*

*Trưởng BTC)*

## SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Tài khoản: 642

Quý 4 Năm 2020

*(ĐVT: Đồng)*

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4	5
		<b>Số dư đầu kỳ</b>					
PC 000802	31/10	Tiền cước viễn thông	111	150.000			
PC 000803	17/11	Chi tiếp khách	111	1.875.000			
		<b>Số phát sinh trong kỳ</b>		<b>2.025.000</b>			
KC 04/20	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		2.025.000		
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>2.025.000</b>	<b>2.025.000</b>		

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN THỊNH PHÁT****Mẫu số S38-DN****Địa chỉ : 11A TẦNG BÁT HỔ- QUY NHƠN***(Ban hành theo TT  
200/2014TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của  
Bộ Trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tài khoản: 515

Quý 4 Năm 2020

*(ĐVT: Đồng)*

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4	5
		<b>Số dư đầu kỳ</b>					
GBC 000603	30/11	Lãi tiền gửi	1121		18.000		
GBC 000604	31/12	Lãi tiền gửi	1121		3.200		
		<b>Số P/S trong kỳ</b>			<b>21.200</b>		
KC 05/20	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	21.200			
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>21.200</b>	<b>21.200</b>		

**Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*



Đơn vị : CÔNG TY TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

Địa chỉ :11A Tầng Bạt Hồ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Mẫu số S38-DN***(Ban hành theo TT**200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ**Trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Tài khoản: 635

Quý 4 Năm 2020

*(ĐVT: Đồng)*

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4	5
		<b>Số dư đầu kỳ</b>					
GBN 000662	10/11	Trả lãi vay	1121	17.911.111			
GBN 000663	21/12	Trả lãi vay	1121	15.100.000			
		<b>Số P/S trong kỳ</b>		<b>33.011.111</b>			
KC 06/20	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		33.011.111		
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>33.011.111</b>	<b>33.011.111</b>		

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Đơn vị : CÔNG TY TNHH Cơ Điện Thịnh Phát  
Địa chỉ :11A Tầng Bạt Hồ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Mẫu số S38-DN**  
(Ban hành theo TT  
200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ  
Trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tài khoản: 821  
Quý 4 Năm 2020

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4	5
		Số dư đầu kỳ					
	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	13.716.845			
		<b>Số phát sinh trong kỳ</b>		<b>13.716.845</b>			
KC 07/20	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911		13.716.845		
		<b>Cộng phát sinh</b>		<b>13.716.845</b>	<b>13.716.845</b>		

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tăng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
 Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số:102/20**

**Thời gian: 31/12/2020**

(Đvt: Đồng)

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Bán bình chữa cháy	112	511	45.545.455	
Bán hệ thống chống sét	112	511	377.678.010	
Bán hệ thống bộ đàm	131	511	238.218.435	
Cộng phát sinh			661.441.900	

Kèm theo 03 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ**

**Giám đốc**

(Ký họ tên)

(Ký họ tên)

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tăng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
 Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số:103/20**

**Thời gian:31/12/2020**

( Đvt: Đồng)

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất bán bình chữa cháy	632	156	35.435.550	
Xuất hệ thống chống sét	632	156	243.796.410	
Xuất bán hệ thống bộ đàm	632	156	185.158.305	
Cộng phát sinh			464.390.265	

Kèm theo 03 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ**

**Giám đốc**

( ký, họ tên)

(ký họ tên)

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
*Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC*

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số:104/20**

**Thời gian:31/12/2020**

( Đvt: Đồng)

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tiền xăng cho bộ phận bán hàng	641	111	15.578.000	
Tiền xăng cho bộ phận bán hàng	641	112	32.199.498	
Trích khấu hao TSCĐ	641	214	45.675.000	
Cộng phát sinh			93.452.498	

Kèm theo 03 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ**

**Giám đốc**

(Ký họ tên)

(Ký họ tên)

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
*Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC*

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số:105/20**

**Thời gian:31/12/2020**

( Đvt: Đồng)

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tiền cước viễn thông tháng 10	642	111	150.000	
Chi tiếp khách	642	111	1.875.000	
Cộng phát sinh			2.025.000	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ**

**Giám đốc**

(Ký họ tên)

(Ký họ tên)

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
ĐC:11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
*Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC*

**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số:106/20****Thời gian: 31/12/2020***(Đvt: Đồng)*

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Lãi tiền gửi tháng 11	112	515	18.000	
Lãi tiền gửi tháng 12	112	515	21.200	
Cộng phát sinh			21.200	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ***(Ký họ tên)***Giám đốc***(Ký họ tên)*

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
ĐC:11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
*Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC*

**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số:107/20****Thời gian:31/12/2020***( DVT: Đồng)*

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Trả lãi vay tháng 11	635	112	17.911.111	
Trả lãi vay tháng 12	635	112	15.100.000	
Cộng phát sinh			33.011.111	

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ***(Ký họ tên)***Giám đốc***(Ký họ tên)*

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
*Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC*

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số:108/20**

**Thời gian:31/12/2020**

( Dvt: Đồng)

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	821	3334	13.716.845	
Cộng phát sinh			13.716.845	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ**

**Giám đốc**

(Ký họ tên)

(Ký họ tên)

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
*Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC*

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số:109/20**

**Thời gian:31/12/2020**

(DVT: Đồng)

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tổng hợp định khoản từ phiếu kết chuyển số 01/20	511	911	661.441.900	
Cộng phát sinh			661.441.900	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

(Ký họ tên)

(Ký họ tên)

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
 Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số:110/20**

**Thời gian:31/12/2020**

( ĐVT: Đồng)

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tổng hợp định khoản từ phiếu	911	632	464.390.265	
kết chuyển số 02/20				
Cộng phát sinh			464.390.265	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

(Ký họ tên)

(Ký họ tên)

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
 Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số:111/20**

**Thời gian:31/12/2020**

(ĐVT: Đồng)

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tổng hợp định khoản từ phiếu	911	641	93.452.498	
kết chuyển số 03/20				
Cộng phát sinh			93.452.498	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

(Ký họ tên)

(Ký họ tên)

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
 Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

**Số:112/20**

**Thời gian:31/12/2020**

( ĐVT: Đồng)

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tổng hợp định khoản từ phiếu	911	642	2.025.000	
kết chuyển số 04/20				
Cộng phát sinh			2.025.000	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

(Ký họ tên)

(Ký họ tên)

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
 Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

**Số:113/20**

**Thời gian:31/12/2020**

( Đvt: Đồng)

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tổng hợp định khoản từ phiếu	515	911	21.200	
kết chuyển số 05/20				
Cộng phát sinh			21.200	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

(Ký họ tên)

(Ký họ tên)



ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
*Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC*

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số:114/20**

**Thời gian:31/12/2020**

(Đvt: Đồng)

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tổng hợp định khoản từ phiếu	911	635	33.011.111	
kết chuyển số 06/20				
Cộng phát sinh			33.011.111	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

(Ký họ tên)

(Ký họ tên)

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
*Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC*

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số:115/20**

**Thời gian:31/12/2020**

(Đvt: Đồng)

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tổng hợp định khoản từ phiếu	911	821	13.716.845	
kết chuyển số 07/20				
Cộng phát sinh			13.716.845	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

(Ký họ tên)

(Ký họ tên)

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
*Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC*

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

**Số:116/20**

**Thời gian:31/12/2020**

( Đvt: Đồng)

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tổng hợp định khoản từ phiếu	911	421	54.867.381	
kết chuyển số 08/20				
Cộng phát sinh			54.867.381	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

(Ký họ tên)

(Ký họ tên)

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02b-DN**  
*Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC*  
*Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC*

### SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

(Đvt: Đồng)

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
SH	NT		SH	NT	
102/20	31/12	661.441.900	109/20	31/12	661.441.900
103/20	31/12	464.390.265	110/20	31/12	464.390.265
104/20	31/12	93.452.498	111/20	31/12	93.452.498
105/20	31/12	2.025.000	112/20	31/12	2.025.000
106/20	31/12	21.200	113/20	31/12	21.200
107/20	31/12	33.011.111	114/20	31/12	33.011.111
108/20	31/12	13.716.845	115/20	31/12	13.716.845
Cộng		...	....	....	....

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ**

**Giám đốc**

(Ký họ tên)

(Ký họ tên)

**Đơn vị:** Cty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**Mẫu số:** S02c1 - DN**Địa chỉ:** 11A Tăng Bạt Hồ

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

TP. Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Quý 4 năm 2020

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

(Đvt: Đồng)

Ngày GS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	PS Nợ	PS có
	SH	NT				
31/12	102/20	31/12	Thu tiền bán bình chữa cháy theo HĐ 000770	112		45.545.455
31/12	102/20	31/12	Thu tiền bán hệ thống chống sét	112		377.678.010
31/12	102/20	31/12	Bán hệ thống bộ đàm	131		238.218.435
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			<b>661.441.900</b>
31/12	109/20	31/12	Kết chuyển doanh thu BH& CCDV	911	661.441.900	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>661.441.900</b>	<b>661.441.900</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH CD Thịnh Phát

Địa chỉ: 11A Tăng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số S02c1- DN**Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**SỔ CÁI**

Quý 4 năm 2020

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

*(Đvt: Đồng)*

Ngày GS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu Tk đ.ứ	PS Nợ	PS có
	SH	NT				
31/12	103/20	31/12	Xuất bình chữa cháy	156	35.435.550	
31/12	103/20	31/12	Xuất hệ thống chống sét	156	243.796.410	
31/12	103/20	31/12	Xuất hệ thống bộ đàm	156	185.158.305	
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>		<b>464.390.265</b>	
31/12	110/20	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		464.390.265
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>464.390.265</b>	<b>464.390.265</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

ĐV:Công ty TNHH CĐ Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02c1-DN**  
 Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

### SỔ CÁI

Quý 4 năm 2020

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

(Đvt: Đồng)

Ngày GS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu Tk đ.ứ	PS Nợ	PS có
	SH	NT				
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
31/12	104/20	31/12	Tiền xăng cho bộ phận bán hàng	111	15.578.000	...
31/12	104/20	31/12	Tiền xăng cho bộ phận bán hàng	112	32.199.498	
31/12	104/20	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	214	45.675.000	
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>		<b>93.452.498</b>	
31/12	111/20	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		93.452.498
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>93.452.498</b>	<b>93.452.498</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

ĐV: Công ty TNHH CĐ Thịnh Phát  
 ĐC: 11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02c1-DN**  
 Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

## SỔ CÁI

Năm 2020

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

(Đvt: Đồng)

Ngày GS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu Tk đ.ứ	PS Nợ	PS có
	SH	NT				
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
31/12	105/20	31/12	Thanh toán cước dịch vụ viễn thông	111	150.000	
31/12	105/20	31/12	Tiếp khách	111	1.875.000	
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>		<b>2.025.000</b>	
31/12	112/20	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		2.025.000
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>2.025.000</b>	<b>2.025.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

Đơn vị: Cty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

**Mẫu số: S02c1 - DN**

Địa chỉ: 11A Tăng Bạt Hồ

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

TP. Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Quý 4 năm 2020

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

*(Đvt: Đồng)*

Ngày GS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu Tk đ.ứ	PS Nợ	PS có
	SH	NT				
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
31/12	106/20	31/12	Lãi tiền gửi	1121		18.000
31/12	106/20	31/12	Lãi tiền gửi	1121		3.200
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>			<b>21.200</b>
31/12	113/20	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	21.200	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>21.200</b>	<b>21.200</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

ĐV: Công ty TNHH CĐ Thịnh Phát  
 ĐC: 11A Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02c1-DN**  
 Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

## SỔ CÁI

Quý 4 năm 2020

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

(Đvt: Đồng)

Ngày GS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu Tk đ.ứ	PS Nợ	PS có
	SH	NT				
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
31/12	107/20	31/12	Trả lãi vay	112	17.911.111	
31/12	107/20	31/12	Trả lãi vay	112	15.100.000	
			<b>Số P/S trong kỳ</b>		<b>33.011.111</b>	
31/12	114/20	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		33.011.111
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>33.011.111</b>	<b>33.011.111</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)



ĐV: Cty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC: 11A Tăng Bạt Hồ, TP.Quy  
 Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Mẫu số S02c1-DN**  
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### SỔ CÁI

Quý 4 năm 2020

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

(Đvt: Đồng)

Ngày GS	CTGS		Diễn giải	Tk đ.ứ	PS Nợ	PS có
	SH	NT				
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
31/12	108/20	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	13.716.845	
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>		<b>13.716.845</b>	
31/12	115/20	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911		13.716.845
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>13.716.845</b>	<b>13.716.845</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

**Đơn vị:** CtyTNHH CD Thịnh Phát**Địa chỉ:** 11A Tăng Bạt Hồ, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định**Mẫu số S02c1-DN**

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**SỔ CÁI**

Quý 4 năm 2020

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

(Đvt: Đồng)

NTGS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu Tk đ.ứ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
31/12	109/20	31/12	Kết chuyển doanh thu BH&CCDV	511		661.441.900
31/12	110/20	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	464.390.265	
31/12	111/20	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	93.452.498	
31/12	112/20	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	2.025.000	
31/12	113/20	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515		21.200
31/12	114/20	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	33.011.111	
31/12	115/20	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	13.716.845	
31/12	116/20	31/12	Kết chuyển lãi/ lỗ	421	54.867.381	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>661.463.100</b>	<b>661.463.100</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

ĐV: Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC: 11A Tăng Bạt Hổ, TP.Quy  
 Nhơn, Tỉnh Bình Định

**Mẫu số S02c1-DN**  
 Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## SỔ CÁI

Quý 4 năm 2020

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế

Số hiệu: 421

(Đvt: Đồng)

Ngày GS	CTGS		Diễn giải	Số hiệu Tk đ.ứ	PS Nợ	PS có
	SH	NT				
31/12	116/20	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911		54.867.381
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>54.867.381</b>	<b>54.867.381</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH CƠ ĐIỆN THỊNH PHÁT**

### **3.1. Đánh giá chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**

#### ***3.1.1. Kết quả đạt được***

##### **❖ Đối với khâu tổ chức hạch toán ban đầu**

Các chứng từ được sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cơ sở pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ đều được sử dụng đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, những thông tin kinh tế về nội dung của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ. Các chứng từ đều được kiểm tra, giám sát chặt chẽ, hoàn chỉnh.

##### **❖ Đối với công tác hạch toán tổng hợp**

Công ty đã áp dụng đầy đủ chế độ tài chính, kế toán của bộ tài chính ban hành. Để phù hợp tình hình và đặc điểm của công ty, kế toán đã mở tài khoản cấp 2 nhằm phản ánh một cách chi tiết, cụ thể hơn tình hình biến động của các loại tài sản của công ty và giúp cho kế toán thuận tiện hơn cho việc ghi chép một cách đơn giản, rõ ràng và mang tính thuyết phục, tránh được sự chòng chéo trong công việc ghi chép kế toán.

##### **❖ Đối với hệ thống sổ sách sử dụng**

Trong việc tổ chức hệ thống sổ sách, kế toán công ty đã áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ phù hợp với lao động kế toán và tạo điều kiện cho việc chuyên môn hóa kế toán. Tổ chức hệ thống sổ sách và luân chuyển sổ kế toán hợp lý, khoa học trên cơ sở vận dụng một cách sáng tạo chế độ kế toán hiện hành và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

- Về hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán: việc xây dựng hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản của công ty được vận dụng đúng theo chuẩn mực và chế độ kế toán. Chứng từ được tổ chức hợp lý, ghi chép đầy đủ, trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sổ sách của công ty được tổ chức chặt chẽ, thuận tiện cho quá trình ghi chép và lập Báo cáo tài chính.

- Việc xác định kết quả tiêu thụ: việc xác định kết quả tiêu thụ của công ty được tiến hành vào cuối mỗi quý một cách chính xác và kịp thời. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng được theo dõi đảm bảo các khoản chi hợp lý và tiết kiệm.

- Về công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: Nhìn chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát đã được bộ máy kế toán thực hiện rất tốt, đúng theo các quy định của Bộ tài chính ban hành. Khi một nghiệp vụ phát sinh, từ khâu bán hàng ghi nhận doanh thu đến hạch toán chi phí phát sinh đều có đầy đủ các chứng từ gốc chứng minh.

### ***3.1.2. Những nhược điểm còn tồn tại***

- Về quy trình luân chuyển chứng từ: Về cơ bản, mỗi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có phiếu giao nhận chứng từ. Vì thế khi xảy ra mất mát chứng từ thì không có biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

- Về tài khoản sử dụng: Khi hạch toán doanh thu và giá vốn hàng bán kế toán nên hạch toán chưa chi tiết doanh thu và giá vốn từng mặt hàng. Hiện nay công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho tài khoản 511 và TK 632 dẫn đến khó theo dõi doanh thu và giá vốn từng mặt hàng .

- Về các khoản chiết khấu thương mại: khoản chiết khấu thương mại đối với khách hàng hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn cuối cùng, không theo dõi qua tài khoản 5211 “ Chiết khấu thương mại” là chưa hợp lý. Vì vậy, cần thiết kế toán theo dõi khoản chiết khấu này qua tài khoản 5211 để tránh sai sót trong quá trình xử lý số liệu.

### ***3.1.3. Những nguyên nhân của các nhược điểm***

- Các chuẩn mực, thông tư, nghị định hướng dẫn mang tính chất chung chung, áp dụng cho tất cả các ngành, các thành phần kinh tế trong khi mỗi ngành lại có đặc điểm hoạt động riêng, có yêu cầu quản lý khác nhau. Do đó sẽ có nhiều trường hợp kế toán hiểu sai nên áp dụng sai quy định của Nhà nước.

- Chế độ kế toán thường xuyên thay đổi dẫn đến việc cập nhật và vận dụng ở công ty còn chậm và chưa đầy đủ.

- Ban lãnh đạo của công ty chỉ quan tâm đến chỉ tiêu tổng hợp kinh doanh cuối cùng, chưa thực sự quan tâm đến các phần hành nhỏ hơn.

- Kế toán viên cũng chưa thực sự sáng tạo và chủ động trong quá trình làm việc, làm theo những khuôn mẫu có sẵn mà không chủ động đề xuất những ý kiến để cải thiện bộ máy kế toán của đơn vị. Năng lực, trình độ của kế toán còn hạn chế.

- Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên, để kế toán quản trị trở thành công cụ đắc lực, đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin chính xác và kịp thời cho nhà quản trị công ty nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và hướng tới mục tiêu cuối cùng của công ty là tối đa hóa lợi nhuận thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần được quan tâm và hoàn thiện hơn.

### **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.**

#### ***3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.***

Mỗi doanh nghiệp đều có một hình thức, quan niệm, cách thức khác nhau, xong các doanh nghiệp đều mong muốn có một cách thức tính, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp mình. Chính vì vậy do sự thay đổi kinh tế, do đặc thù về kinh doanh, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có những tồn tại mà các nhà quản lý đã, đang và sẽ cố gắng nỗ lực mong muốn khắc phục những tồn tại đó để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho việc hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp đi vào nề nếp, giảm bớt những chi phí không cần thiết. Nó cũng cho các doanh nghiệp xác định đúng đắn chi phí sản xuất và chi phí kinh doanh. Từ đó xác định đúng đắn thu nhập của doanh nghiệp, ngoài ra còn giúp doanh nghiệp cân đối giữa chi phí và kết quả tạo cho hiệu quả kinh tế được tăng lên giúp cho doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, với các ban ngành có liên quan.

#### ***3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.***

*Giải pháp thứ nhất, về quy trình luân chuyển chứng từ*

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và bên nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người,

đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các cán bộ công nhân viên đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Công ty có một số chứng từ gốc (hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho) bị thất lạc, nên quá trình luân chuyển chứng từ giữa bộ phận bán hàng và kế toán tổng hợp gặp khó khăn. Kế toán tổng hợp thiếu chứng từ khi tổng hợp lên các sổ chi tiết và sổ cái. Nhưng do chưa có sổ giao nhận chứng từ nên không biết quy trách nhiệm cho ai. Vì vậy, Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ.

ĐV: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

ĐC: 11A Tầng Bạt Hồ- TP. Quy Nhơn- Tỉnh Bình Định

### SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng ....năm...

Ngày, tháng	Loại chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ

Bên giao  
(Ký, họ tên)

Bên nhận  
(Ký, họ tên)

*Giải pháp thứ hai, hệ thống tài khoản kế toán:* khi hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại mặt hàng bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy, công ty nên mở thêm tài khoản chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán.

**Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh  
Phát**

**Mẫu số S36-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

**Địa chỉ: 11A Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn**

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **SỔ CHI PHÍ KINH DOANH**

**- Tài khoản: 632**

**- Tên sản phẩm, dịch vụ: Bình chữa cháy**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản ...					
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						632	...	...	...	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
15/11	PXK 000679	31/12	- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ	156	35.435.550	35.435.550				
			- Cộng số phát sinh trong kỳ		35.435.550	35.435.550				
			- Ghi Có TK 632		35.435.550	35.435.550				
			- Số dư cuối kỳ		35.435.550	35.435.550				

- Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 03

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2020..

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**

**Địa chỉ: 11A Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn**

**Mẫu số S35-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

**Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Bình chữa cháy.**

**Năm: Quý IV/2020**

**Quyển số: 02**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
15/10	HĐ 000770	31/12							
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần	112	25	1.821.818,2	45.545.455		
			- Giá vốn hàng bán	156	25	1.417.422	35.435.550		
			- Lãi gộp				10.109.905		

- Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 03

- Ngày mở sổ:

Ngày.31tháng 12năm 2020.

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh  
Phát**

**Mẫu số S36-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

**Địa chỉ: 11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn**

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **SỔ CHI PHÍ KINH DOANH**

**- Tài khoản: 632**

**- Tên sản phẩm, dịch vụ: Hệ thống chống sét**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản ...					
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						632	...	...	...	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
18/11	PXK 000679	31/12	- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ	156	243.796.410	243.796.410				
			- Cộng số phát sinh trong kỳ		243.796.410	243.796.410				
			- Ghi Có TK 632		243.796.410	243.796.410				
			- Số dư cuối kỳ		243.796.410	243.796.410				

- Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 03

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2020..

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**

**Mẫu số S35-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

**Địa chỉ: 11A Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn**

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

**Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư):** Hệ thống chống sét.

**Năm: Quý IV/2020**

**Quyển số: 02**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
18/11	HĐ 000771	31/12							
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần	112	190	1.987.779	377.678.010		
			- Giá vốn hàng bán	156	190	1.283.139	243.796.410		
			- Lãi gộp				133.881.600		

- Sổ này có. 03trang, đánh số từ trang 01 đến trang 03

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh  
Phát**

**Mẫu số S36-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

**Địa chỉ: 11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn**

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI PHÍ KINH DOANH**

- Tài khoản: 632

- Tên sản phẩm, dịch vụ: Hệ thống bộ đàm

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản ...					
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						632	...	...	...	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
15/12	PXK 000680	31/12	- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ	156	185.158.305	185.158.305				
			- Cộng số phát sinh trong kỳ		185.158.305	185.158.305				
			- Ghi Có TK 632		185.158.305	185.158.305				
			- Số dư cuối kỳ		185.158.305	185.158.305				

- Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 03

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2020..

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Đơn vị: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**

**Mẫu số S35-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

**Địa chỉ: 11A Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn**

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

**Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư):** Hệ thống bộ đàm.

**Năm: Quý IV/2020**

**Quyển số: 02**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
15/12	HĐ 000772	31/12							
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần	112	135	1.764.581	238.218.435		
			- Giá vốn hàng bán	156	135	1.371.543	185.158.305		
			- Lãi gộp				53.060.130		

- Sổ này có .03trang, đánh số từ trang 01 đến trang 03

- Ngày mở sổ: ...

Ngày.31 tháng 12 năm 2020.

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐV: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

ĐC: 11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT DOANH THU BÁN HÀNG

Quý 4/ 2020

(Đvt: Đồng)

STT	Tên hàng hóa	Giá vốn hàng bán
1	Bình chữa cháy	45.545.455
2	Hệ thống chống sét	377.678.010
3	Hệ thống bộ đàm	238.218.435
	Cộng	661.441.900

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập phiếu**

( Ký, ghi rõ họ, tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, ghi rõ họ, tên)

ĐV: Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát

ĐC: 11A Tầng Bạt Hồ, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Quý 4/ 2020

(Đvt: Đồng)

STT	Tên hàng hóa	Giá vốn hàng bán
1	Bình chữa cháy	35.435.550
2	Hệ thống chống sét	243.796.410
3	Hệ thống bộ đàm	185.158.305
	Cộng	464.390.265

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Người lập phiếu**

( Ký, ghi rõ họ, tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, ghi rõ họ, tên)

*Giải pháp thứ ba, áp dụng chính sách chiết khấu thương mại*

Trong trường hợp chiết khấu thương mại khách hàng được hưởng quá nhiều lần mua hàng, số tiền chiết khấu thương mại được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng và khoản chiết khấu thương mại chỉ được xác định trong lần mua cuối cùng. Trong trường hợp này, kế toán cần theo dõi chiết khấu qua tài khoản 5211 để đảm bảo thông tin giảm trừ doanh thu được chính xác. Khi đó kế toán hạch toán:

Nợ TK 5211 “Chiết khấu thương mại”

Nợ TK 3331 “Thuế GTGT”

Có TK 111,112,131

Cuối kỳ kế toán tiến hành giảm trừ doanh thu

Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Có TK 5211 “Chiết khấu thương mại”

Việc theo dõi quản lý chặt chẽ chiết khấu thương mại trong công ty vô cùng cần thiết, bởi lẽ công việc đó cung cấp thông tin tỷ trọng cho chiết khấu thương mại trên tổng số các khoản giảm trừ doanh thu và chiết khấu thương mại chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng số doanh thu. Từ đó, giúp các nhà quản lý đưa ra các chính sách bán hàng hợp lý, kích thích tiêu dùng nhưng không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

Ví dụ: Trong quý III/2020 bán cho công ty CP DV& TM HDT Việt Nam- CN Bình Định 360 hệ thống chống sét với giá vốn 1.283.139 đồng/ cái với đơn giá 1.987.779 đồng/ cái, thuế suất thuế GTGT 10%. Theo hóa đơn GTGT số 000654, 000655, 000656, 000657. Căn cứ vào hợp đồng mua bán giữa công ty CP DV& TM HDT Việt Nam- CN Bình Định và công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát số 008/2020/HĐMB. Số lượng hàng hàng mua lớn hơn 360 bình khách hàng sẽ được chiết khấu 5% giá trị hàng hóa (áp dụng chiết khấu được tính cộng dồn hết ngày 30/09/2020, số tiền chiết khấu thương mại được tổng kết thực hiện vào lần cuối cùng của bên mua).

<b>HÓA ĐƠN (GTGT)</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
(Liên 2: Dùng cho khách hàng)		KH: TP/20P			
Ngày 10 tháng 07 năm 2020		Số: 000654			
<b>Đơn vị bán hàng:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát					
<b>Mã số thuế:</b> 4101546032					
<b>Địa chỉ:</b> số 11A Tăng Bạt Hổ – TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Số điện thoại:</b> 02563815879					
<b>Họ tên người mua hàng:</b> Nguyễn Tuấn Dũng					
<b>Tên đơn vị:</b> Công ty CP DV& TM HDT Việt Nam- CN Bình Định					
<b>Mã số thuế:</b> 0105878560002					
<b>Địa chỉ:</b> Số 45 Tăng Bạt Hổ – TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Hình thức thanh toán :</b> CK/TM			<b>STK:</b> 58110000123457		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Hệ thống chống sét	cái	100	1.987.779	198.777.900
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>198.777.900</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT:</b>		<b>19.877.790</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>218.655.690</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> Hai trăm mười tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi đồng./.					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
( Ký, ghi rõ họ, tên)		( Ký, ghi rõ họ, tên)		( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	



<b>HÓA ĐƠN (GTGT)</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
(Liên 2: Dùng cho khách hàng)		KH: TP/20P			
Ngày 18 tháng 08 năm 2020		Số: 000655			
<b>Đơn vị bán hàng:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát					
<b>Mã số thuế:</b> 4101546032					
<b>Địa chỉ:</b> số 11A Tăng Bạt Hổ – TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Số điện thoại:</b> 02563815879					
<b>Họ tên người mua hàng:</b> Nguyễn Tuấn Dũng					
<b>Tên đơn vị:</b> Công ty CP DV& TM HDT Việt Nam- CN Bình Định					
<b>Mã số thuế:</b> 0105878560002					
<b>Địa chỉ:</b> Số 45 Tăng Bạt Hổ – TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Hình thức thanh toán :</b> CK/TM		<b>STK:</b> 58110000123457			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Hệ thống chống sét	cái	150	1.987.779	298.166.850
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>298.166.850</b>
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT:</b>		<b>29.816.685</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>327.983.353</b>
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> Ba trăm hai mươi bảy triệu chín trăm tám mươi ba nghìn ba trăm năm mươi ba đồng./.					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
( Ký, ghi rõ họ, tên)		( Ký, ghi rõ họ, tên)		( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

<b>HÓA ĐƠN (GTGT)</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
(Liên 2: Dùng cho khách hàng)		KH: TP/20P			
Ngày 21 tháng 08 năm 2020		Số: 000656			
<b>Đơn vị bán hàng:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát					
<b>Mã số thuế:</b> 4101546032					
<b>Địa chỉ:</b> số 11A Tăng Bạt Hổ – TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Số điện thoại:</b> 02563815879					
<b>Họ tên người mua hàng:</b> Nguyễn Tuấn Dũng					
<b>Tên đơn vị:</b> Công ty CP DV& TM HDT Việt Nam- CN Bình Định					
<b>Mã số thuế:</b> 0105878560002					
<b>Địa chỉ:</b> Số 45 Tăng Bạt Hổ – TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Hình thức thanh toán :</b> CK/TM		<b>STK:</b> 58110000123457			
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Hệ thống chống sét	cái	100	1.987.779	298.166.850
<b>Cộng tiền hàng:</b> 298.166.850					
<b>Thuế suất GTGT: 10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT:</b> 29.816.685		
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b> 327.984.535					
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> Ba trăm hai mươi bảy triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi lăm triệu đồng./.					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
( Ký, ghi rõ họ, tên)		( Ký, ghi rõ họ, tên)		( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

<b>HÓA ĐƠN (GTGT)</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
(Liên 2: Dùng cho khách hàng)		KH: TP/20P			
Ngày 30 tháng 09 năm 2020		Số: 000657			
<b>Đơn vị bán hàng:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát					
<b>Mã số thuế:</b> 4101546032					
<b>Địa chỉ:</b> số 11A Tăng Bạt Hổ– TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Số điện thoại:</b> 02563815879					
<b>Họ tên người mua hàng:</b> Nguyễn Tuấn Dũng					
<b>Tên đơn vị:</b> Công ty CP DV& TM HDT Việt Nam- CN Bình Định					
<b>Mã số thuế:</b> 0105878560002					
<b>Địa chỉ:</b> Số 45 Tăng Bạt Hổ– TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Hình thức thanh toán :</b> CK/TM		<b>STK:</b> 58110000123457			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Hệ thống chống sét	cái	10	1.987.779	19.877.790
<b>Cộng tiền hàng:</b> 19.877.790					
<b>Thuế suất GTGT:10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT:</b> 1.987.779		
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b> 21.865.569					
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> Hai trăm mười tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng./.					
<b>Người mua hàng</b>		<b>Người bán hàng</b>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b>	
( Ký, ghi rõ họ, tên)		( Ký, ghi rõ họ, tên)		( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

<b>HÓA ĐƠN (GTGT)</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
(Liên 2: Dùng cho khách hàng)			KH: TP/20P		
Ngày 30 tháng 09 năm 2020			Số: 000658		
<b>Đơn vị bán hàng:</b> Công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát					
<b>Mã số thuế:</b> 4101546032					
<b>Địa chỉ:</b> số 11A Tăng Bạt Hổ– TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Số điện thoại:</b> 02563815879					
<b>Họ tên người mua hàng:</b> Nguyễn Tuấn Dũng					
<b>Tên đơn vị:</b> Công ty CP DV& TM HDT Việt Nam- CN Bình Định					
<b>Mã số thuế:</b> 0105878560002					
<b>Địa chỉ:</b> Số 45 Tăng Bạt Hổ– TP Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định					
<b>Hình thức thanh toán :</b> CK/TM			<b>STK:</b> 58110000123457		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Chiết khấu thương mại 5% (Theo hợp đồng số 008/2020/HĐMB và hóa đơn GTGT 000654,000655, 000656, 000657)	cái	360	99.353,59	32.527.293
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>32.527.293</b>
<b>Thuế suất GTGT:10%</b>			<b>Tiền thuế GTGT: 3.252.729</b>		
<b>Tổng cộng tiền thanh toán: 35.780.022</b>					
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> Ba mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn không trăm hai mươi hai đồng./.					
<b>Người mua hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ, tên)		<b>Người bán hàng</b> ( Ký, ghi rõ họ, tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

**Đơn vị : CÔNG TY TNHH CD THỊNH PHÁT****Mẫu số S38-DN****Địa chỉ : 11A TẦNG BẠT HỒ- QUY NHƠN***(Ban hành theo TT**200/2014TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ**Trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI**

Tài khoản: 5211

Quý 3 năm 2020

*(ĐVT: Đồng)*

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	2	3	4	5
		<b>Số dư đầu kỳ</b>					
HD 000654	10/7	Bán hệ thống chống sét	112		198.777.900		
HD 000655	18/08	Bán hệ thống chống sét	112		298.166.850		
HD 000656	21/08	Bán hệ thống chống sét	112		298.166.850		
HD 000657	30/9	Bán hệ thống chống sét	112		19.877.790		
HD 000658	30/09	Chiết khấu thương mại	112	32.527.293	814.989.390		
		<b>Số P/S trong kỳ</b>		32.527.293	814.989.390		
KC 30/20	30/09	Kết chuyển chiết khấu thương mại	511		782.462.097		
		<b>Cộng phát sinh quý 3</b>		782.462.097	782.462.097		

**Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
 Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số:131/20**

**Thời gian: 30/09/2020**

*ĐVT: Đồng*

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chiết khấu cho công ty công ty CP DV& TM HDT Việt Nam- CN Bình Định	521	112	32.527.293	
Cộng phát sinh			32.527.293	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

*(Ký họ tên)*

*(Ký họ tên)*

ĐV:Công ty TNHH CD Thịnh Phát  
 ĐC:11A Tăng Bạt Hổ, TP. Quy Nhơn

**Mẫu số: S02a-DN**  
 Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

**Số:132/20**

**Thời gian: 30/09/2020**

*ĐVT: Đồng*

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chiết khấu cho công ty công ty CP DV& TM HDT Việt Nam- CN Bình Định	511	521	32.527.293	
Cộng phát sinh			32.527.293	

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

*(Ký họ tên)*

*(Ký họ tên)*

**Đơn vị:** Cty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát**Mẫu số:** S02c1 - DN**Địa chỉ:** 11A Tăng Bạt Hổ

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

TP. Quy Nhơn – Tỉnh Bình Định

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Quý 3 năm 2020

Tên tài khoản: Các khoản chiết khấu thương mại

Số hiệu: 5211

*(ĐVT: Đồng)*

Ngày GS	CTGS		Diễn giải	Tk đ.ứ	PS Nợ	PS có
	SH	NT				
			<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
30/09	131/20	30/09	Chiết khấu cho công ty CP DV& TM HDT Việt Nam- CN Bình Định	112	32.527.293	
			<b>Số phát sinh trong kỳ</b>		32.527.293	
30/09	132/20	30/09	Kết chuyển chiết khấu thương mại	511		32.527.293
			<b>Cộng số phát sinh</b>		32.527.293	32.527.293

Ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Người lập biểu**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)***Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)***Người đại diện theo pháp luật**  
*(Ký, họ tên)*

## KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát” đã giải quyết một số vấn đề sau:

➤ Về mặt lý luận:

- Đưa ra được những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. trong các doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

- Đưa ra được những lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, đánh giá khái quát tình hình tài chính trong doanh nghiệp.

➤ Về mặt thực tiễn:

- Đề tài đã phản ánh thực tế kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát.

- Đề tài đã đánh giá được ưu điểm, nhược điểm trong kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

- Đề tài đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát.

Do hạn chế về mặt thời gian cũng như kiến thức và một số điều kiện khách quan khác mà bài vẫn chưa đi sâu nghiên cứu vấn đề, chưa tiếp cận được một số tài liệu thực tế của đơn vị nên không thể phản ánh cụ thể, chi tiết các nghiệp vụ kinh tế. Hơn nữa, đề tài nghiên cứu chỉ mới dừng ở tìm hiểu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà chưa đi sâu vào phân tích, đánh giá phần hành kế toán này. Mặt khác, đây là lần đầu tiên em thực hiện đề tài này, với kinh nghiệm chưa nhiều nên bài làm không tránh khỏi những sai sót. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của giáo viên hướng dẫn để bài được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn!



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2014) *Chế độ kế toán doanh nghiệp* (Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính).
2. <http://Ketoathienhung.net>.
3. Nguyễn Văn Công (2006) Giáo trình *Phân tích kế toán tài chính* NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân.
4. Nguồn tài liệu từ phòng kế toán của công ty TNHH Cơ Điện Thịnh Phát
5. Thông tư 151/2014/ TT-BTC của Bộ tài chính (Ban hành ngày 10/10/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP)
6. Trang web:<http://www.weketoan.com>.